

THƯỢNG TƯỚNG
TRẦN VĂN TRÀ

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ CỦA B2 THÀNH ĐỒNG

KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH 30 NĂM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THƯ VIỆN



... Mỗi sự nghiệp của
mỗi con người đều là
sự nghiệp của tôi cả. Anh
có làm được việc gì thì
đó là một nhân dân giúp
đáp mà tôi. Tôi thấy phải
nhớ hết những điều. Khi về
thành phố sau giờ qua
bưu điện xong rồi. Nhớ
đến mà anh đã học thành
nhập ra, này làm nhiệm
vụ trước khi phải về
đến. Nhớ bạn bè mà anh
sẽ thành sự nghiệp. Này
có sự nghiệp cho anh qua
lòng bạn bè. Đức Việt
Nam là tình nghĩa, là đạo
nhờ thế này chúng ta
con người với con người.
Mỗi ta phải trong mà
lòng ta phải sáng, đó là
quý nhất của mọi đời
người...

KẾT THÚC CHIẾN TRANH 30 NĂM



THƯỢNG TƯỚNG
TRẦN VĂN TRÀ

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG
CỦA « B 2 — THÀNH ĐÔNG »
TẬP V

**KẾT THÚC
CHIẾN TRANH
30 NĂM**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1982

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1978, Tổng Cục Chính Trị Quân Đội nhân dân Việt Nam chủ trương xây dựng đội công tác và chiến đấu ở các chiến trường ghi bia hy của mình về cuộc chiến tranh chống Mỹ nhanh lẹ cho dân tộc ta và để nghị các viết về B2 trong mùa Xuân thông lại lần năm 1975 : " B2 đi khắp lãnh nhiệm vụ của Trung ương giao thì ai ở đi đang góp gì vào mùa Xuân về đây ? "

Vâng, cũng như các chiến trường trên toàn quốc, để làm tròn nhiệm vụ vinh quang của mình, B2 đã đóng góp không nhỏ vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Vùng đất B2, con người B2, đã tự hào xứng đáng là một bộ phận của Tổ quốc Việt Nam anh hùng, của dân tộc Việt Nam anh hùng. Nhớ lại và ghi về những sự việc xảy ra ở đây là một vinh dự và cũng là trách nhiệm của mọi cán bộ, chiến sĩ, mọi người của B2, Tôi đã nhận lời.

Nhưng tôi nghĩ sự đóng góp của B2, một chiến trường chủ yếu, không những chỉ là những trận đánh, những căn gác, những con đường, những con người đã ngã xuống, mà còn là những cái gì lớn hơn nhiều, có giá trị về chiến lược, nghệ thuật tổ chức, bằng thực tế thúc đẩy quá trình thắng lợi cuộc chiến tranh, có tính chất góp phần vào chủ trương, đường lối của Trung ương nữa. Cũng không phải chỉ toàn là những chiến thắng hào hùng, mà còn cả những thất bại chưa cay đắng, từng nơi, từng lúc, vì tất cả đó là sự thật, và là những kinh nghiệm quý báu. Nó là những nốt nhạc không thể thiếu để dựng thành bản giao hưởng anh hùng của thời đại. Vậy thì chỉ ghi lại một số sự việc của những ngày thắng lợi cuối cùng, dù là thắng lợi rồi vì đây, công sẽ là một thiếu sót lớn. Muốn tạo được mùa xuân bừng sáng, không thể không trải qua mùa đông âm u ; muốn có được mùa khô thắng lợi, không thể không trải qua mùa mưa năm trước, chỉ nói về ngọn mà không nói gốc thì thật là khó nói, và nói sẽ không đúng.

Vì vậy, tôi quyết định ghi lại những gì tôi biết và nhớ về B2 trong toàn bộ cuộc chiến tranh chống Mỹ lâu dài. Đây là một việc không đơn giản, phải mất

những thôn gian suy nghĩ, tìm tài tư liệu, gập lại cán bộ cũ, về lại chiến trường xưa, tìm lại sự thật diễn biến hết sức trung thực ... Phải nhớ nhiều anh em giúp sức, công tác, phải công tri nhớ của nhiều đồng chí trên nhiều cương vị, nhiều khu vực chiến trường. Nhưng tôi quyết tâm làm vì xem đó là trách nhiệm cuối cùng của mình về cuộc chiến tranh giải phóng, và cũng không thể trút cho ai, dù vốn B2, vùng đất mà tôi rất yêu quý vì hầu như suốt cuộc đời mình, sống và phục vụ ở đó từ những ngày hoạt động chính trị bí mật trước cách mạng tháng Tám cho tới thắng lợi hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc và có lẽ tôi cũng sẽ chôn nằm xuống mãi mãi ở đây.

Tôi chia tập sách của mình thành năm đoạn :

Đoạn 1 : Từ hiệp định Genève năm 1954 tới phong trào Đồng khởi năm 1960.

Đoạn 2 : Từ năm 1961 tới 1965, thời kỳ chống chiến tranh đặc biệt có kết quả.

Đoạn 3 : Từ năm 1965 đến năm 1968 -- Đánh bại chiến tranh cục bộ của Mỹ.

Đoạn 4 : Từ 1969 đến 1973 -- chống Việt Nam hóa chiến tranh và đuổi quân Mỹ khỏi Việt Nam.

Đoạn 5 : Từ Hiệp định Paris 1973 đến ngày toàn thắng (1973 -- 1975).

Tôi bắt đầu viết về giai đoạn chiến lược cuối cùng, giai đoạn còn đang nóng hổi, (đoạn 5), vì nó phù hợp với yêu cầu của nhiều người, đặc biệt là anh em B2.

* * *

Nhưng B2 là gì ? Cho đến nay có thể nhiều người cũng chưa rõ lắm. Để tiện bạn đọc để hiểu hơn những sự việc ghi lại, thiết tưởng tôi cần nói một vài nét về chiến trường B2.

"B2" là ký hiệu để gọi của một vùng đất và những con người ở phần phía nam tận cùng của Tổ quốc trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ. Cả Miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17 chạy dài về phía Nam, lúc ấy ta chia làm 4 chiến trường : -- B1 hay thường gọi là khu 5 gồm những tỉnh ven biển Miền Trung từ Quảng Nam - Đà Nẵng vào đến Phú Khánh ngày nay. B3 là vùng Tây Nguyên bao gồm các tỉnh Gia Lai, Kontum, và Đắc Lắc. B4 là Quảng Trị và Thừa Thiên cũ. Và B2 là phần còn lại của Miền Nam từ Tỉnh Gia Nghĩa cũ (một phần của tỉnh Đắc Lắc ngày nay), Lâm Đồng, Thuận Hải chạy vào tới mũi Cà Mau, Côn Sơn, Hà Tiên, Phú Quốc. Nó bao gồm vùng rừng núi bao la, cái đuôi của dãy Trường sơn hùng vĩ. Từ những ngọn núi cao 1.500 -- 2.000 mét ở bắc Đà Lạt, Lâm Đồng, hạ thấp dần xuống Miền Đông Nam Bộ. Tiếp ngay theo đó là vùng đồng bằng rộng rãi phì nhiêu, đông dân, vùng lưu vực sông Cửu Long, với những căn cứ kháng chiến nổi tiếng của ta từ xưa như Rừng U Minh, Đồng Tháp Mười ... Đây là một vùng địa hình bằng phẳng, trồng trọt, làm ruộng, ruộng lúa xen kẽ vườn tược, xóm làng, bị chia cắt bằng những hệ thống sông lớn như : Đồng Nai, Soai

Rap, Vàm Cỏ, Cửu Long và rất nhiều sông con, kênh, rạch. Có khu vực hầu như quanh năm ngập nước, hoặc sáu tháng nước, sáu tháng khô. Có nơi bốn mùa đều thiếu nước ngọt. Một bờ biển dài hàng ngàn Kilômét và một thêm lục địa rộng, giàu tài nguyên thiên nhiên, với các cảng biển và cảng sông lớn như Vũng Tàu, Sài Gòn, Mỹ Tho, Cần Thơ, Rạch Giá ... có lợi thế cho bọn giặc xâm lược từ đại dương vào. Hệ thống đường sắt ở Nam bộ phát triển cao nhất trong toàn Miền Nam được Mỹ công cò xây dựng để đảm bảo và thích hợp với những cuộc hành quân cơ giới của chúng. Thủ đô Sài Gòn của ngụy quyền tay sai là thành phố lớn nhất, có lúc lên đến 4 triệu dân ; là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế của cả Miền Nam Việt Nam, nằm ngay giữa B2, liên kết với nhiều thành phố lớn khác như Đà Lạt, Phan Thiết, Biên Hòa, Tây Ninh, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Cà Mau, Rạch Giá thành một hệ thống căn cứ xuất phát hành quân của Mỹ -- Ngụy đánh phá khắp nơi. Đó cũng là trung tâm áp dụng chính sách thực dân kiểu mới, nơi lan truyền cách sống Mỹ sa đọa, nơi tiêu dùng hàng hóa Mỹ và phục vụ cho các đội quân viễn chinh đông dân và cho lực lượng tay sai. Mỹ ngụy tổ chức Miền Nam thành bốn vùng chiến thuật. Kể từ sông Bến Hải trở vào, tính là vùng 1 cho đến vùng 4 ở đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố Sài Gòn nằm giữa vùng 3 chiến thuật, tổ chức thành biệt khu Thủ đô, nơi đầu não chỉ huy, là trung tâm bộ máy chiến tranh xâm lược của Mỹ -- Ngụy.

Chiến trường B2 của ta chiếm khoảng 1/2 đất đai và khoảng 2/3 dân số của toàn Miền Nam, tương ứng với một phần vùng 2 và cả vùng 3 và vùng 4 của địch cộng lại.

Để tiện cho việc chỉ đạo, chỉ huy trong cuộc chiến tranh vô cùng ác liệt, ta chia B2 thành : Khu 6 (Phần cuối đất Trung bộ), Khu 7 (Miền Đông Nam Bộ), Khu 8 (Miền Trung Nam Bộ), Khu 9 (Miền Tây Nam Bộ) và thành phố Sài Gòn -- Gia Định (1).

Cũng cần nói thêm là khoảng 3/4 biên giới giữa nước ta và Kampuchia là nằm trên phạm vi B2. Nơi đó có các đường bộ, đường sông nối liền hai nước như các quốc lộ số 1, 22, 13, sông Cửu Long, Sông Thương, Kinh Vĩnh Tế và các đường, các sông nhỏ khác. Nhân dân hai nước từ xưa quan hệ tốt với nhau

(1) Những tỉnh trong các khu :

-- Khu 6 : Quảng Đức (Gia Nghĩa), Tuyên Đức (Đà Lạt), Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Tuy.

-- Khu 7 : Phước Long, Long Khánh, Phước Tuy (Bà Rịa), Bình Long, Bình Dương (Thị trấn Mốc), Biên Hòa, Tây Ninh, Hậu Nghĩa.

-- Khu 8 : Long An (Tân An), Kiến Tường (Mộc Hóa), Kiến Phong (Sa Đéc), Định Tường (Mỹ Tho), Gò Công, Kiến Hòa (Bến Tre).

-- Khu 9 : Châu Đốc, An Giang (Long Xuyên), Vĩnh Long, Vĩnh Bình (Trà Vinh), Phong Dinh (Cần Thơ), Ba Xuyên (Sóc Trăng), Kiên Giang (Hà Tiên Rạch Giá), Chương Thiện (Bạc Liêu), An Xuyên (Cà Mau).

-- Đặc khu Sài Gòn - Gia Định.

trong công việc làm ăn, buôn bán, quen biết, bà con ... thường qua lại thuận lợi trên các đường sá sông rạch dọc biên giới. Và cũng từ xưa đến nay số phận hai dân tộc trên hai bờ biên giới khi nào cũng gần bó nhau, cũng đau lưng chiến đấu cho hạnh phúc chung của nhau, có vui cùng hưởng, có buồn cùng chia.

Vì vậy mà khiến cho là giấc cảm xúc lồng lộn để rồi mở rộng tâm lược, vươn nhanh vượt vào cả hai đất nước.

Con người B2 ngày tháng, trung thực, tinh tinh phóng khoáng, vốn có nguồn gốc ông cha xa xưa từ Miền Bắc, Miền Trung thân thiết, có lòng yêu nước nồng nàn; luôn luôn hướng về Bắc Hồ muôn vàn kính yêu; hướng về thủ đô Hà Nội, Thăng Long với niềm tin bất diệt.

" Từ phương nam người đi một nước.

" Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long.

(Thơ Huỳnh Văn Nghệ một chi bay qua từ ở Nam bộ thời kỳ kháng chiến chống Pháp).

Con người B2 có niềm tự hào với những truyền thống quật cường của nước, cách mạng từ xưa như các phong trào chống Pháp của Nguyễn Trung Trực, Thuận Hô Dương, Đốc Binh Kiều, Thá Khoa Huân, Trương Định, có tâm hồn yêu nước cương trực của Nguyễn Đình Chiểu... với "đám là tôi trời", Cần Giuộc, Gò Công, với "Mười Tám Thôn Vườn trái" Hóc Môn, Bà Điểm... B2 còn ôm ấp chiến công hiển hách của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ trong "tiếng sóng Rạch Gầm", còn lưu luyến thiết tha đau vết người đã ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân vì lãnh tụ Hồ Chí Minh anh minh — ở thị xã Phan Thiết, ở Bến Nhà Rồng... Rối bao nhiêu máu của những người đi trước đã đổ trong các phong trào Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940, cách mạng tháng 8 năm 1945... Tất cả những cái ấy luôn luôn nhắc nhở, thôi thúc người dân B2, sẵn sàng đứng lên một khi đã thức tỉnh, hy sinh tất cả vì độc lập, tự do.

Viết những dòng suy, nhớ này tôi chỉ mong làm tròn nghĩa vụ của một chiến sĩ được may mắn sống và hoạt động ở một thời đại vinh quang của Tổ quốc, của dân tộc, trước hết là nghĩa vụ đối với B2, đúng ra là với những con người của B2 mà tôi hằng yêu mến; những con người từ thành thị đến nông thôn, sông rẫy róc ở rừng núi, bưng biển hay tập trung ở các khóm phường, làng mạc. Đặc biệt là đối với những bạn bè; người thân; đồng chí; đồng đội, những người đã quen biết cùng nhau chưa hề quen biết, có quê hương khắp dải nước từ Lạng Sơn đến Mũi Cà Mau, đã ngã xuống trên đất B2, đã đem máu của mình nhuộm thấm từng tấc đất B2 để đổi lấy độc lập, tự do, đã hy sinh tất cả cho Bắc Nam một nhà, cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội tức là những con người có công ru dũa với thắng lợi vĩ đại vừa qua của dân tộc, của Tổ quốc. Dù, chỉ có họ,

những người không chịu tình ruồng, hiền dảng tron vẹn cuộc sống của mình là những người xứng đáng như cho con cháu nghìn đời sau mãi mãi ghi nhớ công ơn. Nghĩa vụ rồi đời thiêng liêng ấy, mà cũng là mệnh lệnh của lịch sử, của nhân dân là ghi nhớ lại một cách trung thực, suy nghĩ một cách đúng đắn về những điển hình; những sự kiện; những chiến công và hy sinh cao cả của mảnh đất và con người B2 mà tôi đã chứng kiến; được biết và còn nhớ.

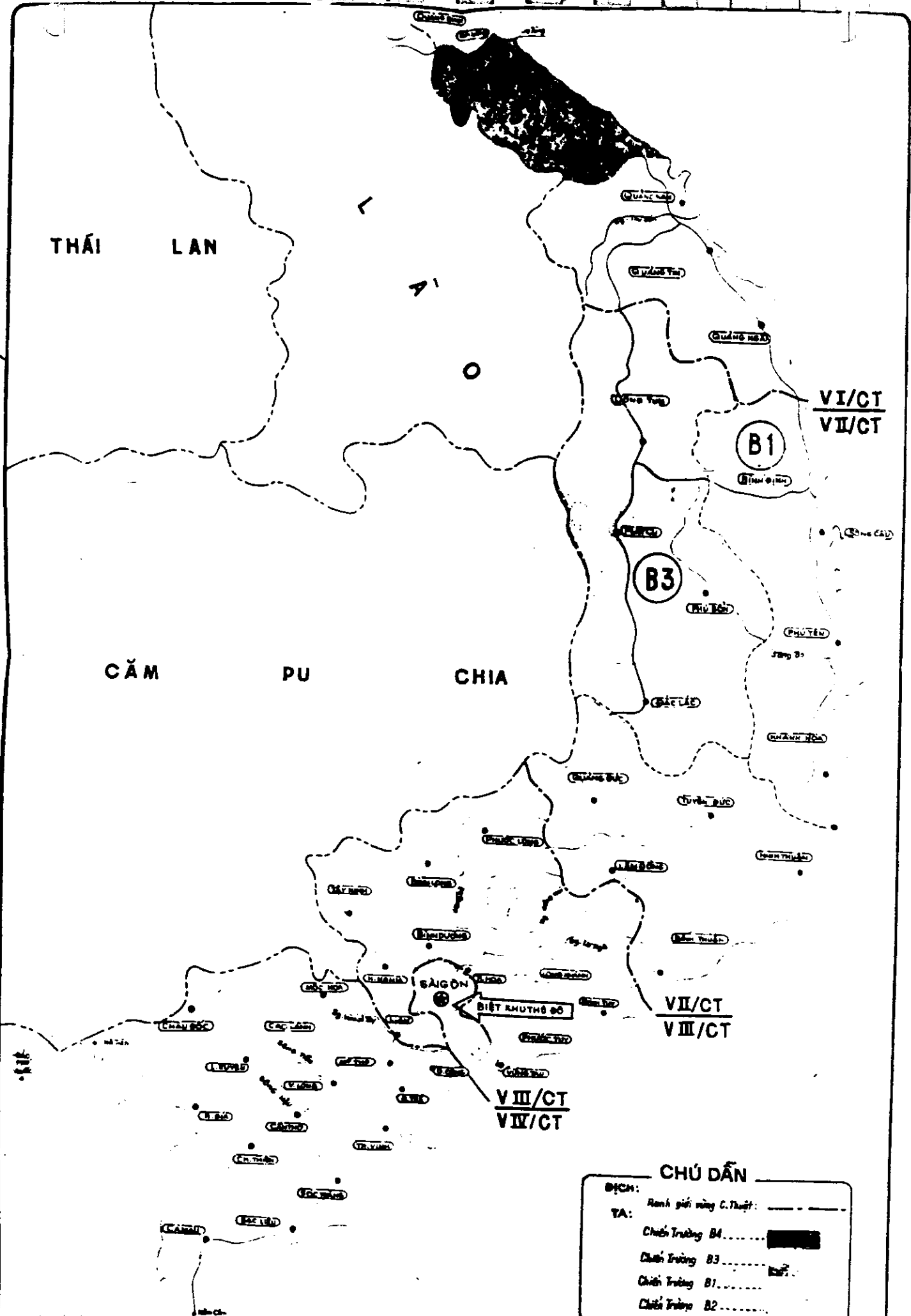
Tất nhiên, do sự hiểu biết cũng như trình độ ghi chép có hạn, do phạm vi mỗi bài viết, mỗi tập sách chỉ có thể tập trung nói về một số vấn đề nào thôi, nên tức thay, tôi không thể nói hết ở đây những sự tích thân kỷ của những con người Việt Nam trên đất B2 đã thực hiện kiên quyết, dũng cảm và sáng tạo sự lãnh đạo và chỉ đạo tài tình của Trung ương Đảng trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài và oanh liệt, đã đóng góp sức lực, tài trí của mình vào cuộc chiến thắng lịch sử. Tôi chỉ mong ghi lại chút ít sự tích ấy trong phạm vi hiểu biết của mình, để đóng góp phần suy nhớ của mình với những người còn sống của ngày nay và của cả mai sau. Đó cũng là trả nợ được phần nhỏ nào cho những người đã bỏ mình vì dân tộc, vì giải cấp trên đất B2.

Chính vì trách nhiệm nặng nề như vậy mà tôi đã tự đề ra cho mình một quy định: Viết đúng sự thật hoàn toàn, những sự thật có người đã biết cũng có người chưa hề biết, có người thích cũng như có người không. Vì lịch sử khi nào cũng công minh sẽ loại trừ không thương tiếc những gì sai sự thật, không hôm nay thì công ngày mai. Tôi mong rằng bạn đọc khắp nơi, nhất là anh em đã từng hoạt động ở chiến trường B2, góp ý kiến và bổ sung những thiếu sót, những gì chưa đạt. Tôi sẽ rất hạnh diện và hàm ân.

Tôi cũng xin tỏ ở đây lòng cảm động và biết ơn đông đảo các đồng chí, bạn bè đã khuyến khích, đã giúp đỡ; góp ý kiến, công tác trên mọi phương diện với cùng quý báu.

Xin cảm ơn các đồng chí ở các Ban Tổng kết chiến tranh các bộ phận tư liệu của Bộ Quốc Phòng, của Quân Khu 7, Quân khu 9, của thành phố Hồ Chí Minh, các đồng chí ở các Ban Chỉ huy Tỉnh đội thuộc B2 cũ. Đặc biệt hai đồng chí đồng nghiệp Nguyễn Việt Tá, đại úy Võ Trấn Nhà đã để nhiều công sức sưu tầm tài liệu, liên hệ các địa phương, góp phần xứng đáng vào nội dung tập sách này.

MÙA XUÂN 1980



CHÚ DẪN

ĐỊCH: Ranh giới vùng C. Thuật: -----

TA: Chiến Trường B4.....

Chiến Trường B3.....

Chiến Trường B1.....

Chiến Trường B2.....

CHƯƠNG MỘT MẶT TRẬN MỚI

Hàng loạt bom B. 52 nổ dữ dội và liên hồi làm rung chuyển các nhà hầm trong Sở chỉ huy Bộ Tư Lệnh Miền. Ngay sau đó loa phóng thanh treo trên các cành cây vang lên tiếng báo cáo của trực ban canh gác khu vực :

" Chín chiếc B. 52 chia làm ba tốp thả ba loạt bom ngang qua khu A, giữa B1 (1) và B2 (2). Tất cả đều an toàn "

Chúng tôi tiếp tục buổi giao ban. Một cán bộ Tham mưu lại vào báo cáo : " Điện Bộ Tổng Tư Lệnh cho biết Hiệp Định Paris đã được ký kết ! "

Bất giác tôi mỉm cười nghĩ về cái phút giao thừa kỳ quặc giữa chiến tranh và hòa bình này... nếu quả thật có hòa bình. Thì ra Mỹ đã tận dụng từng giây cuối cùng của cuộc chiến tranh dài hàng chục năm, với những con quạ sắt B. 52, gởi bản " thông điệp hòa giải " đầy ý nghĩa (!)

Dấu sao thì tin Hiệp định hòa bình Paris được ký kết cùng làm mọi người thở phào nhẹ nhõm. Nét hân hoan lộ rõ trên từng khuôn mặt của người chỉ huy. Những khuôn mặt đầy

(1) Bộ tư lệnh Miền.

(2) Bộ Tham Mưu Miền.

dạn rằm nắng, trông ai cũng gầy mà khoẻ. Đây phải chăng là phần thưởng quý giá cho gần mười tháng nỗ lực chiến đấu liên tục trên toàn chiến trường nhằm mục đích buộc địch phải ký cho được một hiệp định đình chiến, kết thúc một giai đoạn chiến lược.

Chưa bao giờ có đợt hoạt động quân sự kéo dài và ngày càng gắng sức đến oái oả gần cở như thời gian vừa rồi. Các quân khu đơn vị đều báo cáo về Bộ chỉ huy Miền những thắng lợi đã đạt được, các vị trí mà quân ta đang giành giật từng giờ với địch, nhưng đồng thời cũng không ngớt báo cáo những khó khăn, thiếu quân số, lương thực, đạn dược và đặc biệt là nói lên sự thâm mệt của cán bộ và chiến sĩ. Tư Lệnh Quân khu 9 (Miền Tây Nam Bộ) đã diện đề nghị thắng thưởng với Bộ Tư Lệnh Miền cho lệnh kết thúc ngay chiến cuộc để chấn chỉnh lực lượng. Bộ đội không còn sức để đánh nữa! — Nhưng, kẻ địch của ta vô cùng ngoan cố. Chúng đã bị thua đau trên chiến trường, đã bị đuối lý trên bàn hội nghị, đã buộc phải chấp nhận ký kết vào tháng 10, rồi lại tráo trở lật lọng. Thế thì ta phải làm gì? Kết thúc hoạt động, nghỉ, mục tiêu chưa hoàn thành ư? Không! Phải tiếp tục đánh. Ta đánh cho chúng phải hiểu ra ý chí của con người cách mạng là thế nào.

Cái khó quyết định là ở những giờ phút như thế này. Ngừng lại, sự việc sẽ đi theo một hướng. Ráng lên chút nữa, giành thêm ít thắng lợi nữa, sẽ tạo ra được một chất lượng mới, sự việc tất yếu sẽ theo một hướng khác. Ta đã làm như vậy. Đã ráng lên một chút, đã giành thêm một ít thắng lợi ở Miền Nam trong tình trạng tương như kiệt sức, tương như không còn gạo, đạn để tiếp tục đánh. Ta đã vững vàng, thông minh và hiên ngang đánh trả, tiêu diệt hàng loạt B.52 và các loại máy bay khác, mười hai ngày đêm rồng rả ở Hà Nội, Hải Phòng, tương như sự việc kỳ diệu diễn ra trong truyện thần thoại của con Rồng cháu Lạc xa xưa. Và rõ ràng, ta đã tạo được chất lượng mới: Kẻ địch, tên đế quốc đầu sỏ, nham hiểm và tàn bạo nhất của thời đại đã phải cúi đầu khuất phục. Chúng đã phải ký kết một hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở

Việt Nam, cam kết rút hoàn toàn quân Mỹ và chư hầu ra khỏi Miền Nam Việt Nam, công nhận độc lập, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

"... Đánh cho Mỹ rút, đánh cho Nguy nhào

"Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào

"Bắc Nam sum họp Xuân nào vui hơn".

Thưa Bác, chỉ thị ấy của Bác năm nào, thể hiện chủ trương tài tình của Đảng, nay chúng con đã hoàn thành được một phần quyết định. Mỹ rút ắt Nguy sẽ phải nhào và Bắc Nam nhất định sẽ sum họp. Chúng con nguyện làm hết sức mình để hoàn thành nhanh nhất ước mong của Bác.

Đó là ý nghĩ đầu tiên dấy lên với chúng tôi khi biết chắc Hiệp định Paris đã ký kết.

Bước ngoặt quyết định của cuộc chiến tranh đã tạo ra rồi. Một chặng đường dài gay go đã vượt. Xốc lại hành trang, gom thêm sức lực, để bước nốt quãng đường còn lại, có lẽ không kém phần phức tạp khó khăn. Nhưng ta đã nhìn thấy rõ ánh sáng hồng ở chân trời.

• •

Một ngày đầu tuần tháng giêng 1973, trong Sở chỉ huy Miền, tại gian nhà hầm giữa khu rừng căn cứ, không khí nhộn nhịp sôi nổi. Chúng tôi đang theo dõi tình hình chiến trường, đơn vị, nhưng trọng tâm là khẩn trương bàn kế hoạch và biện pháp thi hành hiệp định Paris một cách nghiêm túc, có hiệu quả. Còn bao nhiêu việc phải làm: nhanh chóng chấn chỉnh lực lượng; cảnh giác với kẻ địch mà chúng tôi đã hiểu biết tường tận từ lâu... Bỗng một cán bộ tham mưu vào trao cho đồng chí Năm Ngà (1) — tham mưu trưởng Miền lúc ấy, một bức điện hỏa tốc. Đồng chí Năm Ngà nhăm nhăm đọc lướt nhanh qua bức điện rồi với vẻ mặt nghiêm nghị, không phân tích được là vui mừng

(1) Tức Thiếu tướng: Nguyễn Minh Châu.

hay lo lắng, trao cho tôi. Nội dung điện : Trung ương chỉ định tôi làm Trưởng phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng Lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam trong ban Liên hiệp quân sự 4 bên ở Sài Gòn. Ô ! Thật là đột ngột. Trung ương Cục, Quân ủy Miền đã xếp đặt từ trước thành phần của Đoàn và đã được Trung ương đồng ý rồi cơ mà, nay bỗng nhiên có sự thay đổi Trưởng đoàn vào giờ chót. Và chỉ còn vài ba hôm nữa tôi phải có mặt ở Sài Gòn !

Trong đời chiến sĩ suốt mấy chục năm, tôi đã thường gặp biết bao nhiêu sự việc bất ngờ, trên chiến trường, trong công việc, ở từng con người, của bạn cũng như của thù, nhưng lần này, bất ngờ đến với tôi đầy thú vị và cũng đầy lo lắng. Lo lắng vì công việc quá mới mẻ với tôi, và gấp quá, phải khẩn gởi lên đường ngay trong lúc tôi chưa kịp có thời giờ hình dung được công việc, nói gì đến chuẩn bị mọi thứ cho mặt trận đấu tranh mới, hoàn toàn không giống như trên chiến trường. Tuy vậy, trường hợp đột ngột trong công tác mà cấp trên giao cho tôi như vậy không là lần thứ nhất. Tôi đã quen rồi. Tin ở lãnh đạo của trên, tin ở các đồng chí cộng sự, tin ở mình, tôi vẫn bình tĩnh nhận lãnh trách nhiệm. Thực ra trong trường hợp này phần thú vị dành cho tôi nhiều hơn. Sài Gòn thân yêu của tôi ! Đã lâu lắm rồi từ hồi mớ ma thực dân Pháp, tôi đã sống, hoạt động cách mạng sôi nổi, đã thắng lợi và cũng đã từng nếm mùi thất bại ở đây, đã chiến đấu và đã phải xa thành phố mấy chục năm nay, giờ đây trở về trong sự theo dõi của đồng bào, đồng chí và vòng vây dày đặc của kẻ địch. Những đường phố, chợ búa, nhà máy, những xóm lao động nghèo, quen thân xưa kia giờ đây, chắc chắn đã nhiều thay đổi, nhưng có còn giữ chăng những kỷ niệm của những con người Sài Gòn, như tôi, quyết tâm ra đi để rồi quyết tâm trở về trong một ngày nắng ấm. Đã một lần rồi, tôi đã cố trở về nhưng chưa đạt và lần này nữa, chưa phải là lần trở về hoàn tất, nhưng vẫn đầy thú vị như trong một giấc mơ đẹp. Trong một phút bao nhiêu hình ảnh tưởng tượng về Sài Gòn, xưa có, nay có, diễn qua đầu tôi

như một cuộn phim. Thây tôi ngồi im, đồng chí Mười Khang⁽¹⁾ nhắc :

— Thề nào ? Nhận nhiệm vụ đây chứ : Chúc mừng nhé !

Thề là đồng chí đèn bắt tay và ôm hôn tôi, căn phòng tức thì vang lên mỗi người một câu chúc mừng, gỏi găm, rộn rã tiếng cười vui, không còn là không khí của buổi họp công tác nữa.

Tôi trao đổi vài câu với anh Mười Khang rồi xin phép đi chuẩn bị cho cuộc hành trình vào Sài Gòn. Mọi việc ở nhà anh Mười Khang đảm trách.

Về đến nhà riêng của mình, nhìn xung quanh cảnh vật quen thuộc từ bao năm, tôi bỗng chốc xúc động với sự tạm biệt. Một cơn gió nhẹ lùa vào, phảng phất hương vị ngọt ngào của muôn loài hoa lá rừng xanh. Trên cánh đồng ruộng hẹp trải dài trước nhà, dọc theo thung lũng, từng đàn chim nhỏ vội vã lượn nốt những hạt lúa còn rơi rớt của vụ mùa sản xuất từ lúc vừa qua. Đồng ruộng róc rách men theo đồng ruộng, len lỏi dưới những rặng cây xơ xác vì bom đạn, mới như một ít mầm non mơn mơn. Mọi cảnh vật hôm nay dường như cũng đang có một tâm hồn dào dạt, tươi vui, quyen luyến. Không biết tôi còn ngồi trầm ngâm như vậy mấy phút nữa nếu như không có các anh Chín Vinh⁽²⁾ và Hai Lê⁽³⁾ phò chính ủy và chủ nhiệm chính trị Bộ Tư Lệnh Miền bước vào, kéo tôi về với thực tại.

— “ ...Anh cần gì nữa, anh đã bằng lòng với tổ chức và thành phần Ban liên hợp của anh chưa ? — Anh Chín Vinh hỏi.”

Tôi đồng ý giữ nguyên tất cả những gì đã được sắp xếp và chỉ yêu cầu cho thêm tôi đồng chí Tư Bốn⁽⁴⁾ Đồng chí là một cán bộ tình báo, anh hùng quân đội, đã ở trong Sài Gòn hơn ba năm và mới ra căn cứ mấy tháng nay sau khi đã có triệu

(1) Túc Đại Tướng Hoàng Văn Thái — Lúc ấy là Trung tướng.

(2) Túc Thiệu tướng Trần-Đỗ.

(3) Thiệu tướng Lê-Văn-Tướng.

(4) Thượng Tá Nguyễn-Hữu-Trí.

chúng bị lộ. Đồng chí rất thạo Sài Gòn, rành từng đường phố, biết nhiều nhân vật thuộc vãi giới đô thành. Ngoài việc giúp tôi một số việc đồng chí sẽ là người lái xe của tôi nếu dịch đồng ý để ta tự lo người lái.

Anh Hai Lê lại nhắc:

— Trung ương còn hỏi anh lấy tên gì diện ngay ra để kịp báo qua Paris, phải đoán ta cần chuyển cho Mỹ Ngụy.

Từ lâu tôi cũng như mọi người, có dùng tên thật hao giờ đầu mà thường dùng bí danh và thi-h thoáng lại thay đổi nhằm gây khó khăn phần nào cho sự theo dõi của địch, giữ bí mật cho hoạt động của ta. Mỗi giai đoạn dùng một cái tên cho một công tác nào đó là chuyện thông thường của chúng tôi trong chiến tranh. Giờ đây, trước một nhiệm vụ mới, tôi xuất hiện mặt đối mặt với đối phương, tất nhiên phải lấy một cái tên nào đó. Hầu như không suy nghĩ, tôi lấy ngay tên "Nguyễn Việt Châu" — tên của người em ruột vô cùng thân thiết đã hy sinh năm 1969 trong lúc đang chủ trì cuộc họp Đảng ủy thị xã Cần Thơ. Hai anh em chúng tôi đã cùng sống ở Sài Gòn, cùng tham gia hoạt động cách mạng bí mật thời thuộc Pháp ở đây, cùng ra khỏi nhà tù Khám lớn của Pháp, cùng tham gia khởi nghĩa tháng 8 năm 1945, cùng đi kháng chiến từ Sài Gòn thân yêu, nay tôi trở về thành phố này tự nhiên nhớ đến người em yêu quý, người đồng chí chết sống có nhau, được mang cái tên không lúc nào quên này thì sung sướng biết mấy. Nhưng rồi một hôm trong bữa ăn hình thường của Bộ Tư Lệnh Miền có mặt cả anh Bảy Cường (1) tôi mới sực nhớ ra rằng tôi về Sài Gòn không như một người xa lạ mà lại mang một cái tên khác thì thực là bất tiện. Vì nhân dân Sài Gòn hẳn nhiều người chưa thể quên những đứa con đã ra đi kháng chiến từ những năm nào và từ ấy đã gói gắm vào đó niềm tin và hy vọng. Và kẻ địch không ít người đã từng biết tôi vì như Trần Thiện Khiêm, thủ tướng Ngụy quyền, Lâm Văn Phát, thiếu tướng Ngụy

(1) Tức đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, bí thư Trung ương Cục.

và một số tướng khác. Sau khi tốt nghiệp trường quân sự Đà Lạt của Pháp, họ đã ra Đồng Tháp Mười xin đi kháng chiến năm 1947. Là tư lệnh Quân khu 8 lúc ấy, tôi đã thu nhận cho họ đi học và tập sự ở trường quân chính quân khu. Nhưng rồi không chịu được gian khổ, không có tinh thần yêu nước, yêu dân tộc, nên họ lại trốn về đầu hàng Pháp trở lại, tiếp tục phục vụ chủ Pháp rồi chủ Mỹ cho đến nay. Ngay bọn Mỹ có lẽ chúng đã có hàng chục tấm ảnh của tôi. Như vậy tốt nhất dùng tên từ trước mà bạn, thù ai cũng đã biết. Các anh Trung ương Cục và Quân ủy Miền đều đồng ý. Thế là lại đề nghị Trung ương chấp thuận và diện qua Paris để thông báo cho đối phương: Trường Đoàn đại diện chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam là Trung tướng Trần-Văn-Trà.

Chỉ còn một ít thời gian, tôi vội phác qua kế hoạch chuẩn bị mọi mặt cho công tác mới, kiểm tra lại tổ chức của Đoàn, bàn kỹ với anh Ba Trấn (1) về nhiệm vụ, về người, về tài liệu phương tiện, đặc biệt về thông tin liên lạc, dự kiến các tình huống, quyết định các biện pháp và giao anh Ba Trấn, phó đoàn, thay tôi điều khiển mọi công việc thực hiện.

Anh Ba Trấn quê Hóc Môn sống từ nhỏ ở Sài Gòn, đã đi kháng chiến từ những ngày đầu chống Pháp năm 1945, là Tham mưu phó Miền, đặc biệt phụ trách tổ chức và điều khiển đoàn, tình báo chiến lược. Anh thạo Sài Gòn, hiểu biết nhiều về địch, tôi tin ở khả năng của anh và nghĩ có lẽ địch cũng sẽ né nang anh do đáng người khỏe, trắng, mập, có bề thế và chừng chạc.

Còn tôi thì hợp với Bộ Tư Lệnh Miền có các cơ quan Tham mưu, chính trị, hậu cần... dự, bàn sâu cụ thể về mọi biện pháp phối hợp đấu tranh giữa bên hội nghị và trên chiến trường. Tôi nhận mạnh nêu trên bàn hội nghị 4 bên ở Sài Gòn, kẻ địch phải kiêng nể chúng tôi, chúng tôi có giành được thắng lợi nào trong việc triển khai thực hiện Hiệp định, thì đó chủ yếu là do sức mạnh của bộ đội ta trên chiến trường, do uy thế của

(1) Thiếu tướng Trần-Văn-Danh.

các anh bên ngoài này là chính. Chúng tôi hứa sẽ xứng đáng là những người đại diện của các lực lượng vô trang nhân dân giải phóng Miền Nam anh hùng ngay giữa thủ đô của địch và cũng là giữa lòng đồng bào thân yêu của ta.

28-1-73 là ngày mà chúng tôi phải có mặt tại Saigon. Đã hẹn giờ cho Mỹ đưa trực thăng đến đón chúng tôi ở Thiên Ngõn, một địa điểm nằm về phía Bắc Tây Ninh, ngay trên quốc lộ 22. Thiên Ngõn trước kia có một lùm dân cư nhỏ sống nghề rừng. Trong chiến tranh, Mỹ đã đuổi hết dân và xây dựng ở đây thành cứ điểm cho một chiến đoàn Mỹ đóng, có sân bay, kho tàng, bãi tập để từ đây đánh phá căn cứ chung quanh. Đầu năm 1972 — lúc này quân nguy đã thay thế cho Mỹ — Thiên Ngõn là hướng thứ yếu của chiến dịch “ Nguyễn Huệ ” (1). Trong chiến dịch ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm này. Cho nên Thiên Ngõn lúc ấy chỉ là một bãi chiến trường cũ, hoang vắng, cây cối cháy trụi, mặt đất, mặt đường loang lổ hố bom đạn, xác tăng, thiết giáp, pháo, xe vận tải Mỹ ngổn ngang đầy đó. Chỉ còn lại đường băng sân bay là tạm sử dụng được cho trực thăng. Sau khi báo cho địch ngày giờ đón, chúng tôi phải một tổ trình sát đến tại Thiên Ngõn, đưa vào hầm hố cũ sửa sang lại thành công sự vững chắc, ở đây chờ địch, trước, trong và sau giờ hẹn. Anh em tổ này thường xuyên cứ 15 phút điện cho chúng tôi biết mọi tình hình diễn biến tại đây. Trong lúc đó một đoàn cán bộ, với đủ phương tiện, thực sự chuẩn bị điểm xuất phát của Đoàn ở sân bay Lộc Ninh. Và toàn Đoàn chúng tôi ứng dụng tổ chức ăn tết Quý Sửu trước. Chúng tôi biết rằng đến Saigon là phải khẩn trương bắt tay vào việc nên mặc dầu còn 4, 5 ngày mới tới Tết âm lịch, chúng tôi tranh thủ lúc còn “ ở nhà ”, vùng tự do giải phóng của ta, cùng nhau hưởng một cái tết dân tộc đậm đà tình nghĩa người di cư ở. Ăn tết trước! Ấu cũng chỉ là lặp lại một sự việc đã diễn ra đôi lần trong lịch sử chiến đấu của dân tộc ta. Quang Trung — Nguyễn Huệ đã khao quân ăn tết trước, Tết Kỷ Dậu (1789), tại địa điểm tập kết quân ở Tam

(1) Chiến dịch tấn công của ta năm 1972 miền Đông Nam Bộ.

Điệp để rồi tiến về Thăng Long, đại phá quân Mãn Thanh làm nên chiến công hiển hách Đông Đa và chấm dứt vĩnh viễn ngay từ đó sự đô hộ của kẻ thù phương Bắc trên đất nước ta. Mùa Xuân năm 1968 toàn Miền Nam cũng đã ăn Tết trước, Tết Mậu Thân, để rồi xông lên tiến hành cuộc Tổng tiến công, và nổi dậy, đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm kinh hoàng Nhà Trắng, làm mất vía Lầu Năm Góc và buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào đàm phán với ta ở Paris, và rồi kết thúc hội nghị dài đằng đẵng vào mùa Xuân này. Mùa Xuân này, Xuân Quý Sửu, chúng tôi lại ăn tết trước để vào tận giữa sào huyệt của quân thù đòi chúng thi hành đúng dần Hiệp định và xem chúng còn dờ dỗi gì, chúng thực sự muốn gì.

Giữa căn nhà hầm của Bộ Tư Lệnh Miền, bữa cơm Tết đậm đà hương vị. Không có gì thịnh soạn lắm nhưng cũng có bánh tét và cá bánh chưng, có thịt heo tự túc lại có thịt heo rừng, có dưa hấu và có rượu mùi, có sản phẩm tại địa phương lại có cá quả từ Hà Nội. Các anh bên Trung ương Cục, Mặt trận, Chính phủ, các đồng chí trong Bộ tư Lệnh Miền, đại diện các cơ quan đoàn thể và cả phòng viên Báo quân giải phóng... đã đến dự cùng các thành viên trong đoàn chúng tôi. Thật là thân tình và ấm cúng. Niềm vui tỏa trên nét mặt mọi người. Niềm vui tràn trên từng ly rượu. Chúng tôi chúc nhau thắng lợi, hẹn ngày gặp lại rực rỡ hơn hôm nay, chúc thành công cả trên bàn hội nghị, cả trên bãi chiến trường. Vào giữa bữa cơm Tết, câu chuyện đang rôm rả thì chúng tôi nhận được bức điện từ Thiên Ngõn : “ Đùng giờ hẹn, không có trực thăng Mỹ đến đón Đoàn mà có 2 phi cơ địch bay lượn vài vòng, thả một số loạt bom quanh sân bay. Mảnh bom cùng mảnh xác tăng, thiết giáp bay tung tóe ngay quanh hầm chúng tôi. Sau đó yên tĩnh ”. Mọi người lại rót rượu và cùng nâng cốc chúc sức khỏe của chúng tôi trong Đoàn, chúc mừng sự khôn ngoan và cảnh giác của chúng ta, chúc mừng sốt dẻo một trận thắng đầu tiên của Đoàn trước sự phản trắc dè hèn của Mỹ Ngụy. Câu chuyện trong bữa cơm càng thêm giòn giã, qua bàn luận về sự kiện Thiên Ngõn vừa rồi, về khả năng lạt lòng của Mỹ, nguy đối với Hiệp định

Paris, sự phức tạp trong nhiệm vụ của chúng tôi, cũng như trong công tác ở chiến trường. Mặc dù vậy ở mọi người hôm ấy đều nung nấu một niềm tin mãnh liệt, niềm tin tất thắng, bất cứ trong tình huống nào. Ở mỗi cấp mắt ánh lên sức sống rực rỡ của mùa Xuân. Ngoài trời, những dòng nắng ấm xuyên qua kẽ lá làm sáng tỏ cả khu rừng, không khí khô ráo, mát mẻ dễ chịu. Khắp nơi, dọc mọi nẻo đường, men dài các trảng, mào trắng phơ phời tựa hoa ngành ngành, xen lẫn màu vàng óng ả của mai rừng. Vùng căn cứ năm nay Xuân về cũng sớm, cảnh vật như cũng đua nhau hưởng ứng niềm vui thắng lợi.

Lộc Ninh, một thị trấn đông dân và sung túc trong vùng giải phóng Miền Đông Nam Bộ, nằm cách Sài Gòn 100km ngay trên trục quốc lộ 13, chạy lên Kampuchia rồi Lào. Quá về mạn Bắc là quốc lộ 14 cũ đi lên Ban Mê Thuột — Tây Nguyên và về mạn Nam là đường 17, nối với vùng căn cứ Bắc Tây Ninh của ta. Từ khi được giải phóng, tháng 4 năm 1972, Lộc Ninh trở thành một vị trí quân sự quan trọng làm lo lắng cho quân địch phòng thủ Sài Gòn và là một trung tâm chính trị của vùng giải phóng B2. Đất Lộc Ninh vùng đất đỏ phi nhiêu thích hợp với cỏ cây miến nhiệt đới, với rừng cao su bạt ngàn từ thời thực dân Pháp để lại, sum sê những vườn cây ăn trái nào sầu riêng, chôm chôm, xoài, vú sữa... với hàng trăm mẫu tiêu và cà phê có giá trị. Lộc Ninh trước đây vốn là một huyện lỵ thuộc tỉnh Bình Long, một cứ điểm kiên cố nằm trong hệ thống phòng thủ ngoài cùng cho Sài Gòn do quân đoàn 3 ngụy phụ trách. Trong chiến dịch "Nguyễn Huệ", của ta, đây là hướng chính, là điểm then chốt nhất cần phải thanh toán trên vòng đai phòng ngự tuyến ngoài của địch. Nơi đây không những ta đã tiêu diệt cứ điểm kiên cố cấp chiến đoàn của địch mà còn diệt nhiều trung đoàn xe tăng, thiết giáp nhiều chiến đoàn sừng sỏ của quân đoàn 3 ngụy, bắt sống nhiều tù binh, nhiều sĩ quan trong đó có tên đại tá Vĩnh mà sau này vì nhân đạo, vì thiện chí ta đã trả lại cho Mỹ Ngụy. Chính vì vậy mà Lộc Ninh trở thành biểu tượng chiến thắng của ta, mối nhục thất bại của địch. Ta muốn đòi phương đưa trực thăng ra tận đây đón phái đoàn ta để chúng

luôn nhớ đến đòn khủng khiếp ấy và từ địa điểm vinh quang này, Đoàn ta liền ngang đi vào Thủ Đức Ngụy.

Ngay sau khi chúng đã phản trắc bằng cách ném bom vào điểm hẹn Thiện Ngôn, ta liền kịch liệt phản đòn chúng và hẹn lại ngày đón ta ở Lộc Ninh này. Một lần đánh hụt nhục nhã, hân một lần chúng phải tính ngó với ngón cao tay của đôi phương. Ta mong chúng không còn dám dờ dặt nữa, tuy ta vẫn có đủ biện pháp đề phòng, bởi ta đã rõ bản chất kẻ địch không bao giờ thay đổi. Sau khi ném bom Thiện Ngôn nhằm diệt Đoàn đại biểu quân sự ta trong Ban liên hiệp quân sự Trung ương, đã bị phản đòn, chúng lại cho quân cán quét đánh phá ném bom các điểm hẹn đón các đoàn đại biểu ta ở các Ban liên hiệp quân sự khu vực Pleiku, Mỹ Tho, ở các tổ liên hiệp quân sự địa phương Phú Bài, Đà Lạt, Komtum, Tân An. Chúng luôn luôn lợi dụng từng trường hợp nhỏ, bắt chấp lễ phải, bắt chấp các điều khoản của hiệp định, dờ mọi mưu mô thủ đoạn hòng tiêu diệt chúng ta, từng người, từng thôn xóm, nếu có thể. Mỗi lần như vậy, chúng tôi lại kịch liệt phản đòn chúng ngay trong các kỳ họp 4 bên ở Sài Gòn và chúng lại xin lỗi, dờ cho bọn bảo an địa phương, hứa sẽ sửa trị. Chúng tôi thừa biết là chúng hùa suông cho qua chuyện. Những sự việc ban đầu đó buộc chúng tôi phải suy nghĩ rằng Mỹ Ngụy đã có kế hoạch phá hiệp định Paris từ việc nhỏ đến việc lớn.

Phải chăng lịch sử lại diễn lại: Pháp đã bị thua nặng phải ký hiệp định Genève 1954 để rồi cùng với Mỹ ra sức phá bỏ không thi hành hiệp định; ngày nay Mỹ, Ngụy bị đòn nặng phải ký hiệp định Paris rồi lại dờ dặt phá bỏ hiệp định lần này nữa? Dầu sao thì chúng ta là những người đã có kinh nghiệm. Chúng ta đánh, và thương lượng, để có được một hiệp định có lợi cho cách mạng. Chúng ta sẽ ra sức đấu tranh để thi hành mọi điều khoản của hiệp định. Vì độc lập tự do của dân tộc, chúng ta sẵn sàng hy sinh chiến đấu đến cùng, đồng thời chúng ta cũng đưa ra bàn tay hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu vớt những người đã lầm đường lạc lối. Nhưng, với kinh nghiệm xương máu đã qua, chúng ta không khó khăn để tin rằng kẻ

dịch của ta sẽ thành thật thi hành hiệp định, do đó chúng ta không hề ngạc nhiên về những lật lọng này. Và chúng ta đã có sẵn hai kế hoạch cho hai tình huống, có thể diễn biến: một là do ta đầu tranh có kết quả, do áp lực của nhân dân ta và nhân dân thế giới, kế địch buộc phải thi hành đúng hiệp định Paris; hai là chúng lại phá bỏ hiệp định. Tùy ở kế địch. Ta nỗ lực cho tình huống một. Nhưng ta cũng sẵn sàng đối phó với tình huống hai.

Ngày 1-2-1973 đúng giờ hẹn, một đoàn trực thăng Mỹ, do một trung tá Mỹ chỉ huy, có sĩ quan nguy đi theo, bay đúng theo đường bay và tầm cao do ta quy định, lượn một vòng trên vùng trời Lộc Ninh rồi lần lượt hạ cánh theo đội hình hàng dọc thứ tự từ đầu Bắc sân bay. Trong khi bay trên trời hẳn chúng đã nhìn rõ sân bay, phễu xá, nhưng quan trọng hơn, chúng còn nhìn rõ hàng loạt các trận địa phòng không và xe tăng, bố trí nhiều vòng xa xa quanh thị trấn, sẵn sàng tư thế đối phó với những trò phản trắc, nếu có. Hôm ấy thị trấn Lộc Ninh quả như một ngày hội lớn. Cờ cách mạng tung bay khắp nơi. Đặc biệt, tại sân bay tỏa ra một không khí trang nghiêm và trật tự. Đồng đảo đồng bào các giới, cán bộ, bộ đội an ninh chính trị, về mặt hân hoan từ mọi nẻo trẩy về, sắp thành đội ngũ. Một rừng cờ đỏ sao vàng xen lẫn với cờ nửa xanh nửa đỏ và bao nhiêu là biểu ngữ, khẩu hiệu hoan nghênh thắng lợi của hiệp định Paris về Việt Nam, đòi nghiêm chỉnh và triệt để thi hành hiệp định, hoan hô phái đoàn quân sự chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam... Một cuộc meeting chớp nhoáng diễn ra, sôi nổi, chỉ thế, ngay bên cạnh đoàn trực thăng Mỹ im lìm nằm đợi. Nhiều đại biểu thay mặt các giới, các đoàn thể đứng lên phát biểu ngắn gọn nhưng đều có nội dung hoan nghênh Hiệp định, đòi thực hiện nghiêm chỉnh, đòi hòa bình và hòa hợp dân tộc, chúc mừng Phái đoàn ta và gởi gắm lòng tin tất thắng vào sự đầu tranh của phái đoàn. Tôi đã thay mặt Đoàn tỏ lời cảm ơn cán bộ, chiến sĩ đồng bào đã tiễn đưa thân tình trọng thể, ghi nhớ điều dặn dò gởi gắm vào Đoàn, hứa xứng đáng với niềm tin ấy. Các sĩ quan và tổ lái

người Mỹ, cô tỏ ra vân vân, dừng lặng lẽ nhìn, nhưng các sĩ quan nguy thì bồi rồi tức bực ngồi lì trong trực thăng mà không dám ra ngoài.

Cuộc meeting kết thúc, theo lệnh của Tư lệnh căn cứ sân bay Lộc Ninh, đoàn trực thăng Mỹ nổ máy khởi động. Tôi quay nhìn khắp lượt đồng chí, đồng bào, trèo lên cánh vạt Lộc Ninh cái nhìn triu mến rồi lần lượt bắt tay mọi người. Tôi ôm hôn các đồng chí Văn Phác, cục phó cục chính trị miền đã cùng tôi tham gia chiến dịch "Nguyễn Huệ" cũng ngay tại Lộc Ninh này năm trước, đồng chí Lê Thế Thương, phụ trách tuyên huấn của miền, người đã có lần cùng tôi đi suốt dọc đường Trường Sơn. Đồng chí Thương hẹn: "Tôi sẽ gởi tặng anh cái ảnh tự tay tôi chụp về quang cảnh nhân dân tin yêu tiễn anh và phái đoàn ta vào Sài Gòn hôm nay". Đoàn chúng tôi vẫy chào đồng bào, đồng chí rồi hàng hai nghiêm trang lần lượt lên trực thăng trước sự quyến luyến của mọi người, trước rừng cờ hoa rung chào tiễn biệt. Viên thiếu tá Mỹ chỉ huy chiếc trực thăng của tôi tỏ ra rất lễ phép, cẩn thận kiểm tra chiếc ghế ngồi của tôi rồi bước xuống đứng nghiêm chào, mời tôi lên, đỡ tôi ngồi vào chỗ thoải mái, gài nịt an toàn cho tôi, xong lui về ngồi vào vị trí của y. Đoàn trực thăng bồng lên thứ tự theo đội hình, quanh một vòng trên bầu trời sân bay, nghiêng nghiêng chào rồi thẳng về Sài Gòn dọc theo quốc lộ 13. Không phải chỉ đoàn người đồng đảo ở sân bay vẫy chào đoàn trực thăng chúng tôi mà hầu như tất cả mọi người, những người đang đi trên đường, đứng ở sân nhà, phễu xá, đang làm trong ruộng lúa, rẫy khoai quanh Lộc Ninh đều ngừng việc đứng lên vẫy chào vui vẻ. Một cảnh tượng hết sức cảm động, hết sức hòa bình ngay ở khu vực còn đầy dẫy vết tích của chiến tranh tàn phá. Những người Mỹ ngồi trên trực thăng này, cả bọn nguy nữa, họ nghĩ gì trước cảnh tượng đó, trái ngược với cảnh mới cách đây mấy ngày thôi, cũng những chiếc trực thăng này, vốn đã gây ra biết bao chết chóc chia ly cho bao gia đình, bay đến đâu, dưới cánh nó cũng đều vắng vẻ, mặt đất không một bóng người! Bất giác viên thiếu tá Mỹ, quay lại phía tôi, vừa tươi cười, vừa kính cẩn nói: "Các ông đã thắng cuộc".

Đàn trực thăng bay dọc theo đường 13, qua Bình Long, Tầu Ô, Chơn Thành, Bầu Bàng, Lai Khê, Bèn Cát... tất cả những nơi này đều từng là chiến trường của rất nhiều trận đánh ác liệt giữa ta và quân Mỹ, quân ngụy, trong nhiều năm, là nơi còn ghi dấu của bao chiến công oanh liệt của những chiến sĩ miền Đông gian lao anh dũng. Nhìn xuống rừng cây — trước kia um tùm cây to, cây nhỏ chằng chịt chen nhau — mà nay xơ xác hoang tàn. Mặt đất chỉ chít những hồ bom. Nhiều vết dài tàn phá của bom B52 rải thảm, nằm liến nhau, vắt chéo lên nhau, rừng tan nát. Hèn chi mà từ trên nhìn xuống bọn Mỹ tưởng chừng như nơi nào B52 chúng đi qua là trên mặt đất ở đó không còn sinh vật nào sống sót, rồi huênh hoang rằng B52 là thần chiến tranh khủng khiếp. Đây rồi, ta đang bay qua sông Sài Gòn, kia cầu Bình Lợi nằm giữa hai hàng lưới thép dầy, sâu tận đáy sông. Và, An Phú Đông, rồi Tân Sơn Nhất. Đàn trực thăng hạ cánh xuống phần sân bay quân sự. Đoàn chúng tôi nói lời cảm ơn với tổ lái và bắt tay tạm biệt. Mọi người gọn gàng trong bộ quân phục chỉnh tề, không có quân hàm, của quân giải phóng, đứng thành hàng một cách trật tự trên sân bay. Các sĩ quan xách cặp, đeo súng ngắn. Các chiến sĩ đầu đội mũ tai bèo, vai đeo ba lô và khoác súng AK. Nhưng mọi người đều thông nhất mang dưới chân mình đôi dép cao su nổi tiếng. Không biết Mỹ Ngụy có hiểu được cái dụng ý này của chúng tôi không, nhưng các nhà báo trong nước và ngoài nước đông đảo có mặt ở sân bay hôm ấy thì rất tỉnh. Họ quay phim, chụp ảnh lia lịa. Tôi mỉm cười thú vị khi thấy họ chú ý quay nhiều, chụp nhiều những đôi dép cao su. Họ đã nói: "... và những đôi dép cao su giản dị, hiền ngang, họ đặt chân xuống Tân Sơn Nhất. Họ đi vào thủ đô Sài Gòn của Việt Nam cộng hòa lần này cũng vẫn bằng những đôi dép cao su từ Mậu Thân 1968..." (UPI 1-2-73). Đúng, các nhà báo nói đúng sự thật. Những đôi dép cao su đã từng in dấu vết hiền ngang trên đường phố Sài Gòn, ở nhiều mục tiêu quan trọng và cả ở sân bay Tân Sơn Nhất này nữa, cũng như trên khắp các thị trấn, thị xã, thành phố toàn Miền Nam hồi tết Mậu Thân



Phái đoàn VNDCCH và phái đoàn CP CMLTCHMNVN

để có được khung cảnh ngày nay — những đôi dép cao su vào Sài Gòn lần này bằng bước đi đầy thiện chí — để rồi một ngày nào đó chắc chắn cũng những đôi dép cao su sẽ trở về Sài Gòn một lần nữa — trong ngày giải phóng Sài Gòn. Tôi nhìn từ đầu hàng đến cuối hàng các cán bộ và chiến sĩ của tôi trong đoàn mà nghe lòng vui sướng và tự hào. Những ánh mắt sáng, những nụ cười tươi, họ đứng với dáng đứng thẳng và chừng chạc uy nghi, tất cả biểu lộ một lòng tự tin của kẻ chiến thắng. Họ là những cán bộ và chiến sĩ từ khắp chiến trường với nhiều cương vị khác nhau, bộ phận khác nhau và lứa tuổi cũng khác nhau. Có người có mặt từ cuộc kháng chiến chống Pháp, có người bắt đầu từ chiếc mỏ tre trong đêm Đông Khởi. Có người đứng lên cầm súng từ Tết Mậu Thân ngay tại đất Sài Gòn này, cũng có người mới vừa tròn tuổi quân, nhưng đã từng góp phần vào chiến thắng Lộc Ninh, dương 13 bắt diệt. Họ đứng đó giản dị bình thường, thản nhiên trước ống kính của các nhà báo cũng như trước ánh mắt soi mói cô, tò mò cô, ngạc nhiên cô, của quân cánh Mỹ Ngụy láng láng đông đảo rào quanh. Từ trong đám đông người, xuất hiện những bộ quân phục, quân hàm của quân đội Hung và Ba Lan đến gần chúng tôi. Thì ra các đồng chí Hung và Ba Lan trong Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát cũng ra sân bay đón chúng tôi với nhà ý là sẵn sàng giúp đỡ khi Đoàn cần thiết. Tôi đã thân mật chào các đồng chí, tỏ lòng cảm ơn nồng nhiệt. Sau khi làm vài thủ tục đơn giản xong, chúng tôi lên xe, một đoàn xe du lịch đen của Mỹ hiệu Ford có, hiệu Chevrolet có, đi về trụ sở của Đoàn mà Mỹ Ngụy đã tự sắp xếp : “Trại David” — ngay trong sân bay Tân Sơn Nhất.

Trại David, một trại của lính Mỹ trước đây nay đã được sửa sang lại, bao gồm nhiều nhà trệt tạm thời bằng gỗ và lợp tôn, xây dựng thành từng hàng thẳng, giữa có những đường đi rộng, thỉnh thoảng mới được một vài cây có bóng mát. Năng chói chang, nóng dữ dội, đặc biệt là vào buổi trưa. Ban ngày oi bức như vậy lại thêm tiếng gầm rú của đủ loại máy bay và trực thăng, tiếng ồn ào tạp nham từ mọi hướng làm cho ai này đâm ra bức bối, khó chịu, còn đầu trí óc thảnh thơi suy nghĩ

làm việc và nghỉ ngơi. May mà khí hậu tự nhiên ở đây từ mặt trời lặn về đêm là mát dịu trở lại, nhưng vẫn không dứt được tiếng ồn chát chúa liên tục. Thật rõ là một trại lính. Hoàn toàn phù hợp với người lính đang trong cuộc chiến tranh, hay còn quá xa với các tiêu chuẩn tối thiểu cho những phái đoàn ngoại giao. Đùng là bọn chúng chơi khăm chúng ta đây. Có lẽ chúng cũng mất nhiều công phu để tìm ra một trụ sở khá "thích hợp" cho cả hai phái đoàn ở chung: phái đoàn quân sự của chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và phái đoàn chúng tôi.

Xe vừa vào khối cổng trại thì anh Lê Quang Hóa, anh Lưu Văn Lợi, anh Hồ Quang Hóa, anh Bùi Thành Tín và đồng quá, toàn là quen biết, hầu như tất cả phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa ủa ra vây chặt đoàn xe. Chúng tôi vừa xuống xe, anh Hóa tặng tôi một bó hoa Lay-Dơn còn tươi mát của thủ đô Hà Nội rồi mọi người chạy đến ôm hôn nhau, tiếng cười tiếng vỗ vai dôm dốp... Thật là cảm động, thật là thân tình ruột thịt của những đứa con cùng một mẹ — bà mẹ Tổ quốc đã quân quai đau thương trong bao năm khói lửa của chiến tranh. Thật là gần gũi, thật là vui mừng khi những người hạn chiến đấu cùng sống chết với nhau ở chiến trường trước một kẻ thù tàn ác nay lại gặp nhau ngay trong lòng địch chung quanh đây đặc quán thù, vì một mục đích cao cả: đấu tranh cho hòa bình, hòa hợp dân tộc.

Tôi quay qua ôm hôn anh Đoàn Huyền, phó trưởng phái đoàn quân sự chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, đã vào Sài Gòn trước để họp các phiên họp cấp phó trưởng đoàn, bàn các thủ tục làm việc. Anh Dương Đình Tháo, đoàn viên của phái đoàn chúng tôi cũng vào kịp đến Sài Gòn qua đường Paris đã sốt dẻo chuyển cho tôi thơ và những lời thăm hỏi chúc mừng nồng nhiệt của chị Nguyễn Thị Bình và phái đoàn ta ở Paris.

Trại chia làm hai: một bên giành cho phái đoàn anh Hóa, một bên giành cho chúng tôi. Nhưng Mỹ Ngụy đã có nhà ý chuẩn bị cho hai trưởng đoàn một cái nhà tương đối tươm

tất, làm theo kiểu nhà sinh đôi, mỗi bên một người ở, có đủ phòng khách, phòng làm việc, phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm rửa và vệ sinh. Các phòng cửa nẻo kín đáo, có đủ máy điều hòa không khí, đèn sáng, máy điện thoại và các tiện nghi khá tốt. Chúng tôi hiểu rõ "lòng tốt" của họ. Vì vậy mỗi người chúng tôi đã dọn một căn phòng khác để ở và làm việc trong này nhà chung với anh em. Còn nhà ấy đóng cửa lại và giao cho một số chuyên viên kiểm tra. Sau một thời gian lục lọi, tôi không biết mất bao nhiêu ngày, anh em cho chúng tôi xem một vài máy nhỏ tìm được, một số micro rất bé gắn đầu trong nẹp bàn của phòng làm việc và phòng khách. Chúng tôi cười với nhau, không hiểu đây là công trình của Mỹ hay ngụy hay là trò chơi tinh nghịch của những tay thợ mộc kiểm chuyên viên điện tử. Còn nhiều những chuyện như thế này nữa, nào phá rồi các làn sóng điện, thông tin của ta liên lạc với vùng căn cứ, nào ghi trộm các điện của ta đánh đi... Nhưng thôi, nói làm gì, ầu cũng là chuyện thông thường của Mỹ ở thời đại điện tử này, những chuyện ấy thâm gì với chuyện Watergatt sau này ở Oa Sinh Tôn. Quan trọng là ta đã biết, đã đề phòng từ những chuyện nhỏ nhặt nhất. Đó chẳng qua là sự tiếp tục của một cuộc chiến tranh chưa chấm dứt mà kẻ địch đã dùng mọi thứ có thể dùng, từ những vũ khí hiện đại giết được nhiều người cùng một lúc đến những máy móc điện tử tinh vi nhất, những ra đa, tia la de trong các máy nhìn trộm, nghe trộm, từ hàng rào MacNamara đến trại David này. Báo "Sao và vạch" của quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương ra ngày 15-3-73 đã công nhận "Mỹ vừa kết thúc ba cuộc chiến tranh lớn nhất trong thế kỷ này. Đây (chỉ chiến tranh xâm lược Việt Nam) là cuộc chiến tranh lớn nhất về tổng số bom đạn sử dụng, lớn nhất về sự tàn phá và cũng lớn nhất về sử dụng khoa học kỹ thuật trong chiến tranh!".

Đó là việc làm dụng kỹ thuật hiện đại của Mỹ vào mục đích xâm lược, giết người, lừa đảo. Còn bọn ngụy thì kỹ thuật không có mà trí thông minh cũng không, nên đã được chủ Mỹ phân công, và chúng cố gắng tạo thêm, chuyển dời những trò hèn mọn nhỏ nhặt hàng ngày, gây khó dễ cho các phái đoàn ta, như

hạn chế việc cung cấp thực ăn đồ dùng của chú cháu vào trại David, cầm các nhà báo, đặc biệt là cầm nhân dân tiếp xúc chuyện trò với các phái đoàn ta, tìm cách cản trở việc đi lại của ta nhất là ngang qua phễu xả Sài Gòn, gây trễ nải, làm hư xe, quân cảnh hộ tống đèn chậm... rồi dùng trực thăng, xe tăng uy hiếp, mưu dùng tiền gái mua chuộc. Đối với các đoàn đại biểu ta ở các khu vực, các tổ địa phương thì chúng đòi xử càng tệ hại hơn nhiều. Bỏ trí chỗ ở tối tệ, kém vệ sinh, chật chội, nóng nực, thiếu mọi phương tiện, ví dụ như đoàn khu vực Mỹ Tho, chúng bỏ trí vào một nhà nhốt gà vừa mới chuyển trong căn cứ Đồng Tâm, mùi hôi thối còn đang nồng nặc. Chúng cung cấp thực phẩm mất phẩm chất, có trường hợp như ở Huế, những đồ hộp quá hạn lâu đã hóa dòi. Trên bàn hội nghị 4 bên ở Sài Gòn chúng tôi luôn kịch liệt phản đối cách đòi xử của chúng, đòi cử tổ điều tra và giải quyết thì Mỹ đổ thừa cho ngụy. Út-ước, thiếu tướng trưởng đoàn Hoa Kỳ, giả bộ: "Thật đáng tiếc, phía Hoa Kỳ không hay biết gì những sơ xuất này. Phía Việt Nam công hòa đảm nhận những công việc ấy, họ bảo cho chúng tôi rằng mọi việc đã hoàn tất". Những lần như vậy, phía Ngụy cúi gằm mặt im thin thít hoặc đổ cho dưới, bọn địa phương, bọn thừa hành không được tốt, rồi cùng đồng ý cử tổ đi kiểm tra, họ hứa sẽ sửa sang lại nhà cửa, thêm thiết bị nhưng rồi đầu vẫn hoàn đó.

Không những thế chúng còn tổ chức những bọn lưu manh, côn đồ phối hợp với Quân cảnh và cảnh sát của chúng, hành hung các sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ta trong các Ban, Tổ liên hợp quân sự đi làm nhiệm vụ, như ném đá, ném đồ bẩn, thậm chí còn dùng gậy sắt, dao, hùa đánh anh em ta bị thương như đồng chí thiếu tá Lê Thành Nhơn và 2 đồng chí đại úy khác ở tổ Ban Mê Thuột, 6 đồng chí ta ở Huế. Đồng chí Trần Hớn Ngọ bị đánh vào đầu bất tỉnh ở Đức Phổ, Quảng Ngãi khi đang cùng tổ điều tra của Ban liên hiệp làm việc. Tất cả các sĩ quan và chiến sĩ của ta trong các Ban và Tổ liên hợp đều là những người đã lập nhiều thành tích trong chiến tranh, trên nhiều chiến trường vừa qua, đã chiến đấu rất dũng cảm,

như những mãnh hổ trong các trận đánh, giờ đây trên mặt trận đấu tranh mới này trong vùng địch kiểm soát, luôn tin tưởng ở chính nghĩa, ở tất thắng của cách mạng, đã rất bình tĩnh, vững vàng, không nao núng trước mọi hành vi xấu xa, uy hiếp hay mua chuộc nào. Chúng ta tự hào biết bao về họ, biết ơn biết bao đối với những anh bộ đội cụ Hồ rất bình thường nhưng uy vũ không khuất phục, tiền tài không lừa mạt.

Mỹ Ngụy dờ những trò để tiện tay với mục đích gì? Hẳn không phải để tạo ra một không khí tốt lành để cùng cộng tác thủ hành dùng dân hiệp định, hẳn không phải tạo ra một không khí hòa hợp và hòa giải dân tộc sau bao năm hận thù vì chiến tranh tan nhà, nát cửa. Làm sao mà con người có lý trí đứng trước những hành vi ấy của Mỹ ngụy mà vẫn tin rằng chúng thực tình muốn chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình. Rõ ràng chúng trắng trợn không che dấu bộ mặt nham hiểm rắp tâm phá bỏ hiệp định.

Vấn đề quan trọng nhất của hiệp định và cũng là vấn đề đầu tiên phải thi hành là ngừng bắn. Điều 2, 3 của Hiệp định và Nghị định thư về ngừng bắn quy định rất rõ ràng cụ thể về chấm dứt hoàn toàn chiến sự, các lực lượng ở nguyên vị trí v.v... và v.v... Nhưng từ 28-1-1973 là ngày ngừng bắn có hiệu lực cho đến nay, (mãi đến ngày 30-4-1975) mà mai thay, chưa hề có ngày nào ngừng tiếng súng trên bất cứ chiến trường nào ở toàn Miền Nam Việt Nam.

Ngay đúng giờ ngừng bắn có hiệu lực, ngụy quyền Thiệu đã cho cả chiến đoàn có xe tăng dẫn đầu, hành quân lần chiếm Cửa Việt của ta. Ở đây ta đã kiên quyết đánh trả, tiêu diệt quân địch lần chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Và như vậy là ở bàn hội nghị 4 bên ta có manh mẽ tố cáo chúng vi phạm hiệp định. Ngô Du, trung tướng trưởng đoàn Ngụy cầu cứu: chúng tôi hoàn toàn chiếm Cửa Việt hồi 07 giờ 58 phút sáng 28-1 (chẳng là đúng 8 giờ sáng 28-1 là ngừng bắn có hiệu lực mà). Tôi đáp lại: "Cửa Việt đã được chúng tôi giải phóng từ tháng 5-1972 cơ mà. Chúng tôi có mọi chứng cứ hiển nhiên về vụ lần chiếm

trái phép này của quân đội các ngài sau giờ ngừng bắn. Nhưng tôi xin thông báo với Trung tướng tin tốt đó rằng nhờ cảnh giác cao, quân giải phóng chúng tôi đã tiêu diệt quân lần chiếm và làm thất bại cuộc phiêu lưu này, sau khi cô dùng loa kêu gọi họ hãy lùi lại, chứ có vi phạm hiệp định, nhưng không có kết quả. Đây là bài học cho những ai không muốn tôn trọng hiệp định, không tôn trọng chữ ký của mình". Chúng sấm mặt lại, cay đắng.

Để chặn đứng việc các máy bay địch bay ngang qua vùng ta kiểm soát, ta đòi bản ngay điều 3 Nghị định thư về ngừng bắn: "Các bên liên hiệp quân sự sẽ thỏa thuận về các hành lang, các tuyến đường và các quy định khác cho việc di chuyển của các máy bay vận tải quân sự, các loại xe vận tải quân sự và tàu thuyền vận tải quân sự của bên này phải đi qua vùng do các bên kia kiểm soát". Cả phái đoàn Mỹ và ngụy đều lơ đãng như không cần thiết. Nhưng rồi trong phiên họp ngày 16-2 phía Mỹ đờ đẫn báo tin khẩn cấp: một C47 bị bắn rơi ở Nam An Lộc, 2 nhân viên phi hành Mỹ bị thương nặng. Tiếp các phiên tới, Mỹ đều phản đối ta và đòi cử tổ điều tra. Ta đồng ý điều tra nhưng nhấn mạnh rằng trong khi Ban liên hiệp quân sự 4 bên chưa có thỏa thuận về hành lang, độ cao v.v... của máy bay khi bay qua vùng quân giải phóng kiểm soát thì không ai chịu trách nhiệm về sự an toàn của nó cả. Rồi cuộc Mỹ cũng phải im đi cho xong chuyện. Rõ ràng vừa dựa vào pháp lý hiệp định vừa kiên quyết đòi phó với các vụ vi phạm, ta buộc Mỹ ngụy phải kiêng nể. Nhưng nơi nào ta yếu và sơ xuất trên chiến trường thì dù địch vi phạm mười mươi đây, chúng vẫn cãi cù nhẩy và bắt cần sự phản đối của ta. Ví như vụ ngụy lần chiếm Sa Huỳnh ở Quảng Ngãi. Vùng Sa Huỳnh ta đã giải phóng năm 1972 trong đó có một đoạn quốc lộ số 1 tương đối dài. Sau khi ngừng bắn có hiệu lực, ngụy mở hành quân hàng sư đoàn lần chiếm nổi lại giao thông của chúng trên đường số 1. Ta kịch liệt vạch trần sự vi phạm, đòi cử tổ đi điều tra, nhưng rồi Mỹ ngụy ỉ ra, xem như việc đã rồi. Cả những làng ấp dọc đường số 4 Mỹ Tho trước 28-1 do ta kiểm soát nhưng sau

28-1 địch liên tiếp hành quân và đóng đồn bót sâu vào vùng ta. Ở đây vì lực lượng ta còn sơ hở ngờ ngàng, sợ nổ súng đánh trả thì vi phạm hiệp định, nên địch mới lần chiếm được và nói ngược nói ngao trên bàn hội nghị là vùng của chúng. Vấn đề ngừng bắn là vấn đề cốt tử của Hiệp định thế mà ngụy quyền Thiệu không cần đếm xỉa đến, ngang nhiên phá hoại hiệp định từ gốc. Kế hoạch "Lý Thường Kiệt" năm 1973 của chúng đẻ ra 5 biện pháp chiến lược lớn là:

- Lần chiếm và bình định làm biện pháp trung tâm.
- Xây dựng quân đội mạnh, chánh quyền mạnh làm trụ cột. 5 năm trẻ trung hóa, hữu hiệu hóa và hiện đại hóa Quân lực Việt Nam cộng hòa.
- Phá hiệp định Paris về Việt Nam những điểm nào không có lợi cho Việt Nam cộng hòa (ngụy).
- Phục hồi kinh tế 73-74 — trong kế hoạch dài hạn 73-78 nhất là công nghiệp, di dời bao vây phong tỏa kinh tế đối phương.
- Duy trì lực lượng răn đe bằng không quân và hải quân Mỹ ở Đông Nam Á

Chúng con ra sức thực hiện cái gọi là chiến dịch "trấn ngập lãnh thổ", chiến dịch cầm cờ", dùng cả bộ binh, cả trực thăng để cầm cờ. Chúng đã chuẩn bị 1,6 triệu cờ ba que ngụy cho việc này.

Thông cáo của Ủy ban tố cáo tội ác chiến tranh Việt Nam ra ngày 6-4-73 sơ kết rằng: "Trong thời gian 2 tháng từ 28-1 đến 28-3-1973 chính quyền Sài Gòn đã vi phạm hiệp định Paris hơn 7 vạn lần, hao gồm 19.770 cuộc hành quân **lần chiếm 23** vụ bắn đại bác, 3.375 vụ ném bom, bắn phá bằng **máy bay** vùng giải phóng và 21.075 cuộc hành quân canh sát trong vùng do họ kiểm soát".

Theo tài liệu địch thì cho đến tháng 10-73 chúng đã đóng thêm được 1.180 đồn bót trên toàn Miền Nam, kiểm soát thêm được 7.253 ấp sơ với trước 28-1-1973(1).

(1) Tài liệu thu được của địch sau ngày giải phóng hiện giữ tại Ban Tổng Kế chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc Phòng.

Rõ ràng Mỹ Ngụy, mặc dù đã ký kết hiệp định, vẫn thân nhiên hành động theo kế hoạch từ trước của chúng, ra sức bình định lần chiếm, xây dựng quân đội mạnh lên để thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho chúng hầu độc chiếm Miền Nam Việt Nam. Trong một phiên họp 2 trưởng đoàn Miền Nam tháng 4-73 Đur Quốc Đồng, trung tướng trưởng đoàn Ngụy, thay thế Ngô Du, khi bị dồn vào thế bí đã nói toạc chân tướng: "Tôi không tán thành hiệp định Paris vì nó chỉ có lợi cho các ngài". Tôi đã nghiêm nghị phê phán: "Như vậy là đã rõ, Trung tướng Đur Quốc Đồng, người đại diện của bên Việt Nam cộng hòa để thi hành hiệp định mà không tán thành, chông lại hiệp định, thì các ngài vi phạm, phá bỏ hiệp định là tất nhiên, là rõ ràng". Hắn đã hoang hốt vội lúng túng bảo chữa: "Cá nhân tôi không tán thành... nhưng... vì... đã có hiệp định chúng tôi phải thi hành, không có phá...".

Ai cũng biết, trước khi hiệp định Paris được ký kết, Hoa Kỳ đã gấp rút chờ vũ khí phương tiện chiến tranh qua Miền Nam Việt Nam cũng chờ lại quân Ngụy, bù đắp số vốn ngụy đã bị tổn thất nặng trong năm 1972 và ra sức lập một kho dự trữ đầy đủ để quân ngụy vẫn mạnh khi Mỹ rút đi. Kissinger đã từng tuyên bố trong các cuộc họp báo ở Mỹ rằng: "Mỹ rút, Việt Nam cộng hòa vẫn phải mạnh". Công việc này vẫn tiếp tục với nhịp độ cao sau khi hiệp định có hiệu lực. Tất cả những số liệu này nhiều tài liệu đã ghi rõ, báo chí thế giới cũng đã nói đến nhiều, thông kê đầy đủ, thiết tưởng tôi không cần phải lục ghù lại ở đây.

Không những thế, quân Mỹ và chư hầu Mỹ buộc phải rút hoàn toàn khỏi Miền Nam Việt Nam theo hiệp định, thì chúng lại chuyển cho quân đội Thiệu các trang bị tối tân, các kho dự trữ hậu cần, các căn cứ của chúng.

Điều 5 và 6 hiệp định đã quy định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hiệp định ký sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi Miền Nam Việt Nam mọi quân đội, cơ sở và quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên

quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác, cũng như việc hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ và nước ngoài khác. Nghị định thư ngừng bắn cũng nói ở điều 8 là "Hoa Kỳ và các nước ngoài khác nói trong điều 5 của Hiệp định sẽ mang đi với họ mọi vũ khí đạn dược và dụng cụ chiến tranh của họ..."

Để bảo đảm việc thi hành đúng đắn các điều khoản nói trên, điều 3 đã nêu rõ là bắt đầu từ khi ngừng bắn các lực lượng của Hoa Kỳ sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi kế hoạch rút quân và Ban liên hiệp quân sự 4 bên sẽ quy định thể thức.

Ban liên hiệp quân sự 4 bên có nhiệm vụ phối hợp, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các điều 3, 5, 6... ấy. Đặc biệt là Ủy Ban quốc tế phải kiểm soát và giám sát việc thi hành các điều đã nói ở trên.

Trong các phiên họp Trưởng đoàn 4 bên ở Tân Sơn Nhất chúng tôi luôn yêu cầu phía Hoa Kỳ cho biết kế hoạch rút quân và phá các căn cứ quân sự để phái các tổ liên hợp đi theo dõi và kiểm tra. Hôm nào cũng vậy, Út-ước thiếu tướng trưởng đoàn Hoa Kỳ âm ỉ rồi đưa ra vấn đề khác. Nhưng một hôm ông ta làm ra vẻ trịnh trọng thông báo: "Kết quả việc nghiêm chỉnh thi hành hiệp định, về phía Hoa Kỳ..." đã tháo gỡ thủy lôi, mìn...". Ý nói vanh vách về số liệu, thời gian, không gian... rồi tới việc rút quân "đã rút ra khỏi Nam Việt Nam 8.000 có cả quân Đồng Minh". Tôi lập tức phản đối: "Chúng tôi không thể chấp nhận sự thông báo hơi hợt của phía Hoa Kỳ như vậy. Không ai có thể tin con số 8.000 hay bất cứ một số nào khác mà thiếu tướng Út-ước đưa ra, mà lại không nghĩ rằng đó có thể là bịa đặt. Tôi cho rằng bất cứ một cuộc rút quân nào của Hoa Kỳ hay quân một nước ngoài nào khác đều cần phải thông báo trước để có sự theo dõi và kiểm tra tại chỗ của Ban liên hiệp quân sự 4 bên cũng như sự kiểm soát và giám sát của Ủy ban quốc tế như đã quy định. Không như vậy thì không con số nào có giá trị. Tôi phải ghi nhận rằng cho đến ngày nay chưa có

một người lính Hoa Kỳ hay quân một nước nào khác đã rút khỏi Miền Nam Việt Nam”.

Sau đó nhiều ngày, vào ngày 16-2-1973, Mỹ gửi công hàm cho ta chính thức chịu để cho tổ liên hợp quân sự 4 bên đến các địa điểm quan sát việc rút quân Mỹ và Nam Triều Tiên và được chụp ảnh. Thế là họ phải nhượng bộ. Qua các cuộc giám sát đó, rõ ràng quân Mỹ cũng như Nam Triều Tiên, khi bước chân vào Việt Nam họ đã được vũ trang đến tận răng, nhưng khi rút ra thì không mang súng ống gì cả mà toàn những chân mần đồ dùng và lù khù những vật kỷ niệm như voi sành, voi sứ, đồ đá Ngũ hành Sơn... Anh em ta chất vùn thù họ trả lời: “vũ khí trang bị đã chôn bằng tàu thủy”. Đây, lý lẽ bịp bợm như vậy đó.

Việc này đến khi thất bại hoàn toàn năm 1975, Mỹ mới bàng hoàng bức bối là sao đã tìm mọi cách gian lận để trang bị nhiều cho quân nguy mà thua vẫn hoàn thua, nên trong cơn tức giận mới nói toạc ra sự thật: “Với khối lượng khổng lồ các trang thiết bị và vật liệu để lại khi các lực lượng chúng ta rút về cộng với số lượng tiếp tế thêm về sau nhẽ ra quân lực Việt Nam cộng hòa phải có đủ khả năng đương đầu với đời phượng mới phải”. (Chương 10 phần kết quyển sách “chiến lược thắng cuối cùng” của Weldon A. Brown).

Còn việc phá hủy các căn cứ quân sự?

Út-udt, thiếu tướng Hoa Kỳ nghiêm trang báo: “Chúng tôi được phép trả lời quý vị rằng ở Miền Nam Việt Nam hiện nay không còn một căn cứ nào của chúng tôi cả. Tất cả đã chuyển cho Việt Nam cộng hòa từ trước khi ký hiệp định. Hiện nay quân Mỹ ở trong những căn cứ mượn tạm của Việt Nam cộng hòa”.

Thật là một sự lừa bịp trắng trợn hết chỗ nói.

Một khi đế quốc đã có kế hoạch rồi, có mục tiêu rồi thì chúng hành động theo cách của kẻ xâm lược, nói láo trơ trẽn bất kể người nghe là ai.

Đáng lý thu Ủy ban quốc tế có đủ khả năng phát hiện ra

những vấn đề gian lận này, có quyền có những kết luận xác đáng lên án sự vi phạm hiệp định của Mỹ, nguy hiểm ngăn chặn việc phá hoại hiệp định, tiếp tục chiến tranh. Ủy ban quốc tế có 4 nước tham gia: Hung, Ba Lan, Indonesia, Canada. Về sau khi Canada rút lui thì Iran thay thế và làm việc theo nguyên tắc hiệp thương nhất trí.

Cần nói thẳng ra rằng Canada hầu như là của Mỹ, che chở cho Mỹ trong Ủy ban quốc tế, cãi bừa, lấp liếm và cần thì phủ quyết. Trưởng đoàn Canada là đại sứ Gô-Vin, bề ngoài có vẻ lịch thiệp, nhưng nghe nói là một con người có tính độc đoán, trịch thượng, lằn lút, coi thường người khác. Một hôm Gô-vin ngó ý muốn đến thăm xã giao phái đoàn chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Chúng tôi rất sẵn sàng, xem đây là một dịp khá tốt để nói chuyện thẳng thắn với vị đại biểu Ủy ban quốc tế này. Tôi đã tiếp y ở phòng khách được chuẩn bị khá tươm tất theo điều kiện cho phép trong trại David. Tôi đã ra tận xe để đón đại sứ vào và mời ngồi cùng tôi trên chiếc divan, vị trí trang trọng nhất trong phòng khách. Cùng đi với y có phụ tá về chính trị của đoàn Canada và một phiên dịch. Phía ta có anh Võ Đông Giang, thành viên của đoàn và một số anh em khác. Ta dùng phiên dịch chính trong cuộc tiếp khách này là phiên dịch của ta, đồng chí Dũng, người đã dịch cho tôi trong tất cả các phiên họp trưởng đoàn 4 bên. Dũng là một thanh niên cử khôi, nói tiếng Anh lưu loát, giọng khỏe, biết nhân mạnh những đoạn cần thiết.

Sau những thăm hỏi, chuyện trò có tính cách xã giao, Gô-Vin nói về vai trò, thành tích của Ủy ban quốc tế nhất là giai đoạn Gô-Vin làm chủ tịch, về vấn đề ngừng bắn; trao trả người các bên, về quân Mỹ và chủ trương rút khỏi Miền Nam Việt Nam... Tất cả đều có ý nói lên sự dặc lực của Ủy ban quốc tế, sự khách quan công bằng và đặc biệt hàm ý trách ta vi phạm ở chiến trường nhiều nên đến nay vẫn chưa ngừng tiếng súng, có giọng dò hỏi và hàm dọa. Tôi đã rất bình tĩnh và lễ độ ngồi nghe, vừa kiên trì nghe vừa cố hiểu hết ý nghĩa của từng lời nói. Ý hân đại sứ thấy nói đã dài và dò nên dừng lại, nhìn tôi dò hỏi. Tôi

thông thả mời khách ăn một vài món trái cây, mời hút thuốc.
Rồi tôi bắt đầu nói :

— “Thưa ngài, đại sứ Gô-Vin, ngài nói rất đúng về vai trò rất quan trọng và tính khách quan rất cần thiết của Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát việc thi hành hiệp định. Tôi thú thật với ngài rằng chúng tôi rất đau xót khi thấy tiếng súng vẫn còn nổ khắp nơi khi đã có hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên đất nước mà chiến tranh tàn phá hàng mấy chục năm nay liên tục. Trên thế giới này tôi tin rằng không có dân tộc nào thậm chí mong đợi hòa bình như dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã biết chiến đấu và biết chịu đựng để tìm cho ra chân lý. Nhưng thưa ngài đại sứ, mọi việc đều có nguyên nhân của nó. Tôi xin phép ngài dờ lại một vài trang lịch sử đã qua. Dân tộc chúng tôi đã giành được độc lập năm 1945. Thực dân Pháp lại xâm lược trở lại. Chúng tôi phải chiến đấu 9 năm trời mà thắng lợi nổi bật là trận Điện Biên Phủ, mới ký kết được hiệp định Genève. Thời kỳ ấy cũng có Ủy ban quốc tế kiểm soát, trong đó có đại biểu Canada, chắc ngài biết rõ ?
— Gô-Vin gật gật đầu đồng tình. Tôi tiếp : “Nhưng Nixon lúc đó là phó tổng thống Mỹ tuyên bố với báo chí rằng : “Dù cho Pháp ký kết đình chiến ở Đông Dương, Hoa Kỳ cũng sẽ hành động một mình nếu điều ấy là cần thiết và sẽ gọi quân đội của mình sang vùng đó của thế giới”. Đó là lời thuật của Thời báo Nữ Ước, và Hoa Kỳ đã làm như vậy thật”.

Gô-Vin làm một động tác khoát tay ngăn phiên dịch lại và nói một câu dài. Tôi nói với Dũng : Đồng chí hãy tiếp dịch những lời tôi nói, bao giờ tôi nói hết, ngừng lại thì mới được nghe và dịch lời của ông ta. Dũng lại dong dặc dịch tiếp lời tôi.

— “Tôi xin cung cấp một số liệu để ngài Đại sứ biết : từ năm 1955 đến năm 1960 có trên 800 chuyến tàu biển của Mỹ chở vũ khí và phương tiện chiến tranh các loại vào các cảng của Việt Nam đặc biệt là cảng Đà Nẵng và cùng trong thời gian ấy số tiền viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm là một tỷ 600 triệu đô la. Cả thế giới đều biết việc này. Đó là sự vi phạm

trắng trợn hiệp định Genève. Nhưng Ủy ban quốc tế lúc đó, hoặc làm ngơ, hoặc che dấu hoặc bị áp lực nào đó nên không ngăn chặn hành vi phi pháp ấy. Vì vậy mà tiếng súng vẫn nổ ra và chiến tranh lại tiếp tục trên đất nước Việt Nam chúng tôi. Canada là thành viên quan trọng trong Ủy ban quốc tế lúc ấy rất nhiên không thể chối cãi về trách nhiệm lớn lao của mình”.

Gô-Vin lại cõ cật ngang, nói một câu dài và định nói mãi nếu như tôi không báo. Dũng cứ dịch lời của tôi và dịch to hơn tiếng của Gô-Vin.

Quả Dũng là một thanh niên cử khôi, Dũng đã nói át cả tiếng của Gô-Vin, buộc Gô-Vin phải ngừng nói chịu ngồi nghe, vừa tỏ vẻ ngạc nhiên. Có lẽ Gô-Vin chưa hề gặp trường hợp không lần lượt được và bị khép vào khuôn phép như thế này. Tôi tiếp : — Đến ngày nay, sự việc lại diễn lại : trước và sau khi ký hiệp định Paris, Mỹ đã chở cả bằng tàu biển, cả bằng máy bay, vũ khí, và trang bị qua cho Quân đội Việt Nam cộng hòa để phá hiệp định, tiến hành lần chiếm và bình định. Không những thế, quân Mỹ và quân các nước khác rút về nước nhưng lại chuyển vũ khí, phương tiện, kho tàng, căn cứ lại cho quân đội chính quyền Thiệu, một sự vi phạm hiệp định Paris quá trắng trợn”.

Đến đây, Gô-Vin như không còn chịu đựng được nữa, y dấy nẩy lên, khoát tay lia lịa, áp ứng một vài lời... Tôi phải trấn tĩnh y : “Xin đại sứ hãy bình tĩnh, Tôi chỉ xin nói vài lời nữa thôi, rồi sẽ nhường lời cho đại sứ”. Rồi tôi tiếp.

— “Lần này nữa, nếu chúng ta, Ủy ban quốc tế và Ban liên hợp quân sự 4 bên không hợp tác chặt chẽ với nhau, nỗ lực cùng nhau hành động một cách khách quan, đặc lực ; ngăn chặn mọi vi phạm như vậy thì tôi nghĩ rằng tiếng súng vẫn nổ là điều không lấy gì làm ngạc nhiên và nguyên nhân từ đâu cũng đã rõ. Và trách nhiệm chúng ta trước lịch sử quá nặng nề, chúng ta đã không đáp ứng được nguyện vọng hòa bình của nhân dân Việt Nam, của cả nhân dân Canada và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới. Và chính phủ Canada,

hai lần tham gia Ủy ban quốc tế về hai hiệp định sẽ nghĩ thế nào về vai trò của mình? Tôi xin nhường lời cho Đại sứ".

Lần này thì GôVin không còn tỏ sự hăm dọa muốn nói như trước, thái độ hòa nhã nhỏ nhẹ:

"Thưa Ngài, Trung tướng Trần Văn Trà, thủ thật với ngài là tôi không hiểu gì về hiệp định Genève cả... hồi ấy... tôi không được biết... những việc ấy... tôi không theo dõi..." rồi đại sứ chuyển qua nói chuyện về thời tiết khí hậu ở Saigon, về các loại trái cây ở Việt Nam.

Tôi vui vẻ mời khách uống bia và nước ngọt.

Mọi người cô có thái độ thân thiện hiểu biết.

GôVin lại nói, nhắc lại bữa tiệc lớn y tổ chức chiêu đãi ở Saigon nhân dịp Bộ trưởng Bộ ngoại giao Canada - Sácơ đi công cán qua đây. Hôm ấy có đủ nhân vật "tai to, mặt lớn" của nguy quyền Saigon, có cả đại sứ Mỹ Bunker và mới các bên trong Ủy ban quốc tế cũng như Ban liên hợp quân sự 4 bên, chúng tôi đều có đến dự.

— Ngài Trung tướng Trần Văn Trà, quả thật ngài là ngôi sao sáng trong bữa tiệc hôm ấy, là ngôi sao sáng trên bầu trời Saigon hôm ấy".

— Thưa đại sứ, đó là ngôi sao sáng, ngôi sao chính nghĩa của chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam mà tôi được hân hạnh là người đại diện đây!

— Không, không, tôi muốn nói tới vai trò cá nhân nói hạt của Trung tướng cơ.

Y lại cố tránh né đề cao chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam của ta mặc dù đó là uy tín thật sự không thể chối cãi đã có từ lâu, không phải chỉ ở Saigon này mà còn cả ở Paris và trên thế giới. Để chống lại, cả Mỹ và nguy quyền Thiệu đã để ra thành nguyên tác: ở Miền Nam Việt Nam chỉ có một chính phủ duy nhất mãi mãi về sau này đó là chính phủ Việt Nam cộng hòa của Thiệu. Điều này Mỹ và Trung Quốc cũng đã thỏa thuận, nhất trí với nhau trong cuộc gặp gỡ mua bán chính trị "Nixon — Mao Trạch Đông — Chu Ân Lai" khi có thông cáo Thượng Hải.

Y lại nói tiếp:

— Trung tướng là một chiến sĩ vĩ đại.

Lần này thì tôi lung tung thực. Vì, dù tôi đã hiểu rõ thâm ý của y rồi nhưng tôi không ngờ y lại tăng bốc tôi đến thế. May thay, tôi sức nhớ lại sự đánh giá người chiến sĩ của chúng ta của UPI năm 1964:

"Du kích Việt cộng là nhân vật thần thoại. Họ là một kẻ thù đáng sợ, một kẻ địch mà người ta phải kính nể".

Và báo "Tin tức Mỹ thế giới" năm 1965:

"Du kích Việt cộng là tài tình nhất, vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại".

Tôi mỉm cười thông thả:

— Xin đa tạ lời ngợi khen của Đại sứ. Quả thật, vì lòng yêu nước, yêu nhân dân, vì "không có gì quý hơn độc lập tự do" mà người chiến sĩ giải phóng chúng tôi đã xả thân chiến đấu và chiến thắng, được báo chí và các hãng thông tấn Mỹ cũng như quốc tế đánh giá là những nhân vật thần thoại... là tài tình nhất, vĩ đại nhất... Tôi thực sự hạnh diện được là đại diện cho họ ngay ở Saigon này để đấu tranh thi hành đúng dân hiệp định mà họ phải đổ bao nhiêu máu mới đánh được.

Thế rồi đại sứ GôVin cáo từ ra về. Trước sân, GôVin đã để nghị chúng tôi cùng chụp chung một tấm ảnh kỷ niệm cuộc gặp gỡ này. GôVin đã đưa máy ảnh riêng của y mang theo cho nhiếp ảnh viên chúng tôi chụp giùm vào đây vài kiểu.

• • •

— 60 ngày ở Saigon trong Ban liên hợp quân sự 4 bên là những ngày nặng nề và căng thẳng. Hai phái đoàn quân sự chúng ta đã làm hết sức mình để đấu tranh thi hành hiệp định, nhưng kết quả có mức độ. Các đồng chí trong Đoàn Hùng và Ba-Lan trong Ủy ban quốc tế, với tinh thần quốc tế và lòng nhiệt tình anh em đã hợp đồng chặt chẽ với chúng tôi cùng đấu tranh, bảo vệ nhau, giúp đỡ nhau.

— Đồng chí Thiếu tướng “ Xuýt ” phó trưởng Đoàn Hùng trong Ủy ban quốc tế, người to lớn chắc nịch trong bộ quân phục Hùng gọn và đẹp, ngay trong buổi đầu gặp gỡ làm việc đã nói với tôi giọng chân thành : “ Đảng Nhà nước, quân đội và nhân dân Hùng gọi chúng tôi đến Việt Nam vì nền hòa bình và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam, vì hòa bình của thế giới. Chúng tôi xem sự thành công của Cách mạng Việt Nam là của chính bản thân mình và vì vậy sẵn sàng hy sinh vì nó. Đó là nguyên tắc chỉ dẫn mọi hành động của chúng tôi — Chúng tôi không sợ chết và tất nhiên không sợ cực nhọc ”.

Cảm ơn biết mấy những lời nói chí tình của một sử giả của giai cấp công nhân từ một đất nước xa xôi đến với chúng ta trong những ngày còn gian khổ, trên tinh thần quốc tế vô sản cao cả !

Qua thời gian 60 ngày ấy thử kiểm lại những gì đã thực hiện và không thực hiện được. Do Mỹ ngụy đã có mục tiêu, có kế hoạch sẵn nên vấn đề chủ chốt nhất là việc ngừng bắn không thực hiện được. Chiến tranh vẫn tiếp diễn. Hãy nghe Thiếu nói chuyện với sĩ quan ngụy ở Thủ Đức :

“ Việt Nam cộng hòa sẽ thi hành điều khoản ngừng bắn khi :

1. Quân đội Việt Nam cộng hòa không còn ủng hộ tôi.
2. Khi Quân viện Hoa Kỳ chỉ đủ để lo việc phòng thủ.
3. Khi quân lực Việt Nam cộng hòa không còn đủ sức bảo vệ các khu quan trọng tại Miền Nam Việt Nam ”.

Rõ ràng tên tay sai trung thành của Mỹ tướng nó chiến thắng, ngoan cố phá hoại ngừng bắn, tiếp tục chiến tranh dù có hay không có hiệp định (!)

Mỹ và chư hầu đã rút quân. Các quân đội tay sai Mỹ, bán mình cho đế quốc tham gia giết hại nhân dân ta như quân đội Úc và Tân Tây Lan, quân đội Thái Lan và Nam Triều Tiên đã cút sạch khỏi đất nước ta. Sáng 15-3-1973 USARV, Bộ chỉ huy quân đội Mỹ ở Việt Nam đã làm lễ cuốn cờ, chuyển. Chiều, MACVI Bộ chỉ huy yểm trợ quân sự Mỹ ở Việt Nam, thực tế là Bộ tư lệnh tối cao của Mỹ chỉ huy toàn bộ quân đội Mỹ, quân

các nước chư hầu và quân đội Thiệu, bỏ máy chiến tranh xâm lược đồ sộ của Mỹ ở Việt Nam, có trụ sở ở Tân Sơn Nhất mà báo chí gọi là “ Lầu năm góc phương Đông ” cũng hạ cờ, cuốn gói.

Tình cờ hay có sự gọi ý khéo léo nào đó mà ngày hôm sau, hai phái đoàn quân sự Việt Nam Dân chủ cộng hòa và chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam chúng ta đã phóng xe thọc thẳng vào sân của “ Lầu năm góc phương Đông ” này. Hai phái đoàn xuống xe tiến thẳng vào phòng khách giữa hai hàng quân cảnh Mỹ đứng nghiêm chào, để dự bữa tiệc của thiếu tướng trưởng phái đoàn Hoa Kỳ chiêu đãi. Chúng tôi đã cười vui, uống rượu Mỹ, nói chuyện thời tiết thanh bình Việt Nam ngay ở “ Lầu năm góc phương Đông ”.

Thế là quân Mỹ cũng đã cút. Nhưng chúng đã để lại như nói ở trên đủ thứ vũ khí, căn cứ quân sự và cả sĩ quan đội lờn dân sự để chông dờ cho chờ độ tay sai Thiệu.

Về phần trao trả theo Hiệp định, chúng ta đã đòi lại được những người của ta bị chúng bắt giữ trong chiến tranh. Đồng chí thiếu tá Nguyễn Thị Dung, thành viên phái đoàn quân sự của chúng ta, đặc biệt phụ trách vấn đề trao trả tù binh. Đồng chí rất tích cực xông xáo, đã đi khắp các nhà tù của Ngụy từ Biên Hòa đến Côn Đảo, Phú Quốc. Là thành viên nữ độc nhất trong cả 4 phái đoàn quân sự, nơi thạo cả tiếng Pháp và tiếng Anh, xinh đẹp, lịch thiệp, đầu tranh kiên quyết đã làm cho Mỹ ngụy phải kính nể, và chúng tôi cũng hành diện. Đồng chí đã tranh thủ phổ biến các điều khoản của hiệp định nói về trao trả tù binh cho anh em ta còn bị giam, đầu tranh đòi Cải thiện chế độ nhà tù, đòi trả toàn bộ những người còn bị bắt giữ.. Chúng không trả đủ, không thành thật nhưng ta cũng đã giải thoát được một số không ít những cán bộ và chiến sĩ ta, những người đã chiến đấu anh dũng và sa cơ lọt vào tay chúng, chịu đựng sự hành hạ dã man của chúng.

Chúng ta cũng đã trả tất cả tù binh Mỹ ngụy mà ta giữ.

Nhưng điều quan trọng nữa là qua 60 ngày, mặt đối mặt

với kế địch ta đã hiểu chúng thêm. Mỹ chỉ cốt lấy lại được tù binh để làm quà cho nhân dân Mỹ, đưa quân Mỹ về nước vì nhân dân Mỹ đói, còn thì vẫn thi hành chính sách Việt Nam hóa chiến tranh để Mỹ tiếp tục ở lại Việt Nam. Ngay thì giữ đúng phương châm "4 không" của Thiệu: không nhượng đất cho "Cộng sản", không trung lập, không liên hiệp với "cộng sản", không nói chuyện với "cộng sản" — Tuy rằng Ngụy buộc lòng phải ngồi vào bàn với ta trong hội nghị 2 bên ở Paris, trong Ban liên hợp quân sự 4 bên rồi 2 bên ở Tân Sơn Nhất, nhưng thực sự chúng vẫn giữ nguyên tắc 4 không của chúng, không nói chuyện nghiêm túc mà cãi chày, cãi cối, nói bừa, nói ảo, đồng ý hôm nay để xóa sạch ngày mai. Ngay vấn đề nhỏ nhất và đầu tiên là màu cờ và dấu hiệu của Ban liên hợp quân sự 4 bên mà chúng cũng lật lọng, không thi hành điều đã thỏa thuận trong phiên họp cấp phó trưởng đoàn ngày 31-1-1973. Đó là quy định có, băng tay, dấu hiệu trên xe tàu, máy bay của Ban liên hợp Quân sự đều là màu da cam. Trong một phiên họp cấp trưởng đoàn chúng đề nghị ta bàn lại, lấy màu khác. Ta gạt đi. Vì việc gì đã thỏa thuận rồi thì làm, không cù nhậy. Giữa chừng phiên họp, giờ giải lao, Phan Hòa Hiệp, chuẩn tướng phó đoàn ngụy đến ngồi bên tôi thì tôi nói: "Trung tướng không biết tôi chứ tôi biết trung tướng nhiều". Tôi hỏi lại: "Biết lúc nào". Hiệp nói: "Tôi là linh của đệ tam sư đoàn đây (Hội Cách mạng tháng 8 năm 1945) tiếc rằng các anh lớn hồi ấy xích mích với nhau, nếu không thì có lẽ bây giờ tôi cũng vẫn còn đi kháng chiến, dưới quyền của Trung tướng..." Y cười hề hề để châm dứt cho câu nói của mình. Thì ra thế. Các "Anh lớn" mà Hiệp nói đây tức gồm có tôi, lúc đầu kháng chiến chống Pháp tôi là chỉ huy đơn vị gọi tên là Giải phóng quân liên quận Hóc-Môn — Ba Điểm, Đức Hòa hoạt động quanh Saigon; Nguyễn Hòa Hiệp, tư lệnh đệ tam sư đoàn, Lý Huệ Vinh, tư lệnh đệ tứ sư đoàn... Đệ tứ sư đoàn tan rã ngay từ khi Pháp đánh trở lại năm 1945. Đệ tam sư đoàn tan rã và dấu hàng Pháp sau một thời gian. Tôi đã tiến hành tước vũ khí của một số đơn vị cướp bóc phá hại nhân dân của 2 sư đoàn này tại Nhuận Đức, An Nhơn

Tây Hóc Môn — Gia Định và tại Mỹ Tho, Đức Hòa (Long An). Người ta nói Phan-Hòa-Hiệp thực tế không phải là họ Phan mà là Phiên âm "Francois" thành "Phan Hòa" vì y tên là Francois Hiệp, lai Pháp, cha người Pháp, mẹ người Việt. Nói lại câu chuyện này y cốt xuông nước với tôi, tư coi là em út và nhân đó năn nỉ "anh lớn" đồng ý sửa lại màu cờ:

— "Thưa, Trung tướng màu da cam gắn với màu đỏ, trông nó dữ quá".

Y đã xuông nước làm em út thì rồi cũng lên giọng "anh lớn".

— "Sao lại dữ, màu đỏ là màu huy hoàng sáng lạn của tương lai, có gì phải sợ. Chuẩn tướng nên biết rằng màu da cam thông dụng trên quốc tế rồi, rất dễ nhìn thấy, dù rất xa. Màu đỏ thích hợp nhất mà đẹp nữa. Và lại cái gì đã nhất trí rồi thì thi hành đừng trở tôi, trở lui nữa, mất thì giờ. Ta còn nhiều việc phải làm" — Y còn leo đèo theo năn nỉ nhiều lần nhưng tôi kiên quyết gạt đi. Tuy vậy, ngụy vẫn không thi hành. Đây, còn khởi chuyện như chuyện màu da cam vậy.

• •

Căn cứ vào Hiệp định, Ban liên hợp quân sự 4 bên sẽ chấm dứt hoạt động trong thời hạn 60 ngày. Nhưng gần đến những ngày kết thúc thì có dư luận của Mỹ, của báo chí Saigon lúc ấy rằng Ban liên hợp quân sự 4 bên sẽ kéo dài thêm thời hạn hoạt động. Chưa hiểu đây là âm mưu gì. Phải chăng để kéo dài thêm sự có mặt công khai của Phái đoàn Mỹ? Để ngụy cò bắm vào chủ Mỹ nhờ sự che chở? Để giữ phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa lại hòng giải quyết thêm một số việc có lợi cho Mỹ như vấn đề tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích? hay để hạ thấp vai trò chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam? Nhưng ta kiên quyết chuẩn bị cho đoàn quân sự Mỹ trở về Hoa Kỳ, đoàn anh Hòa trở về Hà Nội. Còn đoàn của tôi, trong khi chuyển thành Ban liên hợp quân sự 2 bên làm việc thì Trung ương đã quyết định là anh Hoàng Anh Tuấn,

thiếu tướng, sẽ là trưởng đoàn quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Tất nhiên tôi sẽ rút, nhưng chuyện rút đi của tôi trở thành vấn đề khó. Tôi đi Hà Nội? không có lý do gì. Tôi đi Lộc Ninh? Mỹ Ngụy sẽ làm khó dễ, không cung cấp phương tiện hoặc có âm mưu đen tối nào đó... Ý đồ của Mỹ Ngụy lúc ấy chúng tôi biết rõ là ít nhất cũng giữ tôi lại Tân Sơn Nhất. Để cho một cán bộ có cơ — theo ý chúng — của Mặt trận giải phóng như tôi trở về chiến trường là “thả hổ về rừng”. Giữ một người thế này trong tay chúng làm con tin, ắt sẽ có ích đây.

Từ lâu chúng ta thừa biết là mọi việc do chủ Mỹ định đoạt, nguy chỉ là những tên tôi tớ thừa hành. 60 ngày qua càng cho phép tôi khẳng định như vậy. Trong việc này cũng như bao nhiêu việc đã qua nếu Mỹ ưng thuận thì mọi việc sẽ êm xuôi. Phải làm cho Mỹ ưng thuận đưa tôi đi Hà Nội.

Tôi 29-3 tôi mời Út-Ướt trưởng phái đoàn Hoa Kỳ đến gặp tôi tại trụ sở của phái đoàn ta trong trại David. Đúng giờ, cả Út-Ướt, cả Uyển-Khâm, chuẩn tướng, phó trưởng đoàn Hoa Kỳ và tên phiên dịch Xô-va-dô, thiếu tá mũ nổi xanh, đã từng là cố vấn cho trường đào tạo cán bộ binh định của nguy quyền ở Vũng Tàu, đều đến.

Tôi báo cho Út-Ướt biết rằng do liên lạc của chúng tôi có khó khăn nên tôi vừa nhận được tin chậm là còn một tù binh Mỹ mà lực lượng của chúng tôi còn đang giữ ở tỉnh Trà Vinh. Để thể hiện thiện chí của chúng tôi thì hành động dân Hiệp định Paris, chúng tôi xin trao trả cho các ngài. Ngay từ ngày mai hai bên sẽ cử cán bộ lo việc giao và nhận ngay người tù binh cuối cùng này. Về cá nhân, tôi nghĩ rằng đây là món quà thân thiện của tôi đối với thiếu tướng để ghi nhớ 60 ngày cùng làm việc với nhau trong Ban liên hợp quân sự 4 bên (ý tôi muốn nói nhân việc này Út-Ướt thế nào cũng được khen thưởng, thăng cấp).

Út-Ướt mừng rỡ ra mặt, cảm ơn tôi rồi rút và để tỏ lòng biết ơn, y tỏ vẻ thân mật hỏi thăm tôi về sức khỏe, hỏi tôi có dự kiến riêng gì sắp tới không?

Thật là một câu hỏi đúng chỗ và đúng lúc, tôi chỉ mong có thể. Tôi liền nói dự kiến riêng của tôi là sẽ đi Hà Nội một chuyến và nhân tiện thăm luôn Lào.

Hân Út-Ướt và Uyển-Khâm tưởng tôi có ý định giúp giải quyết vấn đề tù binh của Mỹ và Thiệu ở Lào, nhưng không tiện và không dám hỏi. Út-Ướt tỏ vẻ rất sốt sắng hỏi luôn “Trung tướng định bao giờ thì đi”.

— Tôi định sáng mai đi nếu thiếu tướng sẵn lòng lo giúp phương tiện.

— Trung tướng sẽ có ngay phương tiện. Tôi sẽ sắp xếp một chuyến C130 đi Hà Nội sáng mai vì trung tướng.

Tôi nói lời cảm ơn và nhắc lại là sáng mai một sĩ quan ta sẽ gặp sĩ quan Hoa Kỳ, sắp xếp việc trả và nhận tù binh ở Trà Vinh.

Y lại cảm ơn và hỏi tôi C130 ngày mai đi có phải chờ tôi trở về không? Nếu không thì tôi sẽ trở về thế nào? (vì là phái đoàn Hoa Kỳ chấm dứt hoạt động và trở về Mỹ ngày 31-3. Nếu sau ngày đó thì phải nhờ phương tiện của Ngụy).

Tôi mỉm cười lập lờ, có thể tôi vòng qua Paris để trở về Saigon, luôn tiện được biết thêm một thủ đô nổi tiếng của Châu Âu. (Hân Út-Ướt lại tưởng tôi cần gặp phái đoàn ta ở Paris đây).

Út-Ướt rất vui, khen là một dự kiến hay của tôi và từ giả ra về. Không quên khẳng định lại là sáng mai sẽ có máy bay.

Buổi sáng ngày 30-3-1973 sĩ quan ngụy đã đưa đoàn xe du lịch đen đen đón tôi tận nhà và đưa tôi ra tận cầu thang máy bay một cách hết sức cung kính. Đưa tôi ra sân bay đi Hà Nội có thiếu tướng Lê Quang Hóa, Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn cùng một số anh em trong hai phái đoàn ta. Có các đồng chí trong hai phái đoàn Hung và Ba Lan trong ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát đình chiến. Lại còn có cả vợ chồng Thiếu tướng Út-Ướt, trưởng phái đoàn Mỹ. Tôi bắt tay từ giả mọi người một cách thân mật, những cái siết tay rung cảm và quyến luyến, hết sức cảm động ngắm biểu dương một thắng lợi và những cái siết tay thông cảm ngầm biết ơn lẫn nhau. Út-Ướt chúc tôi

đi bình yên, gặp nhiều may mắn và nói rằng sẽ cho máy bay ra Hà Nội đón tôi trở về, điều mà tôi không yêu cầu. Tôi chúc vợ chồng út-Ướt sống hạnh phúc và bước lên máy bay vẫy chào mọi người. Thề là trên chiếc C130 mà Mỹ có nhà ý dành cho tôi ngồi ở buồng lái, tôi cùng đồng chí trung tá Nguyễn Quang Minh cán bộ nghiên cứu tổng hợp tình hình của Ban liên hợp, Bác sĩ Lê Hoài Liêm, Dũng phiên dịch, Hoa cán bộ Bảo vệ và một số đồng chí khác từ Sài Gòn ra Hà Nội, chậm dứt 60 ngày hoạt động rất sôi nổi và căng thẳng trong lòng quân thù.

Ngồi trên máy bay, lần đầu tiên bay dọc theo chiều dài đất nước, nối liền Sài Gòn và Hà Nội, lòng tôi bồi hồi xúc động. Đây rồi, non sông một dải 4.000 năm, tạo lập bằng xương máu, mồ hôi của bao thế hệ, xưa, nay. Làng mạc xanh tươi, núi rừng trùng điệp, bờ biển dài với những bãi cát trắng phau, thêm lục địa bao la xanh biếc, thật là muôn hình muôn vẻ. Ánh nắng chan hòa của Mặt trời tháng ba rực rỡ đã tô thêm lên cảnh vật những màu sắc lung linh kỳ diệu. Đẹp vô cùng, Tổ quốc của ta. Đẹp vô cùng lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo và sức lao động bền bỉ, dãi dầy qua đời khác của triệu triệu con người Việt Nam để có được giang sơn gấm vóc ngày nay. Tôi thâm cảm ơn vô hạn đời với tổ tiên Hùng Lạc và bắt gặp tôi nhớ đến Bác Hồ, nhớ lời Bác nói với bộ đội ta năm nào dưới mái dền Hùng, trên sườn núi Nghĩa:

“ Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước ”.

Lời nói của Bác đã khắc sâu vào tâm khảm của người dân Việt. Không một kẻ thù nào, dù là bọn đế quốc đầu sỏ từ Đại tây Dương hay bọn bành trướng vô liêm sỉ ở lục địa phương Bắc cũng sẽ bị đánh tan tành, sẽ bị đuổi sạch ra khỏi bờ cõi nước ta. Bọn Lê Chiêu Thông xưa, bè lũ Nguyễn Văn Thiệu nay, sẽ là bia xâu muôn đời trong sử sách. Tổ quốc ta nhất định độc lập, tự do và thống nhất bất cứ bằng phương pháp nào.

Máy bay đã bay vào đồng bằng sông Hồng. Kia rồi! Hà Nội, thủ đô yêu dấu, trái tim của Tổ quốc. Tôi đã sống nhiều

ngày ở Hà Nội, đã làm việc ở đây, đã dãi dầy ba lần đi xa rồi lại trở về. Nhưng lần trở về này sao khác xa các lần trước, nó hồi hộp, xúc động lạ thường, giống như đứa con lâu ngày đi xa vật lộn với bao khó khăn nguy hiểm của đời, nay bỗng được trở về gian nhà ấm cúng gặp người mẹ hiền đa diết yêu thương. Con đây rồi, con đã về đây với mẹ dịu hiền, để rồi lại chuẩn bị lên đường cho một chuyến đi xa khác chắc là khác nhiều với chuyến đi vừa qua.

Sau ba ngày, một máy bay C130 từ Sài Gòn ra hạ cánh ở sân bay Gia Lâm để đón tôi — đúng như út-Ướt đã hứa hôm nọ. Tôi phải đồng chí trung tá Nguyễn Quang Minh ra báo cho sĩ quan Mỹ chỉ huy máy bay biết rằng tôi chưa về được. Đồng chí Minh đã viết một thông báo nói rõ rằng Trung tướng Trần Văn Trà còn bận việc chưa về và cho phép máy bay trở lại Tân Sơn Nhất mà cũng không cần trở ra đón. Và đồng chí cũng không quên thay tôi tỏ lời cảm ơn.

Trong niềm vui dạt dào được trở về thủ đô yêu mến, với không khí tự do thoải mái giữa bạn bè, đồng chí, đồng bào ruột thịt, tôi càng nhớ thương các đồng chí còn đang ở Tân Sơn Nhất. Vì nhiệm vụ không thể thiếu trong giai đoạn đầu tranh hiện nay, các đồng chí buộc phải sống, làm việc căng thẳng giữa vòng vây kẻ thù mà thời gian chưa biết đến bao giờ. Rồi đây những gì sẽ đến với các đồng chí trong lúc kẻ thù của ta vô cùng ngoan cố và nham độc? Tôi tự nhủ lòng, anh em vùng giải phóng phải làm hết sức mình, phối hợp chặt chẽ với các đồng chí trong tay giành thắng lợi cho cách mạng. Nhất định các đồng chí không bị cô lập, đã có chúng tôi, đã có nhân dân ta, ngay tại Sài Gòn. Một ngày nào đó chúng ta lại sẽ gặp nhau đón mừng chiến thắng.

CHƯƠNG HAI

CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG

Ngay sau khi ra tới Hà Nội, tôi đã được gặp các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính phủ và Bộ Quốc Phòng, Bộ ngoại giao, báo cáo về công việc của Ban liên hợp quân sự 4 bên ; những vấn đề đã đạt và những vấn đề chưa đạt được ; những gì tôi đã rút ra kết luận sau 60 ngày mật giáp mật với Mỹ Ngụy ; những nhận định của tôi về tình hình v.v... Tôi đã nghe các đồng chí nhận xét, đánh giá tốt về công tác của Ban liên hợp quân sự bốn bên, về âm mưu địch và những gì ta sẽ làm tiếp. Sau đó tôi được phép nghỉ vài hôm rồi tiến hành chuẩn bị và tham gia hội nghị Bộ chính trị Trung Ương Đảng mở rộng bàn về tình hình nhiệm vụ cách mạng Miền Nam Việt Nam.

Các anh trong Trung ương Cục và Bộ tư lệnh Miền, anh Phạm Hùng, Mười Cúc (1), Hai Hậu (2), Mười Khang, Sáu Dân (3), đi theo đường Trường sơn cùng lần lượt ra tới Hà Nội. Chúng tôi họp riêng phần chiến trường B2 để thống nhất đánh giá tình hình, nhận định sự diễn biến thực tế vừa qua và dự kiến sắp tới. Cũng đã trao đổi kinh nghiệm với các

(1) Tức d/c Nguyễn Văn Linh, phó bí thư TWC

(2) Tức Trần Nam Trung

(3) Tức Võ Văn Kiệt

anh Năm Công (1) Chu Huy Mân, ở chiến trường khu 5 và anh Hoàng Minh Thảo ở B3 ra dự hội nghị.

Hà tuần tháng 4-73 họp Bộ chính trị Trung ương Đảng có đủ đại biểu các chiến trường ở Miền Nam tham gia. Đây là một cuộc hội nghị vô cùng quan trọng. Sau khi các bên đã ký kết hiệp định Paris, tức là ta đã giành được một thắng lợi quyết định trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, buộc Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại Miền Bắc, buộc quân Mỹ và chư hầu rút hết khỏi Miền Nam Việt Nam, và đặc biệt là sau 60 ngày thi hành hiệp định ta đã có thêm được một số thực tế diễn biến ở chiến trường, cuộc hội nghị này nhằm đánh giá lại tình hình, đánh giá tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, vạch ra đường đi nước bước của cách mạng Miền Nam trong giai đoạn chiến lược mới. Đó là điều mong mỏi của tất cả mọi người, cán bộ cũng như chiến sĩ, nhân dân.

Cho đến lúc ấy, thực ra là trong hàng ngũ cán bộ các cấp, ở các chiến trường cũng như ở Trung ương, chưa phải đã nhất trí với nhau về giá trị của Hiệp định Paris, về tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, và đặc biệt là về cách thi hành hiệp định như thế nào, về cách đối phó với kẻ địch đang ngày càng vi phạm các điều khoản của hiệp định. Ngay đến diễn biến ở mỗi chiến trường cũng khác nhau vì ở mỗi chiến trường điều kiện về ta và về địch hoàn toàn không giống nhau, giá trị chiến lược của mỗi chiến trường đối với toàn bộ cuộc chiến tranh không giống nhau, cấp lãnh đạo ở chiến trường đó suy nghĩ nhận thức vấn đề và hành động cũng khác nhau. Và tất cả cũng là một thực tế không thể khác được. Cho nên cán bộ thực tế diễn ra ở mỗi chiến trường nào đó để đánh giá và chủ trương cho chung sẽ không tránh khỏi sai lầm nguy hiểm nếu không phải là một chiến trường có nhiều cái chung, có tính tiêu biểu cho toàn cục, có giá trị chiến lược quan trọng đối với toàn bộ cuộc chiến tranh. Trong lúc đang diễn biến chiến tranh, không đánh giá đúng vai trò của từng chiến trường sẽ dẫn đến

sai lầm trong tổ chức bố trí lực lượng các mặt, trong chủ trương về chiến lược, chiến dịch, chiến đấu, và tất nhiên ảnh hưởng đến thắng lợi hay thất bại của chiến tranh. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ xâm lược giải phóng đất nước của ta không phải không có trường hợp sai lầm. Nhưng nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt, dân chủ và tập trung của Đảng ta mà ta kịp thời sửa chữa sai lầm và giành thắng lợi. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Mỗi thành bại của cách mạng trong từng giai đoạn đều là thành bại của ý nghĩ và hành động của hàng triệu con người mà trước tiên là của tập thể lãnh đạo. Chớ có bao giờ, bại là do anh mà thành là do tôi. Ở mỗi giai đoạn của cách mạng, mỗi khúc quanh của lịch sử, chủ trương và hành động đúng cũng đều là kết quả của tư duy, của nhận thức tập thể, của bao nhiêu đầu óc cộng lại, từ đầu óc của người lãnh đạo cao nhất tới đầu óc của người chiến sĩ, người dân bình thường trong khi vì yêu nước yêu dân mà xông pha vào thực tế cụ thể sinh động ở chiến trường. Không một người nào luôn là đúng, cũng không một người nào luôn là sai, vì tất cả đều là con người. Cái cao quý nhất, sáng suốt nhất là nhận ra được cái sai và kiên quyết kịp thời sửa chữa. Ngay cả tập thể nữa không phải lúc nào cũng đúng hết. Nhưng chắc chắn là tập thể ít sai lầm nhiều hơn là cá nhân chuyên quyền. Hồ Chủ Tịch, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng ta, của dân tộc ta đã tổng kết và nêu lên truyền thống của Đảng, của dân tộc bằng một câu rất gọn nhưng rất thâm thúy :

“ Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công ”.

Đoàn kết đây không phải chỉ là đoàn kết trong hành động mà trong mọi lãnh vực từ hướng suy nghĩ, nhận thức, tư tưởng, ý chí. Và cùng chính vì thâm nhuần truyền thống ấy mà Người thành con người hết sức giản dị, hết sức khiêm tốn. Người là tập trung trí tuệ của mọi người, ý nghĩ của Người trở thành ý nghĩ của mọi người. Đạo đức Hồ Chí Minh tỏa sáng non sông, chiếu rọi từng tâm lòng Việt Nam. Người không chỉ thấy rõ mình mà thấy rõ cả mọi người, công minh, chính trực, lòng thương mến mông.

(1) Tức Võ Chí Công

Dân tộc ta cũng đã đúc kết truyền thống của mình trong quá trình dựng nước và giữ nước bằng câu châm ngôn :

*" Một cây làm chẳng nên non,
Bà cây chụm lại thành hòn núi cao "*

Dân tộc Việt Nam là như vậy, Hồ Chí Minh là như vậy !

Trong thời kỳ này tôi còn nhớ nhiều câu hỏi của nhiều đồng chí cán bộ ở các chiến trường nêu lên.

" Vì sao Hiệp định đã ký rồi mà nguy quân, nguy quyền không ra nhiều " ?

Hay nhận định :

" Hiện nay Mỹ rút nhưng nguy không nháo mà lại mạnh hơn lên ", hoặc :

" Vừa qua là quá trình Mỹ thua nhưng cũng là quá trình nguy quyền tồn tại và mạnh lên, cả về chính quyền, về quân đội và về kinh tế ... "

Có một số triệu chứng bề ngoài cộng với những âm mưu đen tối và ngoan cố, những kế hoạch chờ quan cao độ của Mỹ nguy, đã làm cho các đồng chí ấy không hiểu được thực chất của tình hình.

Ngay khi Hiệp định Paris có hiệu lực, nguy đã xua quân lần chiếm một số vùng quan trọng của ta như Cửa Việt (Trị Thiên), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), đường 4 (Mỹ Tho), đường 2 (Bà Rịa), vùng Bảy Núi (Long Xuyên) ... Không những chúng đã lần chiếm nhiều vùng ta mới mở ra trước ngày 28/1 mà còn chiếm thêm một số vùng ta đã làm chủ từ trước. Trong lúc đó chúng tiến hành ào ạt nhiều cuộc hành quân càn quét và canh sát trong các vùng trước nay đang tranh chấp giữa ta và địch, các vùng mà chúng đang kềm kẹp, tiến hành bình định, lập các lăm căn cứ du kích của ta, phá cho được thế xen kẽ, đa đoan, hoàn chỉnh vùng của chúng. Hầu hết ở các chiến trường, chúng đều đóng thêm đồn bót ở nơi mới lần chiếm và ken dày thêm nơi chúng kềm kẹp, dọc đường giao thông chiến lược, quanh đô thị lớn. Riêng ở bốn tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Kiến Tường, Bến Tre, từ tháng 1 đến tháng 4-73 chúng đóng thêm

287 đồn trong 129 ấp thuộc 24 xã. Cũng trong thời gian đó, Mỹ đã ra sức chó vũ khí phương tiện chiến tranh từ Mỹ, Nhật, Phi Luật Tân qua cảng cổ và phát triển quân đội nguy. Chúng trang bị thêm các loại vũ khí hiện đại cho quân nguy như xe tăng, M48, pháo 175 ly " vua chiến trường " của Mỹ, phi cơ F5E ... Nguy đã dùng mọi biện pháp bắt lính đại quy mô. Đổ đồng mỗi tháng chúng bắt 15.000 thanh niên. Nhờ đó đã bổ sung được đủ và nhanh cho quân chủ lực của chúng và số còn lại, số dự trữ để bổ sung khá lớn, được huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện tân binh mà lúc ấy không nơi nào còn đủ chỗ chứa. Quân báo an và phòng vệ dân sự cũng tăng lên nhiều. Lập các liên đoàn báo an để cơ động chiến đấu tại địa phương thay cho chủ lực. Chỉ trong sáu tháng đầu năm 1973 số tiểu đoàn báo an toàn Miền của chúng đã từ 189 lên 337. Ở các đô thị thì phát triển mạnh cánh sát. Thành lập nhiều tiểu đoàn cánh sát đã chiến, đặc biệt là ở Sài Gòn. Kế hoạch của Mỹ nguy là tiếp tục phát triển quân đội nguy thành một đội quân mạnh 1.100.000 tên, hiện đại hóa, trẻ trung hóa, hữu hiệu hóa ... nhất là tăng cường các binh chủng kỹ thuật. Không quân sẽ lên đến 1.500 — 1.800 phi cơ các loại. Cơ giới sẽ có 31 — 35 thiết đoàn ...

Đi đôi cùng cố phát triển nguy quân, chúng tận lực củng cố nguy quyền từ trung ương đến cơ sở. Tung cán bộ bình định về xã ấp, đưa sĩ quan quân đội về lập các phân chi khu ở xã — công cụ đàn áp phát xít chủ yếu — Ra sức kềm kẹp nhân dân chặt chẽ hơn như : củng cố hộ liên gia, phát triển " đoàn ngũ hóa quần chúng " ... Chúng phát triển do thám gián điệp khắp thôn ấp, tung ra vùng tranh chấp và vùng giải phóng của ta. Để hậu thuẫn cho nguy quyền Thiệu, để sáng sủa yểm trợ quân đội tay sai ở Đông dương — chủ yếu là ở Miền Nam Việt Nam — Mỹ đã dẽ ở Đông Nam Á một lực lượng quân sự cơ động gồm hơn hàng không mẫu hạm, 735 máy bay chiến thuật, 173 máy bay chiến lược B52.

Tất cả những việc nêu trên đây, Mỹ Nguy đã tiến hành một cách mạnh mẽ ngay từ khi có hiệp định. Có thể nói có hiệp định rồi, chúng lại tích cực đánh phá nhiều hơn, kềm dân chặt hơn,

gây cho ta khó khăn không ít ở tất cả các địa phương.

Trong lúc đó về phía ta, do qua một thời gian dài hoạt động liên tục từ tháng 4-72 đến nay, nên cán bộ chiến sĩ mỏi mệt, quân số tiêu hao chưa kịp bổ sung, đơn vị nào cũng xộc xệch, thiếu người cầm súng, lương thực đạn dược kém sút, vì vậy mà rất khó đối phó với các cuộc tấn công của địch. Một số nơi buộc phải lùi để địch chiếm mất đất, mất dân. Thêm vào đó, một số cán bộ, một ít địa phương, với tinh thần chấp hành chỉ thị của trên là đấu tranh thi hành triệt để hiệp định Paris, sợ đánh trả địch thì vi phạm hiệp định, chấp hành chủ trương công tác binh dịch vận vô hiệu hóa quân nguy một cách hữu khuynh, nguy hiểm, cụ thể hóa ta thành 5 cầm : cầm tấn công địch, cầm đánh quân địch cán quét lần chiếm, cầm bao vây đồn, cầm pháo kích đồn nguy và cầm xây dựng xa chiến đấu. Tương như vậy để ổn định tình hình, tránh gây căng thẳng để đi vào hòa giải hòa hợp dân tộc. Một số nơi rút các đơn vị ở phía trước về phía sau để chân chính, củng cố. Cho rằng không rút về sau thì đơn vị sẽ bị tiêu diệt. Thực tế là khi rút đơn vị vũ trang ta về, thì địch lại lần lượt phá cơ sở quần chúng, diệt cơ sở Đảng ta, xóa trạng thái da beo ở đây.

Giữa bối cảnh như vậy, nhìn vào hiện tượng rồi bởi lúc đầu ấy, một số cán bộ từ Trung ương đến địa phương nghĩ rằng sau hiệp định, ta yếu đi nhiều, còn địch thì mạnh lên. Địch thu nhiều thắng lợi mới còn ta thì bị thiệt hại mất mát thêm. Từ đó kết luận rằng hiện nay địch mạnh hơn ta, tương quan lực lượng trên chiến trường có lợi cho địch, bất lợi cho ta, nguy hiểm cho cách mạng. Trên cơ sở nhận định đó mà có một số chủ trương, hành động sai lầm. Tôi sẽ có dịp trở lại những vấn đề cụ thể này.

Hội nghị Bộ chính trị Trung ương Đảng lần này đã giải đáp một cách đầy đủ tất cả băn khoăn của cán bộ, của các chiến trường. Hội nghị đã phân tích một cách khoa học đúng đắn tương quan lực lượng ta địch, đánh giá một cách sâu sắc tình hình để ra chủ trương sáng suốt đưa cuộc cách mạng Miền Nam

đi lên giành thắng lợi. Kết quả của hội nghị này đã được Trung ương Đảng thảo luận nhất trí và thành nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Nhưng để đi đến kết quả nhất trí đó, hội nghị Bộ chính trị đã trải qua một cuộc thảo luận khá sôi nổi, có lúc rất căng. Một sự cố xảy ra giữa nhiều ý kiến khác nhau, giữa nhiều nhận thức về thực tế diễn biến trên các chiến trường... Được dự cuộc hội nghị này, tôi thấm thía biết bao về tinh thần trách nhiệm cao của từng đồng chí dự họp, tinh thần thẳng thắn phản ánh thực tế tình hình chiến trường, tinh thần đấu tranh mạnh mẽ vì chân lý và tinh thần yêu nước, đoàn kết, khách quan. Đó là cách làm việc dân chủ và tập trung của Đảng ta, bí quyết của mọi chủ trương đúng đắn, của mọi thành công.

Vấn đề thảo luận sôi nổi nhất, ngay từ đầu là vấn đề ta mạnh hay địch mạnh. Nhận xét về mạnh yếu không phải là chuyện dễ dàng. Nói chung chung mà không đi vào cụ thể thì không thể xác minh đó là mạnh, yếu. Đi vào cụ thể mà không phải là cái cụ thể chung nhất thì nói yếu mạnh không hẳn là đúng mà có khi ngược lại. Lại còn cái mạnh, cái yếu ở nơi nào, thời điểm nào, là nhất thời hay cơ bản và khả năng vận động chuyển hóa của sự vật, của cái yếu và cái mạnh ấy. Và cũng phải hiểu thế nào là sức mạnh. Ví dụ sau Hiệp định một tiểu đoàn chủ lực nguy được bổ sung nhanh lên đến 400 — 550 tên, lương thực, đạn dược đầy đủ, trong lúc đó tiểu đoàn chủ lực của ta chưa được bổ sung, cao lắm là được 200 quân, đạn dược thiếu, lương thực kém. Tổng quân số nguy sau khi quân Mỹ và chư hầu rút, có từ 70 vạn đến một triệu một, còn ta tại chiến trường đạt tỷ lệ 1/3 so với địch là cao rồi. Nếu lấy cái cụ thể đó mà kết luận rằng nguy mạnh ta yếu thì không thể đúng được. Ngoài số lượng vật chất ấy còn phải tính đến rất nhiều yếu tố khác cộng lại. Như sức mạnh tinh thần của người chiến sĩ, chất chiến đấu về kỹ thuật, chiến thuật của đơn vị, nghệ thuật chỉ huy của cán bộ, thế bố trí của đơn vị, nhiệm vụ của nó, trong kết hoạch chiến dịch và chiến lược, trong tấn công hay phòng ngự ngày hôm nay hay ngày mai... Đó là chưa nói đến vấn đề

rộng lớn hơn nhiều là yếu tố chính trị, mục đích cuộc chiến đấu, yếu tố nhân dân ... mà không một quân đội nào thoát ra ngoài được. Cuộc chiến tranh giải phóng, chính nghĩa của ta mà bao nhiêu nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ là tiến hành bằng cả hai lực lượng quân sự và chính trị. Ta tấn công địch bằng cả lực lượng quân sự và cả lực lượng chính trị quần chúng. Nói mạnh yếu không thể chỉ nhìn khía cạnh quân sự thôi mà phải nhìn mọi mặt, cả khía cạnh chính trị đôi bên nữa.

Hàng chục năm trong chiến tranh, có biết bao lần ta phải đánh giá tương quan lực lượng ta địch. Năm 1959 là thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng Miền Nam, nguy quyền Ngô Đình Diệm lè mào chém đi khắp nơi, dân áp phất xít dăm máu. Chỉ có một quân đội của Diệm tung hoành trên chiến trường như một vô si diều vô dương oai trên vô đài, không có đối thủ. Thế mà Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đã tạo ra một phong trào đồng khởi với sức mạnh vũ bão, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, làm cho Mỹ hoảng hốt phải mở cuộc chiến tranh đặc biệt để cứu bề lũ Diệm khỏi sụp đổ. Lúc này, nếu không có cái nhìn cách mạng, hiện chứng thì không thể rảo thấy sức mạnh của ta đang còn tiềm tàng trong dân, mà chỉ thấy sức mạnh cụ thể của địch. Năm 1965, số dân di với cách mạng trong các vùng đã khá đông, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhưng cũng không thể nhiều hơn dân bị địch kềm kẹp (nhưng đừng ai tưởng rằng số dân địch kềm kẹp là của địch). Lực lượng vũ trang ta thì đủ kích thước đôi mươi, nhưng chủ lực mới xây dựng một số ít trung đoàn. B2 lúc ấy mới có 2 trung đoàn chiến đấu được. Còn địch ngoài bảo an, dân vệ chúng có hàng chục sư đoàn trang bị kỹ thuật mạnh và hàng vạn cỗ vũ khí Mỹ, lại có các đơn vị trực thăng, phi cơ chiến đấu, tàu hải quân Mỹ yểm trợ và tham gia trực tiếp chiến đấu. Thế mà chúng ta đã mở chiến dịch Bình Giã, tiêu diệt gọn nhiều tiểu đoàn mạnh của địch và các chi đoàn thiết giáp, hạ nhiều máy bay, mở ra một thời kỳ mới trong chiến tranh. Sau các trận đánh sân bay Biên Hòa, chiến dịch Bình Giã rồi các trận thắng Ba Gia, Pleiku.

Mỹ nguy đã thấy rõ nguy cơ quân bị tiêu diệt, nguy quyền sụp đổ. Vì vậy mà Mỹ phải ào ạt đưa quân Mỹ vào để cứu nguy, chưa chầy, chuyển chiến tranh đặc biệt thành chiến tranh cục bộ, theo đúng chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của Mỹ để làm tròn vai trò sen dăm quốc tế. Trước khi quân Mỹ vào, so sánh tương quan lực lượng ta địch, nếu cứ nhìn số lượng cụ thể, vật chất kỹ thuật đơn thuần, thì ... dám bảo rằng ta mạnh, có khả năng tiêu diệt nguy quân, đánh đổ nguy quyền? Rồi khi quân Mỹ ào ạt vào một lúc khoảng 20 vạn quân, trang bị hiện đại, dựa vào sức mạnh của hỏa lực áp đảo và cơ động nhanh, tiến hành phản công chiến lược mùa khô 1965 — 1966, ta nhận định rằng Mỹ Nguy không mạnh và bị động, và ta vẫn nắm vững chiến lược tấn công, ta mở chiến dịch tấn công Bàu Bàng — Dầu Tiếng và giành chủ động chiến trường, thu nhiều thắng lợi. Năm 1968 khi quân Mỹ lên tới gần nửa triệu quân với các vũ khí hiện đại đủ loại, trừ bom nguyên tử, lại mua được xương máu của một số quân chủ hầu tay sai ngoài quân đội Thiệu, thế mà ta thấy rõ được chỗ yếu của địch, thấy được sức mạnh của ta, phát huy sức mạnh ấy cao độ tiến hành cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân, có một không hai trong lịch sử chiến tranh xưa nay. Đón Mậu Thân không những đánh địch cùng một lúc vào mọi trung tâm đô thị, cả cơ quan đầu não chiến tranh xâm lược Mỹ ở Sài Gòn, thủ đô nguy, mà còn tiêu diệt được nhiều sinh lực quan trọng của Mỹ nguy. Đón chiến lược này đã thắng chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, đi vào hóa đàm Paris, chuyển qua chiến lược "phi Mỹ hóa chiến tranh" rồi "Việt Nam hóa chiến tranh". Như vậy ta đã đập tan từ đó chiến lược toàn cầu "phản ứng linh hoạt" của đế quốc Mỹ. Tên sen dăm quốc tế đã phải run sợ với vai trò tự đặt ra cho nó, tiêu tan mộng ảo "sức mạnh quân sự tuyệt đối Hoa Kỳ". Nhưng mặt khác trong Tết Mậu Thân, ta không đánh giá đúng về tương quan lực lượng ta địch cụ thể lúc ấy, không thấy hết khả năng còn lớn của địch và điều kiện còn hạn chế của ta, để ra yêu cầu cao quá sức thực tế ta có. Nghĩa là ta không dựa vào sự tính toán khoa học, căn

nhắc sau sắc mọi yêu tố mà có phần ảo tưởng dựa vào sự mong muốn chủ quan. Chính vì vậy mà mặc dầu là một chủ trương tài tình, độc đáo, đúng thời cơ, việc tổ chức thực hành giỏi, táo bạo, hợp đồng tuyệt diệu trên toàn chiến trường, mọi người hành động vô cùng dũng cảm, xả thân, giành thắng lợi hết sức to lớn, tạo ra một bước ngoặt chiến lược có ý nghĩa ở Việt Nam, Đông Dương, chúng ta đã phải chịu một hy sinh thiệt hại lớn lao về sức người, sức của, đặc biệt là cán bộ các cấp, làm cho sức ta yếu xuống rõ rệt. Sau đó không những ta không giữ được tất cả các thành tựu đã đạt được mà còn chịu muôn vàn khó khăn tiếp theo trong những năm 1969 — 1970 để cho cách mạng đứng vững trước cơn sóng gió. Đánh rằng con đường cách mạng không bao giờ là con đường suông sẻ đi lên mãi mãi, thắng lợi nào mà không chịu sự hy sinh, nhưng trong trường hợp Tết Mậu Thân nếu ta cân nhắc chu đáo, phù hợp với tương quan lực lượng đôi bên, để ra yêu cầu xác đáng thì thắng lợi ta còn to lớn hơn nhiều, tiết kiệm được nhiều xương máu của cán bộ, chiến sĩ, của nhân dân và sự tiến triển sau đó của cách mạng chắc chắn là khác nhiều. Năm 1972, sau một thời gian nỗ lực vượt bao khó khăn hàn gắn những tổn thất to lớn vừa qua, phát triển thế và lực với một tinh thần cách mạng tuyệt vời của chiến sĩ và nhân dân, bộ đội ta đã tham gia giành những thắng lợi ở Kampuchia, Lào — tuy vậy chủ lực ta vẫn chưa về hoàn toàn được đất Miền Nam. Trong tình hình như vậy, ta đã xác định dùng thế và lực của đôi bên, mở các chiến dịch tấn công, giành nhiều thắng lợi, phá tan nhiều tuyến phòng thủ kiên cố của địch, ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Miền Đông Nam Bộ, mở ra nhiều vùng giải phóng liên hoàn ở Đông Hà, Đắc Tô, Tân Cảnh, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bắc Tây Ninh, rồi phối hợp với chiến thắng lớn "Điện Biên Phủ trên không" ở Miền Bắc thực hiện được quyết tâm của ta là đánh tan ý đồ ảo tưởng thương lượng trên thế mạnh của Mỹ, buộc Mỹ phải ký hiệp định Paris có lợi cho ta.

Rõ ràng qua mỗi giai đoạn của cách mạng, của chiến tranh cách mạng, việc đánh giá đúng đắn, sức mạnh của ta và địch,

thấy rõ cái yếu của địch và cái yếu của ta, đánh giá đúng tương quan lực lượng đôi bên là điều kiện cơ bản nhất cho những chủ trương đúng tiếp theo, đưa cuộc cách mạng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến toàn thắng cũng xuất phát từ sự đánh giá tương quan giữa cách mạng và phản cách mạng, không những trong nước mà cả trên thế giới, nói chung là chính xác, mặc dầu có lúc có nơi, có cái cụ thể, đã phạm sai lầm, nhưng cái đúng là bao trùm nên nó quyết định thắng lợi. Có cái gì trên thực tế là hoàn toàn đúng hết đầu. Đừng sợ khi nói đến cái sai, chỉ sợ có sai mà không thấy và không sửa. Nhưng mỗi lần đánh giá sai tương quan lực lượng ta địch thì thế nào cũng đi tới hữu khuynh sợ địch hoặc tả khuynh chủ quan, vấp vấp trong chủ trương và hành động. Chính vì vậy mà việc đánh giá tình hình đánh giá tương quan lực lượng, xuất phát điểm của chủ trương đường lối, phải là tập trung trí tuệ tập thể, căn cứ vào thực tế diễn biến mà suy luận mà đánh giá.

Hiệp định Paris được ký kết là thể hiện rõ nhất tương quan lực lượng trên chiến trường lúc ấy. Mỹ ngay cũng đánh giá kỹ tương quan lực lượng đôi bên, sau khi đã cố gắng giằng co ở Miền Nam, không để mất thêm đất, và đã dờ dặt thủ đoạn đã man độc ác nhất là dùng B52 oanh tạc tập trung Hà Nội, Hải Phòng và phong tỏa Miền Bắc. Chúng đã đánh giá quá năng ý chí của chúng cũng như nản nót khả năng ý chí của đôi phương rồi mới chịu cầm bút ký vào hiệp định, chịu một số điều kiện không lợi cho nó. Ta cũng đã cân nhắc kỹ sức mạnh của địch đến đâu, mưu đồ của nó là gì và sức lực có thể của ta để ký vào một hiệp định có nhiều điểm lợi cho ta. Như vậy là hiệp định Paris được ký kết trên cơ sở cả ta và địch đều cân nhắc mạnh yếu của nhau và cân nhắc cả tương quan lực lượng trên thế giới nữa. Ký kết hiệp định Paris là Mỹ đã chịu thua một bước nhưng chỉ chịu thua tới đó thôi, ta đã đánh thắng lợi nhưng thắng lợi đến đó thôi. Nhưng bước thua đó của Mỹ và mức thắng ấy của ta đã chứng tỏ rằng cách mạng mạnh hơn phản cách mạng rồi. Sao lại cho là ta yếu địch mạnh ?

Điều kiện quan trọng nhất ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc chiến tranh mà hiệp định đạt được là quân Mỹ và chư hầu phải rút hết khỏi Miền Nam Việt Nam và Mỹ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại Miền Bắc nước ta. Cái hay là chỗ điều kiện này giống như phù hợp với chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, phù hợp với chủ thuyết Nixon "Liên minh khu vực, tự phóng thủ" mà không phải là thua phải bỏ chạy. Cái hay ở chỗ là giúp cho Mỹ rút quân đội về nước, thỏa mãn yêu cầu của nhân dân Mỹ, gỡ thế bí là không thể tiếp tục duy trì một đội quân Mỹ ở hải ngoại như vậy lâu hơn nữa mà càng ngày càng bị thua thiệt dần dần nguy cơ bị thua hoàn toàn. Việc rút khỏi Miền Nam Việt Nam ấy theo sự quy định của hiệp định tức có sự thỏa thuận đôi bên làm cho Mỹ đỡ mất mặt một phần. Còn về ta thì điều kiện ấy vô cùng quan trọng cho sự tiến triển của cách mạng của ta và của cả Đông Dương. Trước hiệp định ta phải đánh với cả quân nguy và hàng chục vạn quân Mỹ và chư hầu, với sự yểm trợ mạnh mẽ của hải quân và không quân Mỹ bao gồm cả máy bay chiến lược B52. Khi hiệp định đã có hiệu lực, quân Mỹ và chư hầu rút hết khỏi chiến trường. Quân Nguy không còn chỗ dựa là quân Mỹ, không còn được sự yểm trợ mạnh mẽ như trước của không quân, hải quân Mỹ. Hóa lực của Nguy kém sút hơn Mỹ nhiều. Mặc dù quân Nguy có tăng thêm lực lượng, được chủ Mỹ cho thêm phương tiện, vũ khí có cả vũ khí hiện đại hơn trước, nhưng muốn phát huy được hiệu lực của các binh chủng mới, của lực lượng mới, phải qua một thời gian huấn luyện và rèn luyện trên thực tế. Đã vậy việc đảm bảo kỹ thuật cho từng ấy quân nguy, hiện đại hóa, không phải là chuyện dễ dàng và càng không thể khắc phục trong một vài năm. Đó là chưa nói hết đến trạng thái tinh thần của quân nguy đã bị hoang mang do sự tác động của quần chúng nhân dân sau khi hiệp định Paris được ký kết. Thực tế trên chiến trường qua báo cáo của tất cả các đơn vị, địa phương, thì sau hiệp định, hỏa lực pháo và không quân của nguy trong tác chiến đã giảm sút đáng kể và càng ngày càng có chiều hướng giảm sút. Sự chi viện của pháo và không quân nguy cho bộ binh

rất tồi vì bản không chính xác và số đạn hạn chế. Quân nguy trước nay quen dựa vào quân Mỹ, nay phải đơn độc tác chiến, thiếu sự chi viện và yểm trợ có hiệu lực của Mỹ, nên tinh thần sa sút rất rõ. Như vậy sau hiệp định, tương quan lực lượng trên chiến trường đã thay đổi một cách rất quan trọng, có lợi cho ta, sức chiến đấu của quân nguy tụt xuống rõ ràng, thế và lực ta phát huy mạnh mẽ. Thế mà lại cho rằng Mỹ rút mà nguy mạnh lên, mạnh hơn ta thì thật là một sự suy luận không có căn cứ, không khác nào tưởng tượng ra ma để tự nhát mình.

Hiệp định đã quy định chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới... Như vậy Miền Bắc xã hội chủ nghĩa sẽ có điều kiện rất tốt, phát huy hiệu quả to lớn của căn cứ địa của cả nước, có điều kiện làm tròn tốt nhất hậu phương lớn của cách mạng Miền Nam. Thế và lực của Miền Nam ta mạnh, của cả nước ta mạnh thì sẽ hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng vẻ vang của mình là điều chắc chắn, tuy còn phải trải qua nhiều khó khăn. Song, ta cũng phải thấy hết cái yếu còn tồn tại của ta để không chủ quan, đề nỗ lực khắc phục. Lực lượng vũ trang của ta đã xốc xềch, cần phải gấp rút bổ sung, củng cố. Lực lượng quân địa phương và du kích còn quá ít, công tác dân vận của ta còn nhiều kém cỏi... Nhưng ta khắc phục những cái yếu và khó khăn ấy trong thế thắng, thế mạnh với một tinh thần phần khởi tự tin.

Vì không nhận thức như vậy nên lúc ấy có sự lo ngại lực lượng đứng sau của ta bị tiêu diệt, ngại vùng tự do của ta bị chiếm, bị mất, nên có một số chủ trương cụ thể vội vã và sai lầm mà hội nghị Bộ chính trị, Nghị quyết 21 đã chấn chỉnh, nếu không sẽ để ra bao tai họa. Đó là chủ trương sai lầm gấp rút ổn định tình hình bằng cách bỏ vùng tranh chấp, chủ động chuyển thành hai vùng: vùng ta và vùng địch. Là phải điều chỉnh lại, bổ trí lại lực lượng, rút lực lượng của ta từ vùng địch về vùng ta để củng cố chân chính lại. Là phải nhanh chóng tiến hành các việc hoàn thành trong một thời hạn ngắn nhất.

Là phải dứt khoát phân định vùng để có phương châm đấu tranh phù hợp, không được nhập nhằng.

Rõ ràng nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu rất mong được như vậy. Chúng rất sợ hình thái xen kẽ da beo trên chiến trường mà nơi nào cũng có lực lượng của ta, ngay cả trong vùng đô thị, thủ đô của chúng. Chúng đánh giá được hiệu năng hoạt động, chiến đấu của mỗi một đảng viên, mỗi chiến sĩ biệt động, du kích của ta... chúng cũng đánh giá được một đơn vị vũ trang nhỏ của ta đứng ở vùng chúng kìm kẹp, ở vùng lõm du kích. Mỗi một người đó, mỗi đơn vị đó là một họng súng kề bên thái dương địch, là một chỗ dựa tinh thần của nhân dân, là một cột trụ của các tổ chức quần chúng ở mặt tại chỗ. Mỗi hành động của họ là một nguồn tuyên truyền cổ vũ cho lòng yêu nước, cho cách mạng, chống đàn áp bóc lột, bắt công. Họ không nói gì nhiều đâu mà họ hành động. Hình ảnh của họ là ánh sáng trong vùng đen tối, ánh sáng ấy ban đầu tuy nhỏ nhưng ngày càng tỏa sáng rộng ra xung quanh mà không thể nào tắt đi được. Mỗi đảng viên và chiến sĩ đó, mỗi đơn vị nhỏ đó lại có chỗ dựa của họ là các đơn vị lớn hơn của ta, trung đội, đại đội, tiểu đoàn hay hơn, đứng rải rác liên hoàn khắp các vùng, từ vùng tạm chiếm, tranh chấp nổi với vùng tự do của ta. Đó là một hệ thống không thể mất đi một mắt xích nào. Đó là trận đồ bát quái của chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân của ta, làm cho quân địch nghẹt thở, nơm nớp lo sợ ngày đêm, thấy chỗ nào cũng phải phòng ngự, phải có quân mạnh mới yên tâm. Mỹ đã chẳng đánh giá là đề đòi phó với một người của ta chúng phải có 5 rồi sau tăng lên 10 — 20 tên đó sao. Thế mà ta tình nguyện "chủ động" rút lui các lực lượng ta ở vùng địch kiểm soát, ở vùng tranh chấp về phía sau để củng cố, tự mình xóa đi thế cài răng lược rất lợi hại của cách mạng đã từng làm cho địch run sợ. Có phải như thế là ta đã giúp địch một tay để làm được cái việc vô cùng quan trọng mà chúng phải đánh phá ác liệt và bình định bao nhiêu năm vẫn không làm được? Nếu lập luận rằng đây là tạm thời trong một thời gian để củng cố lực lượng ta thôi, khi ta mạnh rồi thì trở vào và tác dụng sẽ lớn

hơn nhiều... Đó là tưởng tượng của những người không có thực tế. Thực tế ở chiến trường B2 của ta là khi đã rút đi, bỏ cơ sở nào đó, dù là chủ động, thì không cần một thời gian lâu đâu mà trong vài ba ngày thôi, địch đã lấp lại vùng đó, kìm dân, càn quét, đóng đồn. Khi ta muốn đưa lực lượng trở lại mở vùng, mở lõm, tổ chức quần chúng của ta thì không khác nào như làm lại hoàn toàn từ đầu, còn khó hơn nhiều là công tác ở vùng mà trước ta chưa có cơ sở gì, lại phải đổ bao nhiêu máu của đồng chí, đồng bào ta. Các đồng chí đã từng hoạt động ở địch hậu, ở vùng tranh chấp, hẳn thâm thía nhiều với kinh nghiệm này. Mỗi một đồng chí ta, mỗi một đơn vị bám trụ được một cơ sở nào đó, tạo được một lõm căn cứ chính trị, căn cứ du kích nào đó là vô cùng quý giá trong một cuộc đấu tranh sống còn như của ta với địch vừa rồi. Mỗi lần mất đi một cơ sở, một lõm căn cứ như vậy là một lo nghĩ, một đau lòng mà ta phải tìm mọi cách khôi phục. Ở đây tôi muốn nhắc lại tầm gương anh dũng vô song của cán bộ chiến sĩ trung đoàn 320, năm 1969 — 1970 nhận nhiệm vụ về hoạt động ở tỉnh Long An, vùng Đức Huệ, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc, Tân Trụ, Châu Thành, Tân An. Thời kỳ ấy mọi người chúng ta đều không thể quên — sau Tết Mậu Thân, Mỹ tăng thêm quân Mỹ vào Việt Nam, tăng thêm vũ khí đạn dược đủ loại, đạt tới số quân cao nhất trong chiến tranh, điên cuồng phản kích lại ta. Mỹ nguy đã liên tục đánh phá càn quét, bình định, vô cùng ác liệt. Nhiều nơi nhân dân ta bị tàn sát, bị gom vào ấp chiến lược, nhiều cơ sở bị mất, nhiều đồng chí hy sinh. Đặc biệt là các vùng ven giáp đô thị, các vùng đông dân có vị trí chiến lược quan trọng. Long An thuộc vùng như vậy. Đó là vùng bao bọc Sài Gòn từ hướng Tây Bắc cho đến hướng Tây Nam, vùng đông dân phi nhiều, cửa ngõ của đồng bằng Cửu Long, nối đồng bằng với thành phố Sài Gòn, nối vùng đồng tháp Mười của ta với căn cứ cách mạng Bắc Tây Ninh. Long An còn là một tỉnh mà phong trào cách mạng đã có truyền thống từ lâu đời, chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân rất yêu nước và kiên cường mà Mặt trận giải phóng Miền Nam đã tặng 8 chữ vàng: "Trung

dùng kiên cường toàn dân đánh giặc". Chính vì vậy mà Mỹ ngụy tập trung đánh phá ở đây, có lúc lây đây làm thí điểm bình định, nhưng vẫn thất bại cay đắng.

Ngoài lực lượng đủ loại của quân ngụy Mỹ còn dùng một phần của sư đoàn 25 "Tia chớp nhiệt đới" và lữ 3 sư đoàn 9 Mỹ cùng hoạt động và kèm cặp ngụy ở vùng này. Tôi còn nhớ thời kỳ ấy các đồng chí Long An đã nói với chúng tôi như sau : "Quá thiệt địch đã xuống thang chiến tranh, nhưng chân thang chúng lại đặt ở Tỉnh Long An !" Đây là nấc thang cuối cùng nên chúng càng xuống thang thì quân của chúng càng dày đặc ở đây, càng đánh phá trút bom đạn ác liệt !. Thật là một hình dung bắt hủ, mới nghe ai cũng phì cười, nhưng nó đã tả đúng sự diễn biến lúc ấy. Nhất định ta không để cho địch thành công ở đây, nó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào chung. Bộ tư lệnh Miền đã thảo luận nhiều, cân nhắc mọi mặt và quyết định tăng cường lực lượng cho Long An, đưa trung đoàn 320 về đây cùng với địa phương chống địch giữ vững phong trào, giữ vững cơ sở và các vùng căn cứ du kích của ta. Trung đoàn 320 là một đơn vị có nhiều thành tích, đã có nhiều thử thách trong chiến đấu, trong chịu đựng gian khổ ác liệt. Là một trung đoàn chủ lực độc lập lâu nay thường hoạt động tập trung và quen thạo chiến trường rừng núi, nay được phái về một vùng đồng bằng đông dân, địa hình trồng trọt, nhiều sông rạch chia cắt, phải chiến đấu linh hoạt với nhiều hình thức từng đại đội, tiểu đoàn riêng lẻ và rất nhiều khi phải đánh phân tán, cơ trung đội, tiểu đội — Không những phải tác chiến tiêu diệt địch mà còn phải biết vận động tổ chức quần chúng, binh dịch vận, trừ gian diệt ác, tổ chức và hướng dẫn, phối hợp du kích, bộ đội huyện hoạt động. Phải chuyển một đơn vị chủ lực tập trung về hoạt động phân tán như thế này, có thể nói hầu như không còn là một đơn vị chủ lực nữa, là một việc bất đắc dĩ nhưng không có không được trong một hoàn cảnh nhất định và một thời điểm nhất định.

Trong cuộc chiến tranh mà hình thức hoạt động muốn hình muốn vẻ của ta suốt hàng chục năm trường, mà chiến trường

thay đổi trạng thái hàng ngày, những quyết định như thế này, không phải chỉ một lần ở một hướng nào đó, khi mà du kích và bộ đội địa phương ở hướng đó bị tiêu hao chưa cùng cỡ kịp mà ta cần giữ vững phong trào, thì đây là những quyết định đúng. Nhưng cũng có trường hợp dùng chủ lực không phù hợp ở vùng đồng bằng, tưởng đâu đưa chủ lực về là có thể mở toang đồng bằng ra. Kỳ thật không phải vậy (tôi nói kỹ về vấn đề này trong trường hợp khác).

Ngày 18-12-1968 tôi đã thay mặt Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền đến một điểm thuộc tỉnh Tây Ninh làm việc và giao nhiệm vụ cho trung đoàn ở nơi tập kết để chuẩn bị mọi mặt cho công tác mới. Rừng rậm ngút chực ngày đường đi bộ, vai mang ba lô, tay chống gậy mây, quần xắn trên đầu gối, vớ dôi dép cao su vạn dặm, tôi cùng một tiểu đội bảo vệ được vũ trang mạnh, len lỏi qua những đường rừng quanh co, những trảng trống ngập đầy nước đọng. Rừng hoang nhiệt đới, cây to đủ loại, giấy leo chằng chịt nơi này trước, nay xơ xác trổng trọi, ngọn cây cụt, lá cháy trụi bởi bom đạn và chất độc hóa học, trông thật đau lòng. Đồng chí Hùng, cán bộ bảo vệ trung thành của tôi, người nhỏ thỏ nhưng chắc nịch, quê ở Bến Cát, nơi cũng có nhiều rừng, nằm trên vòng mắc gần vòng tôi trong khóm cây còn chưa trụi lá. Sau một ngày đi vất vả Hùng cứ trần trọc dung đưa vòng. Tôi hỏi : "Hùng, sao em không ngủ để lấy sức mai đi sớm, đường còn xa đây". Hùng trả lời : "Ừ, thầy anh nằm im, em tưởng anh ngủ rồi — Anh Tư à, em đang tiếc là rừng ta bị phá nhiều quá. Mấy chục năm mới có được một cây thế này — Hùng chỉ cây gỗ to bị bom đạn tróc gốc nằm ngay bên cạnh chúng tôi — Quê em bây giờ cũng thành bình địa rồi anh à !" Tôi cảm động an ủi Hùng nhưng cũng là để tự nói với mình : "Diệt hết quân thù ngày mai đất nước sẽ rạng rỡ. Dân ta có đủ tài năng và sáng tạo, lo gì ! Rừng ta rồi sẽ trở lại màu xanh".

Đền chỗ Trung đoàn trú quan, rừng còn khá hơn một ít, lán trại dựng tạm với những cành cây nhỏ và lợp lá trung quân. (loại lá cây to bằng bàn tay, đặc biệt là dớn không cháy dù đã khô, mọc đầy khắp rừng Miền Nam ta) Mỗi trại vừa đủ cho một

tiểu đội. Tôi và tiểu đội của tôi cũng được phân cho một cái. Đại biểu Tỉnh ủy và Tỉnh đội Long An đã có mặt sớm hơn tôi một ngày để cùng dự buổi họp làm việc và bàn kế hoạch hợp đồng với tham mưu trung đoàn. Tôi đã gặp các đồng chí Nguyễn Đức Khởi, trung đoàn trưởng, Lê Văn Minh, chính ủy, Hồng Hải, Trình Ngọc Chạm, trung đoàn phó, các đồng chí thân yêu và dũng cảm này lần lượt hy sinh oanh liệt trong chiến đấu vào những năm 1969 — 1970. Tôi cũng đã gặp nhiều đồng chí cán bộ ưu tú khác trong Bộ chỉ huy trung đoàn, trong các cơ quan Tham mưu, chính trị, hậu cần của trung đoàn và các ban chỉ huy tiểu đoàn mà ngày nay có đồng chí đã thành liệt sĩ, có đồng chí đã trưởng thành, dày dạn, tiếp tục xây đắp truyền thống vinh quang của trung đoàn, hay được phân phối công tác khắp các nơi.

Cuộc họp diễn ra ngay sau khi tôi tới một tiếng đồng hồ — thời gian vừa đủ cho việc triệu tập cán bộ lại — Không cần hội trường, chỉ có bàn ghế, anh em ngồi trên những mô đất, những thân cây gầy, giữa một khu rừng sạch sẽ, dưới tán cây lá xạc xè. Chúng tôi chỉ làm việc ban ngày. Về đêm dưới ánh sáng trăng, sao, tôi đi thăm từng lán trại, nói chuyện với chiến sĩ, cán bộ, về quê hương, gia đình, về tình hình chiến cuộc Miền Nam, về thủ đô Hà Nội cho đến cả tình hình nước Mỹ, tình hình thế giới. Thôi thì đủ chuyện, nghiêm nghị có, đùa vui có, và cả những tâm tình, những thắc mắc riêng tư ... Đêm nào tôi cũng về đến lán của mình ngủ khá khuya. Thề mà có đủ thì giờ đâu — không làm sao đi khắp lán trại.

Trước một bản đồ Miền Đông Nam Bộ bao gồm cả tỉnh Long An, Gò Công, một phần Đồng Tháp Mười, treo trên thân cây, với que trúc vừa chọt ở bụi bên cạnh, tôi nghiêm trang truyền đạt mệnh lệnh trực tiếp cho trung đoàn. Tiếp theo đó tôi giải thích rõ về địa hình, về tình hình ta và địch ở các nơi mà đơn vị sẽ hoạt động. Cán bộ của trung đoàn chưa ai hiểu biết về vùng này. Riêng tôi nhờ hoạt động từ hồi kháng chiến chống Pháp tới nay, tôi đã từng lội bộ khắp nơi này nên biết rõ về con người và địa vật để truyền đạt cặn kẽ bước đầu cho

anh em. Tôi đã chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ, về phương châm, phương thức tác chiến, về những hình thức chiến thuật địch đã và sẽ dùng ở từng nơi trong tỉnh, về chiến thuật và kỹ thuật mà ta cần áp dụng để đánh thắng. Tôi đã nói về phương pháp vận động quần chúng, về công tác tổ chức du kích và giúp đỡ bộ đội địa phương, về việc kết hợp giữa các đơn vị của trung đoàn với xã và huyện sở tại, giữa trung đoàn và tỉnh đội. Cuối cùng tôi đã chỉ thị về công tác Đảng và công tác chính trị, về sinh hoạt tinh thần và vật chất của cán bộ và chiến sĩ trong môi trường hợp hoạt động từng đơn vị lớn, nhỏ, từng tổ lẻ rải rác.

Sau đó, anh em có hai ngày thảo luận về mọi mặt và nêu những gì còn thắc mắc chưa rõ để tôi giải đáp cuối cùng.

Những ngày làm việc khẩn trương và nghiêm túc, những tình cảm thân thiết chan hòa ở trung đoàn 320 không thể nào quên. Anh em từ cán bộ đến chiến sĩ đều rất phấn khởi được nhân nhiệm vụ, vui vẻ bàn bạc và cổ hình dung những trận chiến đấu sắp tới, những gì gian khổ đang chờ đợi.

Nói sao hết những tháng ngày vô cùng khó khăn mà cán bộ và chiến sĩ của toàn trung đoàn đã đồng cam cộng khổ với cán bộ địa phương, với du kích và nhân dân, một bước không đi, một ly không rời, mặc bom đạn tập trung ác liệt mà anh em chỉ có những gốc dừa nước mỏng manh làm công sự. Có ai ghi lại những sinh hoạt kỳ lạ của anh em, ngày ngày dầm mình dưới bùn lầy nước đọng của bãi lá, bắn trực thăng, phi cơ, đánh càn quét, "nhảy dõ" (1) của Lữ 3 sư đoàn 9 Mỹ, đêm đêm lại cùng nhân dân bàn mưu tính kế đánh địch, mua tài lương thực đạn dược trong các ấp chiến lược. Làm sao quên được những đêm hành quân qua sông Vàm Cỏ, căng thẳng,

(1) "Nhảy dõ" là danh từ địa phương đặt cho một loại chiến thuật phổ biến của quân Mỹ ở Long An lúc ấy. Đó là dùng từng toán quân nhỏ đổ bộ đột kích từ vài chiếc trực thăng đang bay thấp và chậm, bắt ngờ bắn phá hừa bãi và đe dọa một vài điểm nghi có quân ta, có căn cứ của cán bộ địa phương, nơi tập trung của nhân dân để làm công tác cho cách mạng. Sau đó lập tức nhảy lên trực thăng nhanh chóng trốn thoát.

lo âu. Một đại đội từ huyện này qua huyện bên cạnh phải mất 5,7 đêm liền, rồi lại qua đường số 4 của địch càng day dứt hơn, giày vò gai, bải mìn... Thề mà từ tháng này qua tháng nọ phải công thương binh về phía sau, đưa vũ khí đạn dược và tàn binh lên bổ sung tại chỗ trên đoạn đường dài của vùng xen kẽ gần 100 cây số với khẩu hiệu "kiên trì, bám trụ, chủ động tấn công", "sống chiến đấu ở đây mà chết cũng ở đây, vì thành công của cách mạng" (Ngày nay nhân dân vùng Cần Đước, Tân Trụ, Đức Huệ, Châu Thành... hàng năm vào những ngày quét mộ sắp tết, các má, các bà con đã đắp lên năm mộ vô danh của chiến sĩ trung đoàn 320 những năm dài tưởng lệ nhớ thương, nghĩa tình!). Chính vì vậy mà trung đoàn đã cùng địa phương giữ vững được cơ sở cách mạng, các căn cứ của huyện, xã, các lõm du kích qua'nời thời kỳ khó khăn nhất. Mùa xuân 1975, trung đoàn nằm trong đội hình của sư đoàn 8 thuộc quân khu 8 cùng các lực lượng khác tham gia tiêu diệt từng tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn 7 nguy và kết hợp với nổi dậy của nhân dân, giải phóng vùng Tiền Giang. Vốn gương chiến đấu oanh liệt của mình, trung đoàn cũng như các đơn vị và địa phương khắp các chiến trường, đã góp cho B2 những kinh nghiệm quý báu. Qua những sự việc điển hình ở chiến trường như vậy mà các đồng chí trong Trung Ương Cục Miền Nam và quân Ủy Miền đã không đồng ý rút lực lượng phía trước về phía sau mà lệnh phải củng cố chân chính tại chỗ, giữ vững thế xen kẽ ba vùng và đã tích cực báo cáo ý kiến này với Trung Ương.

Lại còn vấn đề hai vùng hay ba vùng. Trong suốt cuộc chiến tranh một mặt một cùn giữa ta và địch, sự đấu tranh ác liệt càng thẳng đã diễn ra, trên toàn chiến trường và từ đó đã hình thành ba vùng: — Vùng ta mạnh, lực lượng vũ trang lớn của ta đứng chân, nhân dân ở đây tham gia mọi hoạt động trong các tổ chức quần chúng, tham gia đánh địch, báng mọi cách, chính trị, binh vận và quân sự. Vùng địch mạnh, chúng kiểm soát bằng quân sự và cảnh sát, đàn áp bóc lột nặng nề. Ở đó, ta tổ chức quần chúng bí mật, có du kích, bộ đội biệt động và đặc công. Ta có những lõm chính trị mà nhân dân bị mất cắt

dầu cán bộ và giúp cách mạng bằng nhiều biện pháp che mắt địch, lũng trong công khai hợp pháp. Những lõm cán cứ du kích, cắt đầu vũ khí lương thực, có du kích, có khi có bộ đội địa phương và đơn vị mũi nhọn của chủ lực đứng chân hoạt động. Tất nhiên có các chi bộ Đảng lãnh đạo tại chỗ — nhân tố trung tâm của phong trào. Giữa hai vùng ta và vùng địch ấy có một vùng ta gọi là vùng tranh chấp, rộng hẹp tùy nơi. Đây là một vùng mà sức mạnh đôi bên tương xứng, đang tranh giành nhau quyết liệt, luôn luôn xáo động, biến chuyển có khi từng ngày, từng giờ. Ở đây quần chúng nhân dân phần lớn là di với cách mạng, các loại lực lượng và tổ chức cách mạng đều có. Bộ đội địa phương huyện, tỉnh thường hoạt động ở đây, đòi khi có đơn vị chủ lực của khu hay của trên thọc về đây đánh địch và hỗ trợ cho địa phương. Địch thường hành quân đánh phá, càn quét, dùng phi pháo oanh tạc, gom dân về vùng chung. Có thể nói cuộc đấu tranh ở đây bằng mọi hình thức của cả đôi bên diễn ra hàng giờ, cả ngày và đêm. Có nơi ban ngày do địch ban đêm do ta kiểm soát. Bên này có dây lòi bên kia để biến dần thành vùng mình kiểm soát. Do vậy vùng tranh chấp thường thay đổi liên tục giống như một vùng đất đai toàn cát, nằm giữa hai chiều gió. Nếu gió từ bên này thổi mạnh hơn thì cát đổ xô về phía kia, lấn vào phía kia, hoặc ngược lại. Khi nào còn hai phía, cách mạng và phản cách mạng và hai phía ấy còn đấu tranh chống nhau cố giành đất, giành dân về mình thì còn có vùng tranh chấp. Nó chỉ sẽ mất đi khi không còn có đấu tranh nữa giữa hai bên, nghĩa là một bên chịu khuất phục và bên kia toàn thắng. Hiệp định Paris không phải chấm dứt đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng và cũng không chấm dứt được ngay cả đấu tranh vũ trang mà nó qui định. Vì địch vi phạm lần chiếm như nói trên kia với ý đồ là chỉ còn một chính quyền nguy, một quân đội nguy. Thề mà chủ trương tự ta nên phân định dứt khoát thành hai vùng thời, vùng địch và vùng ta, để có phương châm đấu tranh thích hợp cho mỗi vùng, để ổn định ngay tình hình, để ta có thể củng cố xây dựng lại lực lượng vũ trang của ta đã yếu rồi, xây dựng vùng kinh tế của ta,

xây dựng chính quyền của ta, thì thật là không phù hợp chút nào. Tôi còn nhớ trong cuộc họp các đồng chí trong Trung ương Cục chuẩn bị tham gia hội nghị Bộ chính trị, các đồng chí đều khẳng định là căn cứ vào thực tế chiến trường B2 thì bất cứ tình hình nào, thời kỳ nào cũng phải giữ đầu tranh ở cả ba vùng. Trừ phi ta thủ tiêu đầu tranh thì mới mất đi vùng tranh chấp. Thực tế không phải mất đi mà vùng ta lấn lướt biến thành vùng tranh chấp, vùng tranh chấp sẽ biến thành vùng địch, cho tới khi không còn cả vùng ta lẫn vùng tranh chấp mà chỉ còn độc nhất vùng địch kiểm soát. Các đồng chí còn phân tích rằng thực tế không bao giờ có tình hình ổn định trên chiến trường vì cả ta và địch không bên nào thủ tiêu đầu tranh cả, cho dù không còn chiến đấu vũ trang thì vẫn còn đầu tranh chính trị, kinh tế.

Trong lúc đang họp Bộ chính trị mở rộng thì đồng chí Trần Hữu Dục được trung ương phái vào chiến trường Trị Thiên nghiên cứu tình hình thực tế đã về và báo cáo tại hội nghị rằng Trị Thiên đã phân vùng xong, từ đường xe lửa trở về biển là vùng địch, từ đường xe lửa lên biên giới với Lào là vùng ta. Đã rút bộ đội về vùng ta củng cố. Tình hình hiện nay đã ổn định, anh em đều phấn khởi...

Chúng tôi đã trình bày quan điểm của mình cho rằng làm như vậy là nguy hiểm. Sự ổn định chẳng qua là tạm thời. Khi địch có được một bước chân chính sẽ đánh lấn lên tây đường xe lửa và nếu chúng ta chông lại thì sẽ xuất hiện ra vùng tranh chấp trở lại. Nhưng lần này vùng tranh chấp sẽ nằm ở tây đường xe lửa thôi. Vô hình trung ta đã tự nguyện đưa thêm đất thêm dân cho địch và giúp chúng phá được thế xen kẽ, xóa được trạng thái đa báo, hoàn chỉnh vùng của chúng — một vùng gồm đất đai phì nhiêu, đường sá thuận lợi, nhân dân đông đúc, bao gồm hầu hết các thị trấn, thị xã, đô thị — và triển vọng tình hình sắp tới thế nào hẳn ai cũng đoán được... Phân vùng theo cách như vậy đối với địch là lý tưởng. Nguy quyền Thiệu, cùng như các hãng nghiên cứu chiến lược Mỹ đã từng nghiên cứu ba phương án phân vùng để làm cơ sở đầu tranh ở bản hội nghị Paris:

1. Phân vùng bằng cách cắt ngang Miền Nam Việt Nam theo vĩ tuyến, phía Bắc vĩ tuyến ấy là vùng Việt cộng (Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam), phía Nam là vùng nguy quyền Thiệu.

2. Chia dọc theo chiều dài Miền Nam Việt Nam, vùng trên núi dọc theo biên giới với Lào, Kampuchia, ít dân, nghèo về kinh tế, đường sá giao thông không thuận tiện là vùng "Việt cộng", vùng dọc theo biển, giàu có đông dân, thuận lợi mọi mặt là vùng nguy quyền Thiệu.

3. Ngừng bán tại chỗ, ai ở đâu đứng đó và thành vùng kiểm soát xen kẽ lẫn nhau.

Trong ba phương án ấy Nguy sợ nhất là phương án 3, vùng xen kẽ đa báo, vì chúng cho như vậy sẽ không thể ngừng bán, nguy hiểm cho chúng, vì rất nhiều khả năng nhân dân sẽ nổi dậy chống và tiêu diệt chúng. Vùng chúng không hoàn chỉnh sẽ rất khó xây dựng kinh tế, khó cai trị hữu hiệu vân vân... Chúng thích nhất là chia dọc theo phương án 2. Vì chia như vậy hoàn toàn có lợi cho chúng. Chúng nghĩ không bao lâu với sự giúp đỡ và viện trợ của Mỹ, chúng sẽ giàu mạnh, nắm nhiều dân và sẽ đi đến tiêu diệt chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam và độc chiếm Miền Nam Việt Nam.

Ta đã đầu tranh trên bản hội nghị, nhưng chính là đổ máu nhiều ở chiến trường mới buộc địch phải bắt dặc đi nhận ngừng bán tại chỗ. Bây giờ ta lại tự dung chia theo dọc ư?

Nghị quyết 21 đã xác định rõ: "Thế và lực của cách mạng Miền Nam hiện nay mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào từ 1954 đến nay" và "thắng lợi mới của nhân dân ba nước Việt Nam — Lào — Kampuchia đã dẫn đến sự thay đổi trong so sánh lực lượng trên bán đảo Đông Dương có lợi hơn bao giờ hết cho cách mạng Miền Nam".

Thực tế tình hình diễn biến trên chiến trường càng ngày càng rõ sự xác định này rất chính xác, lực lượng cách mạng đã mạnh hơn hẳn lực lượng phản cách mạng ở Miền Nam Việt Nam.

Sau này, trong Hội nghị Bộ chính trị Trung ương Đảng mở rộng vào tháng 12-1974 để bàn kế hoạch chiến lược 1975 — 1976 nghĩa là gần hai năm sau khi thực tế đã rõ, anh Lê Đức Thọ đã phát biểu đại ý : Từ Hiệp định tới nay nói chung là ta đánh giá địch cao, ta thấp. Thực tế trên chiến trường chỉ rõ : Khi 5 khi đánh thì sơ địch đánh phía sau, khi trên ra lệnh kiên quyết đánh thì đánh thắng lợi. Trị Thiên cũng ngại địch. Đồng bằng sông Cửu Long, một tháng 12 thôi ta gớt trên 500 dòn bót địch đóng trái phép. Một tháng mà đạt chỉ tiêu 70 % sào tháng mùa khô. Bây giờ qua thực tiễn rõ ràng ta mạnh hơn địch. Thề mà trước đây khi bàn đề ra Nghị quyết 21, vẫn cãi nhau ta mạnh hay địch mạnh.

Nghị quyết 21 còn xác định : “ Con đường của cách mạng Miền nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất cứ tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tấn công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng Miền Nam tiến lên. Nghị quyết đã đề ra phương châm phương thức đấu tranh cho từng vùng : “ Vùng giải phóng ... phải xây dựng và củng cố ” ; “ vùng tranh chấp ... , phải giữ vững thế và lực của ta và từng bước chuyển lên ... ” và “ vùng địch kiểm soát ... cần lãnh đạo quần chúng đấu tranh ” ...

Sự xác định chiến lược và đề ra nhiệm vụ như thế đã dẹp đi những tư tưởng (nhưng chưa hẳn đã dập tắt) còn tồn tại nơi Mỹ nguy có thể thì hành hiệp định, tướng có thể có hòa bình, có ổn định. Nó cũng làm bớt đi tư tưởng sợ địch mạnh. Cũng trong cuộc họp Bộ chính trị này đã xác định ta phải đánh trả một cách kiên quyết kẻ địch vi phạm hiệp định. Nghị quyết 21 đã nêu : “ Hiện nay phương hướng chủ động, tích cực có lợi nhất cho sự nghiệp cách mạng của cả nước là luôn luôn giữ vững cao ngọn cờ hòa bình và chính nghĩa, đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao buộc địch phải thi hành hiệp định Paris để thắng địch ”. Rõ ràng Đảng ta đã nhận định nhất quán từ đầu, hiệp định Paris là một thắng lợi của ta, ta phải đấu tranh buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh, ta có chính nghĩa ta nhất định thắng. Ta đã ký và ta tôn trọng chữ ký của ta. Ta cũng bắt chúng



Trên đường đi Trung đoàn 320

phải tôn trọng chữ ký của chúng. Không cho phép Mỹ Ngụy trắng trợn phá hoại hiệp định. Để giữ thành quả của cách mạng, ta phải trừng trị kẻ địch vi phạm hiệp định tiến hành lấn chiếm và bành trướng. Không phải ta bị động đánh trả nơi nào địch thấy có lợi cho chúng để vi phạm tấn công ta. Ta phải chủ động đánh trả chúng thật đau, đánh ngay vào cả những nơi xuất phát tấn công của chúng ; vào nơi bắt lợi cho chúng. Trên tinh thần đó vào tháng 9 năm 1973 chúng ta đã tuyên bố công khai trên đài truyền thanh của ta để cảnh cáo trước kẻ địch và để thế giới hiểu rõ hành động chính đáng của ta.

Chúng ta mong rằng với sự cảnh cáo này, Mỹ ngụy sẽ tính ngó lại để tránh cho ta bước lòng phải hành động nổ súng thật. Những điều kiện để đi vào thi hành hiệp định vẫn còn đó, cánh cửa vẫn còn mở cả ở F-15 cả ở Tân Sơn Nhất. Nhưng Thiệu có lẽ tưởng chúng ta mạnh thật, tưởng quan thấy Mỹ của chúng ta vẫn là chỗ dựa vững vàng. Vì thế Thiệu càng dấy mạnh chiến tranh, bắt chấp Hiệp định, bắt chấp những lời cảnh cáo, mong ngự trị mãi mãi Miền Nam Việt Nam. Và Mỹ cũng tưởng rằng Mỹ rút quân, nhưng bằng chiến lược Việt Nam hóa, Mỹ sẽ vĩnh viễn ở lại Miền Nam Việt Nam.

Hãy nghe một người Mỹ, Weldon A. Brown kể trong quyển sách : " Chiếc trục thăng cuối cùng " của ông ta :

" ... Thiệu vẫn nghĩ là được Mỹ viện trợ và với những lời cam kết bí mật của Nixon, ông ta chẳng có gì phải lo ngại cả. Lời cam kết vẫn còn giá trị và đã được tăng cường qua việc Mỹ đã cung cấp thêm cho ông ta các máy bay phản lực chiến đấu và các vũ khí rất hiện đại, thậm chí năm 1975 khi quốc hội Mỹ cảm không được tiếp tục giúp đỡ về mặt chiến đấu, Thiệu vẫn cảm thấy ung dung vì đã có lời cam kết của Nixon. Chương trình viện trợ, và những lời hứa của chúng ta đã làm cho Thiệu cảm thấy an toàn một cách giả tạo và do đó đã dẫn tới kết quả là Thiệu đã từ chối mọi nỗ lực hòa giải hoặc thương lượng với đối phương và đã làm cho Thiệu coi thường hiệp định Paris. Trong năm đầu sau kỳ ký Hiệp định, Thiệu đã tiến

hành các cuộc tấn công nhỏ, đẩy quân cộng sản ra khỏi một số khu vực thuộc Châu Thổ Sông Cửu Long và dọc theo bờ biển, thiết lập các tiến đồn ở đó, và tái định cư những người tị nạn vào các khu vực mới chiếm lại được và thậm chí còn cho quân đột kích vào cả Kampuchia nữa.

“Thiệu không muốn cho quá trình chính trị thành công để làm suy yếu chính quyền của ông ta, dù bất cứ dưới hình thức nào — Anthony Lewis đã viết như sau:

“Thiệu cảm mọi người không được đi từ vùng này sang vùng khác, biến những người tù chính trị thành các tù thương phạm để tiếp tục giam giữ họ và cầm hoàn toàn các Đảng phái không được hoạt động trừ Đảng của ông ta. Thiệu không chỉ từ chối không chịu thực hiện các điều khoản của Hiệp định Paris mà thôi, mà Thiệu còn coi việc tuyên truyền cho hiệp định ở Nam Việt Nam là một tội lỗi, và vào lúc cuộc ngừng bắn sắp được thực hiện thì Thiệu đã phát động các cuộc hành quân gây hấn. Thiệu cần chúng ta ngầm ngầm ủng hộ các hoạt động vi phạm hiệp định này của ông ta và hình như Thiệu đã được chúng ta ủng hộ như vậy. Ngay trước khi có cuộc hưu chiến Oa-sinh-tơn đã nhanh chóng chuyển chỗ cho Thiệu một đợt vũ khí mới trị giá một tỷ đô la. Có tin là đầu tháng 2-1975 Thiệu đã nói với một nhà báo người Mỹ rằng kể từ khi ký hiệp định Paris, Hoa Kỳ chưa bao giờ gây sức ép buộc ông ta phải có những nhượng bộ chính trị với phía cộng sản cả, tức là thực hiện các điều khoản gìn giữ hòa bình.

“Shipler đã viết rằng đại sứ Martin và Mỹ đã chẳng làm gì để can ngăn những hành động liều lĩnh này và chẳng làm gì để thuyết phục Thiệu thực hiện hiệp định Paris”.

Như vậy là đã rõ, kẻ đã vi phạm hiệp định, cố tình đẩy mạnh chiến tranh là ai. Và nhất thiết kẻ vi phạm này phải bị trừng trị.

CHƯƠNG BA TRỪNG TRỊ KẺ VI PHẠM HIỆP ĐỊNH

Sau cuộc họp Bộ chính trị, chúng tôi họp với Quân ủy Trung ương để bàn cụ thể chấp hành Nghị quyết Bộ chính trị. Ngày 1-6-73 Đoàn B2 đã họp bàn nội dung diện chỉ đạo trước chiến trường theo tinh thần hội nghị và sắp xếp việc đi về. Tôi còn phải làm việc cụ thể một loạt với Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục chính trị, Tổng cục Hậu cần, các Bộ Tư Lệnh binh chủng để các đồng chí hiểu rõ thực tế của chiến trường, nghe ý kiến đóng góp chỉ đạo về chuyên môn của các đồng chí, nhận những sự chỉ viện có giá trị của các đồng chí về kế hoạch, về vật chất kỹ thuật. Và tôi hồi hả chuẩn bị lên đường.

Được trở lại với rừng xanh, với chiến trường khói lửa, với các đơn vị chiến đấu của mình sau một thời gian xa cách, lòng tôi nôn nao vui sướng. Cái vui sướng hồn nhiên này đã làm tôi phát hiện một cảm giác đã có trong tôi từ bao giờ: tôi đã xem căn cứ là nhà, chiến trường là quê hương, cán bộ và chiến sĩ trong cơ quan và đơn vị chiến đấu là thân thuộc. Khi nhận nhiệm vụ rời khỏi chiến trường ra Sài Gòn trong ban liên hợp quân sự 4 bên, tưởng như không còn trở lại, lòng tôi bồi hồi luyến tiếc như búi ngui từ biệt quê hương. Giờ đây sắp trở lại căn cứ và chiến trường, tôi khắp khởi mừng vui khác nào như sắp trở về làng cũ, thân thương. Có phải chăng

hàng chục năm quen sống ở chiến trường, trời rộng đất dài, cánh vạt thay đổi, chim rừng, cá nước, đã làm cho tâm hồn tôi chỉ rung động với rừng xanh. Hay tôi đã tâm niệm suốt đời mình vì độc lập tự do nên nguyện cầm súng chỉ đầu cho đến ngày đạt mục đích mà cuộc đời đã gắn bó với chiến trường. Không hoàn toàn là như vậy. Mỗi cho đến ngày cầm bút viết những dòng này tôi càng thấy rõ thêm lý do luyện tức cuộc đời và xã hội chiến sĩ trong bao năm trường khói lửa. Đẹp làm sao, cao quý làm sao, tình bạn chiến đấu thiêng liêng vì mục đích chung giải phóng Tổ quốc, giải phóng nhân dân. Trong những ngày gian khổ thiếu ăn thiếu uống, ta đã chia nhau từng khúc củ mài, củ chup, từng lá bép, trái gùi, và sốt cho nhau từng ngụm nước suối lấy từ bên kia dốc núi. Trên đường Trường Sơn năm nào, sau hàng tháng trời mang nặng, treo đeo vượt suối dên kiệt sức, ta nhường nhau miếng đường, tí muối hay miếng rau khô kỷ niệm cuối cùng để chờ đợi nhau về tới đích. Mỗi một mạng sống quý giá biết ngần nào, Tổ quốc đang cần từng tay súng. Nhưng ta cũng coi nặng sống nhẹ như lông hồng. Anh sẵn sàng hy sinh, lao vào quân địch, không chút đắn đo để cứu sống đồng chí mình. Tôi vì cái vui của anh, anh buồn cái buồn của tôi. Nghe tin anh thắng trận, làm tốt hơn tôi, tôi phần khởi cổ học hỏi nơi anh. Nghe tin tôi bại trận, anh lo nghĩ tìm phương giúp đỡ. Tất cả vì sự nghiệp chung. Tất cả đều vì cách mạng. Mình vì mọi người, mọi người vì mình. Cuộc sống ở "Rừng xanh", là như thế đó. Cuộc sống giữa những người bạn chiến đấu trong cả hai cuộc chiến tranh, trong các căn cứ Dương Minh Châu, Chiến khu D, Đồng Tháp Mười, Rừng U-Minh là như thế đó. Tình thương đồng chí, đồng đội, khu rừng, giống suối, mệnh mông không bờ bến. Đó là tình thương học được của Bác Hồ, tình thương mệnh mông của Bác đời với đất nước và con người lao động, chiến đấu. Tình thương đó vượt cả không gian, vượt cả thời gian, ở đây, ở kia, trước sau như một.

Ài đã từng sống những đoàn đời như vậy mà lại không năng nịu luyện tức. Đúng rồi, không phải chiến trường hay

rừng xanh quyền rũ tôi mà là lòng người, đạo đời làm tôi quyền luyện.

Suốt dọc đường Trường Sơn, lần này bom đạn địch giãm hơn trước nhiều. Mọi hoạt động tươi vui hẳn lên, phần chẵn hẳn lên. Hết binh trạm này đến binh trạm nọ, từ Đoàn này đến Đoàn khác, mỗi người một việc, năng suất cao hơn trước gấp bội. Anh em vui mừng khi gặp Đoàn từ Hà Nội vào Nam, mọi người đều muốn biết có gì mới về chủ trương đường lối? Bộ chính trị đã có Nghị quyết về tình hình nhiệm vụ mới chưa? Cán bộ phụ trách các đoàn, các trạm ri tai rồi hỏi: B2 định làm an thế nào? Triển vọng ra sao? và hứa sẽ làm hết sức mình để chỉ viện cho chiến trường. Tôi rất cảm động. Các đồng chí đã tận lực chỉ viện, đảm bảo cho các chiến trường, nhưng chính đây cũng là chiến trường rồi, các đồng chí không những chỉ viện cho tiền tuyến mà còn chiến đấu anh dũng trong bom đạn ác liệt có thua gì ở tiền tuyến. Thật là một tinh thần cao cả chỉ nghĩ cho các đồng chí mình, vì các đồng chí mình, vì toàn thắng của cách mạng. Khắp nơi trên đất nước này trong chiến tranh đều như vậy đó. Triệu người như một, nghe và tin theo Đảng, đã sống, công tác, chiến đấu, hy sinh tất cả vì chiến thắng, vì thành công của cách mạng Miền Nam, vì thống nhất Tổ quốc.

Tất nhiên, không tránh khỏi một bộ phận nào đó lạc hậu "tụt tụt" (1) phạm kỷ luật, có số nào đó sợ chết, trốn tránh không dám vào chiến trường, nhưng đó là một tỷ lệ quá nhỏ hầu như không đáng kể.

Trên đường đi vất vả và hiểm nghèo tôi đã mơ về chiến thắng. Chiến thắng rồi ta sẽ có một dải non sông từ Lạng Sơn đến Mũi Cà Mau, từ biên giới đến hải đảo, bầu trời bao la, biển rộng bao la. Ta sẽ có 40, 50 triệu con người Việt Nam sống theo kiểu mới. Ta sẽ xây dựng một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa hết

(1) Có nghĩa là sợ chết tụt lại phía sau hay tụt qua đơn vị khác vì ngại hiểm hơn.

như xã hội và con người mà lòng người, đạo đời đã quyền uyển tới. Phải quét sạch những thói hư tật xấu của con người mà lối sống đua chen vì cá nhân ích kỷ trong xã hội phồn vinh giả tạo, xã hội hưởng thụ của thực dân kiểu mới Mỹ để lại. Phải không còn những thói đen bạc, chạy theo ham muốn cá nhân thấp hèn, đi đến chống phụ vợ, con bỏ cha, bạn bè thay đổi tùy sự cần thiết nhất thời cho mình. Xã hội mới phải là một xã hội không còn bóc lột, không còn áp bức, bất công, mọi người đều có điều kiện phát huy tài năng của mình tham gia xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho tất cả mọi người. Con người mới phải là con người gương mẫu có đức độ, có tài năng.

Đức, biểu hiện ở đạo xử thế giữa người và người, giữa chung và riêng, trong gia đình, ngoài xã hội. Mọi người thương yêu kính phục lẫn nhau, trung thực, chân thành, thủy chung. Không có gì giống với kiểu người trước mặt tươi cười vốn vờ, sau lưng tìm cách đâm nhau, "miệng nam mô bụng một bồ dao găm". Phải là đạo đức Việt Nam, đạo đức Cộng sản, cả hai kết lại thành đạo đức Hồ Chí Minh.

Tài, biểu hiện ở kết quả cụ thể của công việc, của nhiệm vụ hoàn thành, không phải qua lời nói hoa mỹ, phô trương bề ngoài. Nói không đi đôi với làm thì nói không có giá trị gì, lý luận không chứng minh bằng thực tế thì chỉ là lý luận suông. Mỗi cá nhân phải là tấm gương trong học tập, công tác, chiến đấu, sản xuất, cách sống, sống trong một gia đình gương mẫu, hòa thuận, trong một xã hội trật tự nhịp nhàng. Mình không gương mẫu nói không ai nghe, gia đình không hòa hợp gương mẫu thì nói gì xây dựng xã hội trật tự, công minh. Tôi nghĩ xã hội của ta sau này nhất định phải là một xã hội trong sáng bao gồm những con người trong sáng. Khác xa với xã hội của Mao mà đồng chí P. P. Vladimirov đã viết trong "Nhật ký Diên An":

"... Tinh Nguyên tắc của Đảng được thay thế bởi óc tiền thân, thói xu nịnh công khai và tự hạ thấp mình xuống. Tự hạ thấp mình nói chung đang trở thành một đặc trưng của đời

sống Diên An. Trong khi cổ nhân thân hào bất cứ giá nào, giữ lấy chức vụ của mình, hơn n... leo cao hơn, người ta... như đã phát diện lên. Danh dự, phẩm giá, tinh ban... bị quên lãng...".

Dứt khoát đó không phải là con người cộng sản. Đó không phải là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tôi còn mơ về một con đường. Tôi đã trao đổi hào hứng với các đồng chí trong Bộ Tư Lệnh đoàn 559 ngay ở Sở chỉ huy Đoàn lúc ấy. Chúng tôi bàn: Cách mạng thành công rồi, nước nhà thống nhất rồi, ta sẽ xây dựng đường 559 này, con đường Trường Sơn Đông, con "đường mòn Hồ Chí Minh" nổi tiếng, thành một đường Hồ Chí Minh hiện đại thực sự. Đó là một xa lộ chạy dài Nam Bắc dọc giải Trường Sơn dựa vào nền cũ của đường 559 cái tiền lai, rộng thênh thang, đúng tiêu chuẩn. Từng chặng, xây lên những tượng đài kỷ niệm ghi thành tích chiến công của mỗi đoạn đường, của những anh hùng liệt sĩ, để con cháu ta mãi mãi về sau biết rõ về con đường xương sống của Tổ quốc xuyên suốt đất nước, con đường thống nhất ngày từ đạo ấy. Trong xương sống ấy là chảy đi giống tủy sông từ Hà Nội thủ đô, từ Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cho Miền Nam sông còn chiến thắng. Và sau này nếu có khả năng nữa ta lại xây một đường xe lửa song song. Đường xa lộ Hồ Chí Minh, đường xe lửa Hồ Chí Minh, thực sự sẽ là những con đường xương sống điều hòa cho cả một đất nước đang phát triển lớn mạnh. Mọi ước mơ sẽ trở thành sự thật, ngày nay ta xả thân chiến đấu cho thành công, con cháu ta sẽ tiếp xây dựng cho nước nhà giàu mạnh cho đời sống văn minh, hạnh phúc của nhân dân.

Vào cuối tháng 6, giống sông Sêkông nước đã nhiều và chảy mạnh. Hai chiếc thuyền máy vững chắc của đoàn 471 (thuộc Bộ Tư Lệnh 559) đã đưa chúng tôi xuôi về Nam, vượt bao thác ghềnh hiểm trở. Mỗi lần qua thác ngồi trên thuyền nghe rợn cả người. Một chiến sĩ ngồi cầm vùng cần lái phía sau, mắt dăm dăm nhìn về trước. Một người khác đứng oai phong đằng mũi hai tay cầm một sào dài, sẵn sàng chông lách con

chuyển tránh các tảng đá nguy hiểm nhô lên giữa dòng hay ngấm dưới mặt nước. Trong khi đó con thuyền cứ lao nhanh theo giòng sông chảy xiết, nhiều lúc tưởng sắp va đập vào đá tan tành. Bỏ xe xuống thuyền rồi lại rời thuyền lên bộ, những cuộc đón đưa thân mật tận tình, những buổi già từ quyền huyện. Làm sao nhớ hết được những con người dọc mọi nẻo đường chinh chiến. Họ là cán bộ hay chiến sĩ, là gái hay là trai, hầu như ai cũng giống như ai: một vẻ mặt bình tĩnh trước mọi gian nguy, một nụ cười rạng rỡ nâng đôi môi đỏ thắm, một tâm lòng thương nước, một ý chí sắt son. Gặp là thân ngay, đi là nhớ tiếc.

Vừa lên bờ tôi gặp ngay đồng chí Cửu (1), Phó phòng Bảo vệ Miền, cùng một số anh em đưa máy xe con "Com-măng-ca" đón chúng tôi về căn cứ. Cửu là cán bộ chuyên tổ chức những chuyến đi công tác, đi chiến dịch cho chúng tôi, rất có nhiều kinh nghiệm đảm bảo an toàn và nhanh chóng. Tôi ôm chặt đồng chí và lần lượt bắt tay mọi người thật chắc. Đồng chí nhìn ngắm tôi một hồi rồi nói:

— Trông anh hơi gầy đi nhưng vẫn chắc chắn. Nghe tin anh trở về, ai này đều mừng. Tôi tưởng không còn có dịp tổ chức cho anh đi công tác và chiến đấu nữa chứ!

— Bộ anh tưởng tôi ở luôn trong Sài Gòn sao? Thực tình thì tôi cũng muốn như vậy, ở trong Ban liên hợp quân sự 4 bên, rồi 2 bên và có thể cả trong Hội đồng hòa hợp và hòa giải dân tộc, nếu được. Nhưng địch không muốn thế. Chúng không muốn hòa bình, chỉ muốn chiến tranh, nên tôi lại phải trở về với rừng xanh, với các anh thôi.

Đoàn xe chúng tôi về đến nhà vào xế chiều. Nửa năm trời bao nhiêu sự việc đã diễn qua, thế mà cảnh vật đất trời ở đây hầu như chưa có gì thay đổi lắm.

Đồng chí Tám Hòa tức Nguyễn Xuân Ôn, chánh văn phòng Bộ tư lệnh Miền, cùng các đồng chí Lê Văn Xuy, cán bộ bảo vệ, giúp việc tôi từ những ngày tôi mới trở về Nam, các cô Xuân, Thu, Hương ở tổ quân y, Liên, Tâm, tổ cấp dưỡng đều chạy ủa ra tận cổng đón chào rồi rít.

(1) Thượng tá Huỳnh Văn Cửu

Vào sân nhà tôi đưa mắt nhìn khắp lượt. Vườn xanh mướt nào rau tươi, cây ăn trái, chuối, bưởi, mận hồng đào sum xuê. Đồng chí Chín Dũng già, người chiến sĩ tiểu đoàn 309 cũ hồi kháng chiến chống Pháp, nay chăm chỉ làm vườn vui vẻ khoe với tôi thành tích và nhân xét:

— Lâu nay địch có hơi thả bom bắn phá chỗ này nên cây cối mới nảy chồi tươi tốt. Ước gì hòa bình được thực hiện thì khắp khu rừng bị phá trụi này sẽ thành những vườn cây ăn trái những lùm rau cải xanh um. Tôi sẽ ró díp về Mỹ Tho — Cầm Sơn quê tôi an dưỡng tuổi già. — Chín Dũng quay qua giới thiệu tiếp: — Đây nữa cậu Tài, cô Thảo, Tô văn thư cũng sẽ chuẩn bị cho hai người làm lễ cưới để anh em uống cốc rượu chúc mừng.

Trong lúc Thảo và Tài bên lên cô giàu cái mỉm cười sung sướng thì Kiên Chiến, phó văn phòng, cùng các thanh niên Diệp, Cách, Lưu, tổ công vụ cười to tán thưởng. Mỗi người một câu tíu tít hỏi thăm tôi đủ chuyện. Tôi không kịp trả lời cho một ai đầy đủ. Thật là cảm động, y như trong một gia đình. Tôi vội vàng nhớ đồng chí "Năm thuốc độc" (tức Nguyễn Văn Hoành), thư ký của tôi, lấy quả Hà Nội từ trên xe, phân phát cho từng người. Anh em gọi đồng chí như vậy vì đồng chí tên Năm, là cán bộ binh chủng hóa học, để phân biệt với đồng chí "Năm thuốc đỏ", bác sĩ quân y cùng cơ quan — Quả không có gì quý giá, thuốc là "Thú đỏ" cho nam và kim, chỉ, kẹp tóc cho nữ, chỉ quý là ở tâm lòng.

Như sức nhớ ra một điều thú vị, anh Tám Hòa kéo tay tôi hỏi:

— À, anh có biết rằng nguy ra kiên nghị công khai đòi anh trở lại Sài Gòn không? Nực cười quá, chúng nó Hà Nội đã "quản thúc" anh, Hà Nội phải trả anh về với chúng (!)

— Chẳng qua là trò tâm lý chiến.

— Anh Hai Kiệt (1) trong Ban liên hợp quân sự điện báo

(1) Tức Bùi Thanh Kiệt, Đại tá Phó trưởng phái đoàn quân sự của chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam trong ban liên hợp quân sự 2 bên.

cáo rằng khi anh đã đi Hà Nội rồi và lúc biết chắc anh đi luôn, chúng lỏng lẻo lên. Chúng uy hiếp Phái đoàn ta. Chúng hăm : nếu trung tướng Trần Văn Trà không trở lại, chúng sẽ cho xe đèn xúc cả Phái đoàn. Biết đâu chúng không làm thật, vì bọn nguy trước nay có từ một hành vi thấp hèn nào. Vì vậy anh em ta trong đó cũng phải có phương án sẵn sàng chiến đấu tự bảo vệ đây. Tình hình căng thẳng kéo dài hàng tháng. Thương anh em quá anh ạ.

— Chúng ta sẽ đấu tranh buộc chúng phải thi hành đúng Hiệp định Paris thôi. Chúng không dám làm gì anh em ta đâu. Vì chúng ta mạnh cả về pháp lý, cả về chính trị, quân sự.

Nghị nghị được vài hôm thì Trung ương Cục họp bàn ngay việc phổ biến Nghị quyết 21 và tổ chức thực hiện. Nhóm mục đích đó, cuộc hội nghị cán bộ quân chính toàn Miền (B2) mở ra vào tháng 9-73 dưới một rừng le đẹp mắt của khu căn cứ, tập họp rộng rãi cán bộ lãnh đạo các tỉnh, các khu, các đoàn thể và các trung đoàn, sư đoàn lực lượng vũ trang. Cuộc thảo luận rất sôi nổi hào hứng. Các đồng chí đã đem về đây, những thực tế ở các địa phương, các đơn vị, những cái hay và cả những cái dở của ta vừa qua, soi rọi với lý luận, với nghị quyết, phê phán cái đúng, cái sai. Những vấn đề thời sự tập trung của tình hình, không tránh được lời ra phàn tích, vẫn là vấn đề địch mạnh hay ta mạnh, hai vùng hay ba vùng, cũng cỡ tại chỗ hay rút về sau, đánh trả thế nào... Có khác chăng là ở đây cuộc thảo luận đã đi vào rất cụ thể, đi vào từng chi tiết, khía cạnh để về thực hiện đúng, tránh lệch lạc tá hữu khuynh. Đặc biệt các đồng chí đã khảo với nhau nhiều về chủ trương binh vận ngay sau khi có hiệp định : Nào là hiện nay phải lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu, binh vận là chiến lược. Phải dùng nhiều thủ đoạn binh vận của quân chúng làm tê liệt các cuộc hành quân của địch, vô hiệu hóa đồn bốt chúng, đó là tấn công rồi. Ta có lực lượng quân sự mạnh nhưng tránh dùng, vì dùng quân sự rắc rối lắm, mất tin nhau, găng nhau. Ta phải dám làm việc hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù. Từ những quan điểm phiên diện này chỉ căn cứ vào suy nghĩ và mong muốn chủ quan của ta

mà không đem xia đèn thực tế âm mưu và hành động của địch, làm cho bên dưới càng dễ ra tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, hữu khuynh, thủ tiêu chiến đấu. Có cán bộ còn phê phán cấp dưới : “ Các anh đánh nhau hàng chục năm rồi chưa đủ sao, nay còn muốn đánh nữa. Bây giờ phải “ xanh vỏ đỏ lòng ” đây mạnh binh vận, biến người của địch thành người của ta “ ... Ta vẫn có quân, có súng đạn, Mỹ Thiệu tổ chức Mỹ Thiệu nuôi, có đủ lực lượng mà khỏi phải lo về hậu cần rắc rối ; lời thôi và vận vận ” ... Cấp dưới không dám trả lời nhưng trong thâm tâm anh em muốn hỏi lại : “ Thừa đồng chí, chúng tôi có muốn đánh nữa cho thừa chí cá nhân đâu, chúng tôi muốn đất nước hòa bình, nhân dân hết chết chóc. Nhưng địch hành quân cần quét lần chiếm, chia súng bắn chúng tôi, âm mưu xóa sạch thành tựu cách mạng vừa qua thì chúng tôi phải làm gì : Có phải chúng tôi đứng thẳng người, dơ nắm tay lên trời hô khẩu hiệu : “ Hòa bình muôn năm ” ? Không ! Thật tình chúng tôi không muốn cái trò ngầy thơ đau xót hồi những năm 1954—1959 diễn lại. Trong tim mình còn nhức nhối cái tang của không ít đồng chí đã ngã xuống lúc ấy trong tay còn cầm súng mà không dám bắn, cái tang của nhiều phong trào địa phương bị chìm trong máu ”. Vì sợ bị phê bình là làm sai chủ trương (binh vận), ở Mỹ Tho du kích phải tổ chức đánh lên (lên đồi với cấp trên) đồn bốt địch đồng trái phép vào căn cứ mình. Ở Mỏ Cày, Bến Tre, trước tình hình địch lần chiếm mà lực lượng vũ trang không được đánh trả phải lùi mãi, anh em than thở : “ Chỉ còn nước chui xuống sán mà ở ” Cuối cùng phải tự động đánh trả mới khôi phục lại được vùng căn cứ của huyện.

Sau hội nghị cán bộ quân chính, chúng tôi họp với các đồng chí quan sự bàn cụ thể kế hoạch quân sự mùa khô 1973—1974, mùa khô đầu tiên thực sự sau hiệp định. Nội dung kế hoạch là xác định lại thái độ rõ ràng của ta tôn trọng Hiệp định, bảo vệ Hiệp định và vì vậy phải trừng trị kẻ vi phạm. Ta cố làm đúng như đã tuyên bố, kiên quyết và chủ động trừng trị, trừng trị ngay từ nơi xuất phát tấn công vi phạm của địch. Muốn như vậy ta phải mạnh, mạnh về chính trị, pháp lý, mạnh cả về

quân sự, không phải chỉ mạnh về lực lượng mà còn mạnh về cách hỗ trợ các loại lực lượng ở cả các vùng theo một thể chiến lược vững vàng sẵn sàng cho mọi tình huống. Phải củng cố chân chính các lực lượng vũ trang, củng cố tại chỗ, phải phát triển thể và lực của cách mạng ở cả ba vùng, vùng ta, vùng địch, vùng tranh chấp. Tất cả các địa phương phải dùng mọi hình thức chính trị thuyết phục, binh vận, ép rút, tiêu diệt tất cả các đồn bót vị trí đóng trái phép bất cứ ở vùng nào sau ngày 28-1-73. Phải bảo đảm cho nhân dân các quyền tự do dân chủ, tự do đi lại làm ăn, tự do phá bỏ áp chiến lược, trở về làng cũ nếu họ muốn. Phải tiêu diệt lực lượng nào đi hành quân đánh phá, cản quét, cướp bóc nhân dân, cản trở công việc làm ăn sinh sống của nhân dân. Tất cả hành động này là hợp pháp, ta đã báo cho đoàn ta trong Ban liên hợp quân sự 2 bên biết để các đồng chí phối hợp đấu tranh ở bàn hội nghị.

Kiểm điểm lại tình hình từ khi có hiệp định cho đến nay giờ, chiến trường B2 đã có nhiều thay đổi: Từ tháng 1 đến tháng 4-73 trên tất cả các quân khu, các tỉnh, địch dùng các thủ quân đánh phá lần chiếm các vùng của ta, ra sức bình định, gồm dân, bắt lính, phá địa hình, đặc biệt quanh Sài Gòn dùng xe ủi đất san bằng nhà cửa vườn tược nhân dân, dùng quân lính, tội phạm chặt phá cây cối, dọn sạch đừa nước, đóng thêm đồn bót, tung gián điệp "Phượng hoàng" phát hiện, bắt, giết những người yêu nước mà chúng gọi là hạ tầng cơ sở Việt cộng. Từ tháng 5-73 trở đi, do sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương cục và Bộ chỉ huy Miền, của các cấp lãnh đạo địa phương, ta đánh trả lại quyết liệt nên địch chững lại rồi bị đẩy lùi từng bước. Đồn bót đóng trái phép bị diệt, đầu hàng, rút chạy, lính địch ra và dãn ngũ mỗi ngày một nhiều, các đơn vị chủ lực, bảo an địch bị dồn dáu đã bộc lộ các điểm suy yếu và ngày càng bị thua thiệt trên cả các vùng.

Tình hình diễn biến về phía ta và địch theo 2 chiều ngược nhau ngày càng rõ. Về ta, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân thấy Mỹ nhũn, ngày suy yếu, ta thắng lợi, thể ta lên, tinh thần phấn khởi, tin tưởng và tích cực tham gia mọi công tác

chống địch. Về địch sĩ quan và binh lính các loại lực lượng đều nhận thấy sự thất bại là Mỹ đã thất bại, đã tỏ ra ngán chiến tranh, sợ chiến tranh tiếp tục, mong muốn hòa bình. Trên đơn vị hành quân thì làm lầy lẹ, có khi không làm nhưng báo cáo láo (xảy ra từ cấp chiến đoàn và cấp tiểu đoàn). Có binh lính đã chống lệnh, dáo ra ngũ ngày càng nhiều. Các lực lượng kềm kẹp dân cũng tiêu cực, nới lỏng kềm. Nhờ đó nhân dân đấu tranh bung ra làm ăn ngày càng xa nơi ở, lần lượt trở về làng cũ, về vùng giải phóng của ta. Trong lúc đó bọn Mỹ, ngụy bên trên vẫn rất ngoan cố, và chủ quan, đặt hết kế hoạch này đến kế hoạch nọ và ra lệnh cho dưới thi hành. Thiệu đã chỉ thị cho đến cấp tiểu khu (tỉnh):

1) Lấn đất giành dân giữ vững vùng đã kiểm soát, giữ vững an ninh, không được để mất một xã, ấp nào. (Chỉ tiêu chúng là kiểm soát cho được 11.000 trong tổng số 13.000 ấp trong toàn Miền Nam và đến tháng 2-74 phải đạt 65% số ấp loại A tức loại kềm chặt).

2) Chiếm giữ và bảo vệ tất cả các trục giao thông chiến lược.

3) Tiêu diệt lực lượng vũ trang và lực lượng tiếp vận đối phương ở tất cả các vùng nhất là từ biên giới vào.

4) Có lập bao vây kinh tế, phá hoại, làm mất ổn định vùng căn cứ và vùng giải phóng của đối phương.

5) Tăng cường do thám, gián điệp, biệt kích trinh sát đường không, để nắm tình hình, điều tra mục tiêu, chuẩn bị sẵn kế hoạch chờ thời cơ chiếm lại các vùng như trước ngày 29-3-1972."

Chúng cũng chỉ thị cụ thể cho từng vùng:

"1) Vùng kiểm soát, các đô thị, diệt mầm mống, ngăn ngừa nổi dậy bằng tuần tiễu, phục kích, hành quân, canh sát, diệt cơ sở Việt cộng, kềm chặt dân, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tổ chức dân chúng, củng cố chính quyền, bình thường hóa đời sống dân, tạo điều kiện phục hồi phát triển kinh tế."

2) Vùng củng cố (tức vùng tranh chấp), gồm các ấp loại C, D. Đẩy lùi, ngăn chặn, diệt lực lượng chính trị quân sự Việt cộng. Lập lại và củng cố chính quyền, nâng cao mức độ an ninh, nới

rộng vùng kiểm soát, mở rộng vùng an toàn, dùng chính trị, kinh tế mua chuộc dân, nhưng biện pháp quân sự là chủ yếu. Các lực lượng quân sự lãnh thổ sẽ dần dần tập trung đánh phá vào vùng này.

3) Vùng táo thanh Việt cộng (tức vùng giải phóng và căn cứ của ta). Tập trung đánh phá hành lang vận chuyển bao vây kinh tế, trinh sát, tình báo, tùy tình hình dùng không quân và pháo đánh phá kho tàng và vận chuyển, lôi kéo dân, duy trì chính quyền lưu vong, gây bất ổn định. Duy trì hoạt động quân sự và sẵn sàng kế hoạch chiếm lại.

Về kế hoạch binh định, chúng nêu: cần mở nhiều chiến dịch binh định trong từng tiểu khu, quận khu và toàn quốc, nâng mật độ hành quân đơn vị nhỏ — Đông thêm nhiều đồn bót. Úi phá địa hình vùng tranh chấp và giải phóng của ta. Chỉ tiêu năm 1973 của chúng là phá 12.000 ha. Vùng nào kiểm soát được thì di dân, lập ấp khẩn hoang lần vào vùng giải phóng của ta. Kế hoạch 1973 của chúng là di dân 10 vạn, lập 20 ấp ở các tỉnh Long Khánh, Phước Tuy, Bình Tuy, Lâm Đồng, Kiên Phong, Ninh Thuận, Đắc Lắc. Kinh phí dùng là 50 tỷ tiền ngụy Miền Nam.

Dịch đã nêu thành mục tiêu quốc gia: Chiếm và bảo vệ rồi di dân lãnh thổ. Tranh thủ năm dân đặc biệt là nông dân. Củng cố thực lực quân sự, chính trị. Trọng tâm của dịch là vùng 3 và vùng 4 chiến thuật. Ngày 6-3-1973, Thiệu họp với các Tư lệnh quân khu và các tỉnh trưởng đã nói: "Tôi đặt sự đầu tranh mật còn của Miền Nam vào các vị chỉ huy cao cấp ở 2 vùng này" (Vùng 3 và vùng 4 chiến thuật).

Như vậy là ngụy quyền Thiệu không những không đem xia gì đến hiệp định Paris mà còn lợi dụng Hiệp định, lợi dụng lòng ngay thật của đôi phương tin ở hòa bình, ổn định, hòa hợp dân tộc, tranh thủ củng cố, à phát triển lực lượng của chúng, tăng cường đánh phá lần chiếm, đi đến thủ tiêu hoàn toàn quân giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nếu như ta mất cảnh giác, hữu khuynh lùi bước,

thì lực lượng nguy ngày càng mạnh, thế chúng càng lên và chưa biết tình hình sẽ đi đến đâu. Rõ ràng từ cuối tháng tư trở đi khi ta phản ứng lại, đánh trả lại thì địch đã bộc lộ chỗ yếu kém của chúng, bị chặn và tháo lui lại. Từ khi có hội nghị Bộ chính trị, theo tinh thần thảo luận, Trung ương Cục đã chỉ đạo đôi phó kiên quyết hơn, thì tình hình trên chiến trường diễn biến ngày càng thuận lợi cho ta.

Ngay trong thời kỳ từ tháng 1 đến tháng 4 ở các chiến trường khác ta bị lấn mất đất, mất dân nhiều nhưng riêng ở Quân khu 9 (Miền Tây Nam bộ) là nơi địch tập trung quân đông nhất lúc ấy, xem đây là trọng tâm đánh phá lần chiếm, đặc biệt là vùng Chương Thiện, khu vực giữa bồn tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Rạch Giá, ta vẫn giữ vững các vùng của ta. Sở dĩ được như vậy, vì Khu ủy Khu 9 lúc ấy do đồng chí Sáu Dân (1) làm Bí thư đã thông nhất với Bộ Tư Lệnh quân khu do đồng chí Lê Đức Anh làm tư lệnh, nhận định rằng kế địch không bao giờ chịu thi hành Hiệp định đầu, chiến tranh vẫn là chiến tranh, mọi mặt hoạt động vẫn như cũ không có gì thay đổi cả. Do đó, các trung đoàn chủ lực của Quân khu vẫn ở nguyên tại chỗ, cùng với lực lượng địa phương và du kích hoạt động như bình thường, kiên quyết tấn công, đánh trả quyết liệt, tiêu diệt hàng tiểu đoàn địch (tiểu đoàn 3 trung đoàn 16 sư đoàn 9 ngụy và tiểu đoàn 86 biệt động quân). Điều này rõ ràng không chứng tỏ là lực lượng ta yếu đi và lực lượng địch mạnh lên sau khi có hiệp định như một số đồng chí đã tưởng tượng.

Qua hoạt động đó, quân khu 9 đã giải phóng một vùng dài 20 cây số dọc kinh Nước Đức, phía Nam Chương Thiện, và một số vùng khác nữa. Sở dân mới giải phóng lúc ấy lên đến 60 vạn, trong 11 xã, 152 ấp — Không kể số dân vùng tranh chấp trở về vùng ta sản xuất. Cùng lúc ấy, Khu 9 đã diệt tạt cá các đồn bót lần chiếm trái phép của địch, và rồi một số đồn bót khác của địch đã có từ trước cũng hoảng hốt rút chạy. Hành động dũng cảm và kết quả cụ thể rực rỡ của quân dân khu 9

(1) Tức đồng chí Võ Văn Kiệt.

lúc ấy nổi bật, độc đáo, so với tất cả các quân khu khác, đã được Bộ chính trị biểu dương và nêu gương cho các chiến trường khác. Nhưng có lẽ thay, hành động cụ thể ấy lại ngược hẳn với một loạt chủ trương lúc ấy, khi mới có hiệp định, là gấp rút ổn định tình hình, phân thành hai vùng ta, địch ngay, rút lui lương vũ trang về phía sau để củng cố, không dùng quân sự rắc rối mà đấu tranh chính trị, binh vận là chính. Dùng binh vận dùng quân chúng làm tê liệt các cuộc hành quân địch, làm vô hiệu hóa đòn bẩy địch, đó là tấn công rồi—như đã nói ở đoạn trên. Đặc biệt hành động của các lực lượng vũ trang quân khu 9 xuất phát từ chỗ xem như không có hiệp định, không có gì mới, cứ đánh như cũ. Đó là một nhận thức không đúng về hiệp định Paris, về giai đoạn chiến lược mới. Nhưng nó lại đúng ở chỗ đánh giá sự ngoan cố lạt lọng của địch, giống như hồi hiệp định Genève, kiên quyết giữ những thành quả cách mạng đã giành được; đúng với thực tế tình hình mà không có ảo tưởng, viển vông. “May” mà đây là một chiến trường xa, phổ biến chủ trương của trên thường rất chậm và uốn nắn sai lầm cũng thường không kịp thời. Ở đây nói lên một điểm: thực tế là vô cùng quý báu, dù thực tế của sai lầm hay đúng đắn, nó là cơ sở cho lý luận, cho chủ trương đường lối. Mọi lý luận, mọi chủ trương đường lối không dựa trên thực tế sẽ sai lầm.

Dịch tính toán trong một kế hoạch dài hạn của chúng:

— Từ tháng 2 đến tháng 8 năm 1973, ra sức lần chiếm và kiểm soát tuyệt đại bộ phận lãnh thổ Nam phần Việt Nam.

— Từ tháng 9-73 đến 2-74 ra sức củng cố những cái đã giành được, phòng thủ vững chắc.

— Sau đó vào năm 1974 hay quá lắm là năm 1975 sẽ có giải pháp chính trị, tổng tuyên cứ để hợp pháp hóa, chỉ còn một chính quyền (tức chánh quyền của Thiệu), một quân đội mạnh (tức quân đội Việt Nam cộng hòa)—Chiến tranh tàn lụi—Việt cộng chỉ còn như một Đảng đối lập đấu tranh chính trị đơn thuần không hơn không kém.

— Nếu không như vậy thì sẽ dùng chiến tranh lớn

thanh toán hoàn toàn Việt cộng vào năm 1976 và 1977”.

Về kinh tế, tương xứng với kế hoạch chính trị quân sự đó, chúng cũng vạch ra kế hoạch dài hạn 8 năm 1973 — 1980 đã ban hành ngày 20-5-1973 kế hoạch chia làm 3 thời kỳ:

“ 1973 — 1974, phục hồi tài thiết.

1975 — 1976, phát triển củng cố.

1977 — 1980, Tự lực, giảm viện trợ.”

Tham vọng, kế hoạch và hành động của kẻ địch nhất quán từ đầu là như vậy.

Trên cơ sở tình hình thực tế diễn biến trên chiến trường cho đến lúc ấy vào giữa mùa mưa, biết được mưu đồ và hành động của địch như vậy, chúng tôi nghiên cứu chấp hành nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, cụ thể hóa thành nghị quyết 12 Trung ương cục mà làm kế hoạch hoạt động mùa khô 73-74 của chiến trường B2. Sau khi trình bày và được sự chấp thuận của Trung ương cục, tôi đã duyệt lại kế hoạch này lần cuối cùng và hạ quyết tâm vào tháng 9 năm 1973 để kịp cho Tham mưu và các chiến trường triển khai thực hiện chu đáo và báo cáo ra Quân ủy Trung ương.

Chiến trường chính được xác định lúc ấy là Đồng bằng Cửu Long — Ở đây địch chọn làm trọng tâm binh định, lấn đất, giành dân, vét người vét của. Ta phải chặn bàn tay tội ác của địch lại, kiên quyết trừng trị chúng. Phải lấy lại và giữ vững vùng giải phóng của ta đã có từ trước 28-1-73. Muốn đạt mục tiêu ấy ta phải hoạt động phối hợp các chiến trường chặt chẽ, không cho phép địch hòa hoãn nơi chúng yêu, thà thê, để tập trung quân đánh nơi chúng có ưu thế, nơi có ý nghĩa chiến lược cho chúng. Chúng tôi đã quyết định tăng cường lực lượng cả người và vũ khí cho quân khu 8, 9, chiến trường đồng bằng để hai quân khu làm tròn được nhiệm vụ của chiến trường chính trong giai đoạn này — Lúc này có một vấn đề đặt ra, trong hàng ngũ cán bộ quân sự, cũng như cán bộ dân, Đảng là tăng cường lực lượng cho đồng bằng bằng cách gì?

— Đã xác định đồng bằng là chiến trường chính thì ta phải